

九年  
倆壁

Cửu  
Niên  
Liễn  
Biệch



hương  
liễn

TẬP 4/2016 (38)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO Q.8 NGÀY 9/9/2016

## *Chúc mừng Tân Ban Trị sự GHPGVN Quận 8*

*nhệm kỳ IX (2016-2021)*

### **BAN CHỨNG MINH:**

HT. Thích Nhật Hiện  
HT. Thích Thiện Lương  
HT. Thích Thiện Tấn

### **BAN CỐ VẤN:**

TT. Thích Hiển Đức  
TT. Thích Chơn Tịnh

### **THƯỜNG TRỰC BTS GHPGVN Q.8**

**Trường ban:** TT. Thích Thiện Tài  
**PB thường trực:** TT. Thích Hiển Định  
**Phó ban:** TT. Thích Huệ Công  
**Phó ban:** ĐĐ. Thích Nguyên Nhựt  
**Chánh Thư ký:** ĐĐ. Thích Từ Tâm  
**Phó Thư ký:** ĐĐ. Thích Phước Thành  
**Phó Thư ký:** NS. TN Như Nguyệt

*(xem tiếp trang 144)*



Tập 4/2016 (38)

**BAN CHỨNG MINH**

Hòa thượng Thích Hiển Pháp

Hòa thượng Thích Giác Quang

Hòa thượng Thích Nhật Quang

**BAN BIÊN SOẠN**

Thượng tọa Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

Bác sĩ Lê Hành

**MỸ THUẬT:** Họa sĩ Nguyễn Thịnh

**ÂM NHẠC:** Nhạc sĩ Trần Đức Tâm

**CHỦ BIÊN:** Phan Cát Tường

Tranh bìa: Tượng gỗ Đạt Ma của Nguyễn Thanh Xuân

- Bộ sưu tập KỶ TRÀ QUÁN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2016

# Ngàn Lời Tri Ân

*Kính bạch chư Tôn đức  
Kính thưa quý liệt vị*

*Đại hội Đại biểu Phật giáo Quận 8 nhiệm kỳ IX (2016-2021) được tổ chức vào ngày 9-9-2016 đã thành tựu viên mãn.*

*Tôi vô cùng xúc động và cảm niệm tri ân đến toàn thể quý bằng hữu, quý lãnh đạo Giáo hội, quý lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp, quý vị Tôn giáo bạn, quý vị pháp lữ đồng tu, Tăng Ni quận nhà cùng nam, nữ Phật tử xa gần... đã có những lời chúc tụng thân tình, nói lên tình cảm thân thương hài hòa giữa Đạo và Đời, đồng hành phụng sự đạo pháp, dân tộc.*

*Đây là niềm vinh dự cho bản thân và Ban Trị sự GHPGVN Quận 8.*

*Với niềm động viên khích lệ tinh thần của liệt quý vị, tôi chân thành ghi nhận niềm ưu ái cao quý này, nguyện cố gắng phát huy mặt ưu điểm và hạn chế dần những khuyết điểm tồn tại trong các nhiệm kỳ đã qua để không phụ lòng tín nhiệm của quý liệt vị.*

*Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ chư Tôn đức cùng quý liệt vị Phật sự viên thành, thân tâm thường an lạc, vạn sự kiết tường như ý.*

*Trân trọng cảm ơn.*

**Tỳ kheo THÍCH THIỆN TÀI**



*Mừng Hương Thiên tròn 9 tuổi*

NGƯỜI KHAI THỊ CHO TÔ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA

# ***Tổ Bát-Nhã-Đa-La***

## ***(Prajnatara)***

*(Cuối thế kỷ thứ mười sau Phật Niết-bàn)*



Ngài dòng Bà-la-môn ở Đông-Ấn. Cha mẹ mất sớm, Ngài đi theo xóm ăn xin qua ngày. Nếu có ai mượn làm việc gì, Ngài sẵn sàng làm tận lực mà không cần tiền. Hành động và ngôn ngữ của Ngài lạ thường, người đời không lường được. Khi gặp Tổ Bát-Như-Mật-Đa nhắc lại duyên xưa, Ngài xin xuất gia, theo hầu Tổ và được truyền tâm pháp.

Sau này, Ngài thống lãnh đồ chúng sang Nam-Ấn hoàng hóa. Vua nước này hiệu Hương-Chí hết lòng sùng kính Phật pháp. Vua sanh ba người con trai đều kính tin Phật pháp. Người con lớn tên Nguyệt-Tĩnh-Đa-La thích tu pháp niệm Phật tam muội. Người thứ hai tên Công-Đức-Đa-La thích tu bố thí làm phước. Người thứ ba tên Bồ-Đề-Đa-La thích

thông lý Phật, lấy việc xuất thế làm trên. Vua thỉnh Ngài về cung cúng dường, bảo ba vị Thái tử ra đánh lễ Ngài. Ngài biết ba vị Thái tử đều ham tu, muốn nghiệm thử trí mỗi người thế nào. Sẵn nhà vua cúng dường hạt châu quý vô giá, Ngài lấy ra hỏi:

- Ở đời còn có vật gì quý báu bằng hạt châu này chăng?  
Nguyệt-Tịnh thưa:

- Hạt châu này quý tột, ở đời không có gì hơn nó, chẳng phải trong nhà vua thì làm gì có hạt châu này.

Công-Đức-Đa-La cũng đồng ý như vậy.

Bồ-Đề-Đa-La thưa:

- Châu này là của báu thế gian chưa đủ làm tột, trong các thứ báu chỉ có pháp bảo là tột. Đây là ánh sáng của thế gian, trong các thứ ánh sáng chỉ có ánh sáng trí tuệ là tột. Đây là trong sạch của thế gian, trong các thứ trong sạch, chỉ tâm trong sạch là trên hết. Nhưng ánh sáng của hạt châu này không thể tự chiếu, cần nhờ ánh sáng trí tuệ mới biện biệt được nó. Đã biện rõ mới biết là châu, đã biết là châu mới hiểu cái quý báu của nó. Nếu hiểu cái quý báu của nó, thì nó báu mà không biết báu. Nếu biện rõ nó là châu, thì nó châu mà chẳng tự biết châu. Châu mà chẳng tự biết châu, cần nhờ trí châu mới biện được thế châu. Báu mà chẳng tự biết báu, cần nhờ trí bảo mới rõ pháp bảo. Song mà, thầy tôi có đạo thì báu kia liền hiện. Chúng sanh có đạo thì tâm báu cũng thế.

Ngài khen ngợi tài biện luận của Bồ-Đề-Đa-La. Lại hỏi thêm:

- Trong các vật, vật gì không tướng?
- Trong các vật, chẳng khởi là không tướng.
- Trong các vật, vật gì là tối cao?
- Trong các vật, nhưn ngã là tối cao.
- Trong các vật, vật gì là tối đại?
- Trong các vật, pháp tánh là tối đại.

Ngài thầm vui biết là đại pháp khí sẽ nối đời cho Ngài sau này. Một hôm, vua Hương-Chí hỏi Ngài:

- Tôi thấy các thầy đều tụng kinh, tại sao Tôn giả không tụng kinh? Ngài đáp:

- Tôi hơi thở ra chẳng tiếp các duyên, hít vào chẳng ở trong âm giới, thường tụng thứ kinh này trăm ngàn muôn ức quyển.

Vua Hương-Chí băng, hai hoàng tử lớn và hoàng thân đều kêu khóc, duy Bồ-Đề-Đa-La ngồi nhập định chỗ hoàn linh cửu suốt bảy ngày. An táng nhà vua xong, Bồ-Đề-Đa-La xin phép mẹ và hai anh theo Ngài Bát-Nhã-Đa-La xuất gia. Ngài thấy cơ duyên đã thuận thực nên nhận cho, rồi thỉnh thánh tăng làm lễ xuất gia thọ giới cho Bồ-Đề-Đa-La, đổi pháp hiệu là Bồ-Đề-Đạt-Ma (người thông suốt các pháp), sau này sang Trung Hoa khai mở đạo Thiên, làm tổ thứ 28 của Thiên tông cũng là sơ tổ Thiên tông Trung Hoa.

Một hôm, Tổ gọi Ngài đến truyền pháp và dặn dò:

- Người tạm giáo hóa ở nước này, sau sang Trung Hoa mới thật là nhọn duyên lớn. Song, đợi ta diệt độ khoảng sáu mươi năm sau sẽ đi. Nếu người đi sớm, sau e có việc không tốt. Đại pháp nhãn tạng của Như-Lai lần lượt truyền trao, nay ta trao cho người, người khéo truyền bá chớ cho đoạn dứt.

Nghe ta nói kệ:

*Tâm địa sanh chư chủng,  
Nhơn sự phục sanh lý,  
Quả mãn bồ-đề viên,  
Hoa khai thế-giới khởi.*

Dịch:

*Đất tâm sanh các giống,  
Nhơn sự lại sanh lý,  
Quả đầy bồ-đề tròn,  
Hoa nở thế-giới sanh.*

Truyền pháp xong, Ngài hiện các thứ thần biến, rồi thị tịch.

HT. THÍCH THANH TỪ



善於畫



善於畫

PHẬT GIÁO THẾ GIỚI KỶ NIỆM 1480 NĂM  
NGÀY TỔ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA VIÊN TỊCH (536 – 2016)

## ***Đạt Ma Độc Hải***



*Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma là một trong những nhân vật có nhiều huyền thoại nhất trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa, và một trong nhiều huyền thoại đó, là câu chuyện Tống Vân, một viên quan thời Bắc Ngụy sau khi đi sứ sang Tây Vực khi trở về ngang qua ngọn núi Thông Lĩnh thì gặp Tổ sư đơn thân quấy một chiếc hải đi như bay về hướng Tây, mặc dù Tổ sư đã viên tịch trước đó ba năm và nhục thân của Ngài đã được an táng tại chùa Định Lâm, núi Hùng Nhĩ, thuộc huyện Lạc Tân, tỉnh Sơn Đông.*

*Chi tiết độc đáo này đã được các nghệ nhân đời sau tạc thành tượng “Đạt Ma độc hải” để thờ tự nơi Tổ đường của tất cả các Thiền đường Trung Hoa. Dù chi tiết này có thật hay là một huyền thoại để đánh bóng tên tuổi Đạt Ma thì đây vẫn là một công án vô tiền khoáng hậu cho những hành giả dốc lòng cầu đạo. Đối với những hành giả đã trải nghiệm Thiền thì có thể thấy ngay ý nghĩa đầu tiên của công án là Tổ sư Đạt Ma đã để lại một phần giáo pháp chơn truyền của mình nơi đất Trung Hoa, và những gì Ngài mang theo về Tây Vực chỉ là một nửa của toàn bộ gia sản Phật pháp mà chính Ngài khám phá được sau quá trình “cửu niên diện bích” tại núi Tung Sơn.*

## 1. THỪA TRUYỀN GIÁO PHÁP

Ta hãy nhớ đến công án đầu tiên mà Tổ dành cho Lương Võ Đế. Đế hỏi: “Trăm cất hàng ngàn ngôi chùa, cúng dường hàng vạn chư Tăng tu học. Vậy có công đức gì chăng?”. Tổ đáp: “Không có công đức chi cả!”. Câu đáp này như một gáo nước lạnh dội thẳng vào mặt Lương Võ Đế, người vốn chấp trước việc cất chùa, độ tăng là công đức vô lượng! Tổ khai thị: “Việc cất chùa, độ tăng là việc làm thế gian, chỉ được chút phước hữu lậu. Còn cái tâm thanh tịnh, ngộ được Phật tánh của ông mới chính là công đức thật sự!”. Lương Võ Đế vẫn không ngộ ra công án này. Tổ Đạt Ma biết cơ duyên chưa tới nên sớm từ già Lương Võ Đế, vượt sông Trường Giang đến chùa Thiếu Lâm trên đỉnh Tung Sơn, ngồi suốt 9 năm quay mặt vào vách núi (cửu niên diện bích) chờ đợi người hữu duyên được độ!

Tăng Huệ Khả nghe tiếng Tổ là bậc đặc đạo, quyết tâm đến cầu pháp. Khả đứng nhiều ngày dưới mưa tuyết mà Tổ vẫn không buồn tiếp. Cuối cùng, Khả quyết định chặt đứt cánh tay mình để tỏ lòng cầu pháp thì Tổ mới chịu khai thị:

-Ngươi đến đây cầu chi?

Khả đáp:

-Đệ tử cầu pháp an tâm.

-Đem tâm đây ta an cho...

Sau giây lâu lưỡng lự, Khả thưa:

-Đệ tử không tìm thấy tâm!

Tổ nói:

-Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó.

Thế là trong cái “không thấy” tâm đó, Huệ Khả ngộ được cái tánh Chân Như của mình, bèn lay Tổ xin ở lại tiếp tục học đạo.

Qua đó, ta thấy Tổ sư Đạt Ma không hoàn toàn thành công trong việc hoằng truyền giáo pháp tại Đông độ. Ngài khai thị cho

hai người là Lương Võ Đế và Huệ Khả thì Đế bất mãn, tôi tớ chỉ có Khả là ngộ được chân lý. Về sau, Tổ còn khai thị nhiều người nữa như: Sư Đạo Phó, Sư Đạo Dục, Ni Tổng Trì,... nhưng tất cả đều chỉ bên ngoài cửa đạo mà Tổ ví là chỉ chạm đến da, thịt, xương chứ chưa chạm đến phần tủy của chân lý.

**Đó là lý do tại sao Đạt Ma chỉ quảy có một chiếc hài, dụ cho giáo pháp của Ngài mang đi rồi phải mang một nửa trở về vì giáo pháp đó chưa khế cơ, chưa đủ để khai thị cho căn cơ xứ Đông Độ, mà sau này đệ tử Ngài phải phải phối hợp với giáo pháp bản địa (đạo Lão) như một đôi hài hoàn chỉnh, mới thực sự phát huy đạo pháp đến viên mãn.**

## **2. THỊ HIỆN PHỤC SINH**

Tuy nhiên ta cũng có thể thấy được một ý nghĩa sâu hơn nữa, đó là sự thị hiện viên mãn của Tổ, người đã có thể làm chủ được việc sống chết của mình. Tương truyền Tổ bị Bồ Đề Lưu Chi, một vị quốc sư nổi tiếng của Bắc Ngụy ganh ghét, sai người bỏ thuốc độc vào thức ăn của Tổ. Sáu lần bị hạ độc, Tổ vẫn bình an vô sự, đến lần thứ bảy, Tổ quyết định xả bỏ báo thân. Nhục thân Ngài được chôn cất tại chùa Định Lâm, núi Hùng Nhĩ, thuộc huyện Lạc Tân, tỉnh Sơn Đông vào khoảng năm Thiên Bình thứ ba nhà Đông Ngụy, tức khoảng năm 536 sau Tây lịch.

Ba năm sau ngày Tổ viên tịch, viên quan Tổng Vân, người có nhiều lần diện kiến Đạt Ma sư Tổ trên núi Thiếu Thất, đã gặp lại Ngài, một con người bằng xương bằng thịt hần hoi, đi như bay trong gió. Để chắc chắn đây là Tổ sư, Tổng Vân đã xin Ngài chiếc hài đang quảy trên gậy để về làm bằng chứng báo cáo lên Minh Đế. Khi về đến triều đình thì Minh Đế vừa băng hà như lời tiên tri của Tổ: “Chủ nhà người khó qua được ngày hôm nay!”. Sau đó, vua kế vị Minh Đế là Hiếu Trang cho quật mộ Đạt Ma lên xem hư thực thì thấy trong ngôi mộ đá của Ngài chỉ còn lại một chiếc hài duy nhất!

Sự phục sinh của Bồ Đề Đạt Ma làm ta nhớ đến sự kiện

phục sinh của Chúa Giê-su (trước Đạp Ma hơn 500 năm) được ghi lại rất rõ ràng trong các sách Phúc âm. Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thánh giá vào buổi chiều thứ Sáu (lễ Thánh Thương Khó – Tin Lành), thi hài của ngài được bọc trong vải liệm trắng rồi mai táng trong ngôi mộ mới mà Joseph người Arimathea đã cho đục trong đá cho ông. Hôm sau, vài phụ nữ là môn đồ Ngài đến để hoàn tất thủ tục an táng thì thấy ngôi mộ trống không. Sau đó, nhiều người đã chứng kiến tận mắt Chúa đang rao giảng Phúc âm tại một số địa điểm như thành Em-mau, bờ biển Galilee,...

Tuy hai sự kiện phục sinh của hai tôn giáo lớn Phật giáo và Thiên chúa giáo là giá trị như nhau, nhưng có vẻ như sự kiện phục sinh của chúa Giê-su được người đời quan tâm hơn thông qua các ngày lễ mang ý nghĩa Phục sinh như: Lễ Thương Khó (Tin Lành), hoặc Thứ Sáu Tuần Thánh (Công giáo),... Trong khi đó sự kiện phục sinh của Bồ Đề Đạp Ma chỉ là một chi tiết đặc sắc trong lịch sử Thiên tông, chưa được tổ chức thành những ngày lễ trọng đại như bên Thiên Chúa. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì Thiên tông chú trọng ý nghĩa “Phật tại tâm”, khi tâm hiện tiền tức Phật tại thế, mỗi người đều là Phật chưa thành nên việc phục sinh của Tổ cũng chỉ là dựng lại cuộc sống giả tạm bằng xác thân tứ đại này, còn sự sống thường hằng của mỗi con người phải được nhận thức ở chỗ tâm thức của mình.

Tuy vậy, sự phục sinh của Tổ sư cũng là một sự đánh thức lớn lao cho Phật pháp Trung Hoa, nơi mà vẫn tồn tại nhiều mối hoài nghi khi Tổ khai thị pháp môn Thiên trực chỉ nhân tâm nơi này.

### **3. PHÁP MÔN ĐÓN NGỘ NHẤT THỪA**

Một chiếc hài duy nhất được Tổ sư quây đi từ chùa Định Lâm (Son Đông) cho đến ngọn núi Thông Lĩnh gần biên giới Tây Vực, hẳn phải mang một ý nghĩa nào đó phục vụ cho việc hoằng truyền giáo pháp của Tổ sư.

Có thể xem đây là sự khẳng định giáo pháp Nhất thừa, một

thừa duy nhất đó là Phật thừa, không còn thừa nào khác. Nhất thừa tức Phật thừa trước đây đã được đức Phật khẳng định trong kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành Dụ. Nhất thừa cũng được Phật khẳng định khi truyền trao chánh pháp nhãn tạng cho Ma Ha Ca Diếp trên đỉnh Linh Thứu, khi Ngài nói: *“Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, truyền ngoài giáo pháp, nay trao cho Ca Diếp”*.

Đến thời Tổ sư, nhất thừa đã được tổ khẳng định khi Ngài vừa vượt sông Dương Tử sang đất Bắc Ngụy. Đến chùa Thiếu Lâm, Tung Sơn, vị trụ trì liền hỏi Tổ ngay tại cổng chùa: *“Các chư tăng từ Tây Vực sang Đông Độ đều cho đệ tử thị giả mang theo hàng nghìn kinh điển, sao Ngài lại đi tay không như thế?”*. Tổ liền đáp:

- Giáo pháp của ta là *“Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”*

Câu nói trên quả thực là điều mới lạ đối với Phật giáo Trung Hoa vốn đã có mặt từ 600 năm trước với những nghi thức hết sức phức tạp không giúp cho con người kiến tánh thành Phật! Nay, Tổ muốn gạt bỏ tất cả những giáo pháp vô bổ, nghi lễ rườm rà để con người có thể trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.

**Đó là ý nghĩa của Nhất thừa, của một chiếc hài mà Tổ đã thị hiện để dạy hàng Phật tử ở đất Đông Độ.**

Nói một cách vắn tắt hơn, Tổ sư Đạt Ma muốn định hình lại một hệ thống Phật giáo vốn đã lỗi thời, bị ngoại đạo, tà kiến chen chân làm hư mục ngay từ trong trứng nước. Ngài muốn thổi một luồng gió mới vào chốn Thiền môn, nơi đó việc tu hành chú trọng vào Tâm pháp, cốt đưa thẳng con người đến quả vị Phật. Nhưng điều này không thể thực hiện được một sớm một chiều, phải đợi đến 200 năm sau đó, thời vị Tổ Thiền tông thứ sáu là Lục Tổ Huệ Năng mới thực hiện viên mãn. Và Đạt Ma đã tiên tri điều này bằng bài kệ truyền thừa chi nhị tổ Huệ Khá:



吾本來茲土  
傳法救迷情  
一華開五葉  
結果自然成

*Ngô bản lai tư thổ  
Truyền pháp cứu mê tình.  
Nhất hoa khai ngũ diệp  
Kết quả tự nhiên thành*

*Ta đến đây với nguyện,  
Truyền pháp cứu người mê.  
Một hoa nở năm cánh,  
Nụ trái trở ê hề.*

**Một nửa đôi hài của Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma đã được Lục Tổ Huệ Năng làm chứng tích để từ đó, kết hợp Thiền tông xứ Thiên Trúc với Đạo học của Lão giáo như một đôi hài hoàn chỉnh, nhằm khai thị pháp Thiền đốn ngộ làm rạng rỡ Thiền học xứ Trung Hoa.**

T.K.M

## *Qua bờ*

*Buông mình  
theo chiếc lá rơi  
phiền lao trăm nỗi  
thả trôi nước dòng  
qua bờ  
với chiếc đò không  
như con hạc trắng  
chơi rong kiếp người!*





## *Cửu Niên Điện Bích*

*Núi rút tâm can tạo thành hang động  
Đạt Ma xếp mình vào nơi trống rỗng  
Lặng lẽ hoát nhiên ngang bóng, dọc hình  
Hơi thở đi ra tâm hòa vũ trụ  
Hơi thở đi vào vũ trụ về tâm  
Ra vào vô âm thoát không, thoát có*

*Chim làm tổ lên bàn tay để giữa  
Lai vãng xuân, thu, tuyết, gió bốn mùa  
Chủ, khách là ai? Làm sao phân rõ  
Xuống thấp, lên cao trùng ngàn khối ảo  
Ngoài núi tiếp nhau suối thác tuôn trào  
Trong động chân như ngày, đêm mất dấu*

*Chín năm Đạt Ma xếp bằng trên đá  
Đá ấy về sau lưu dấu vĩnh hằng  
Vĩnh hằng là gì? Đạt Ma đâu bạn...  
Đạt Ma ngó vách, ngồi suốt chín năm  
Núi ngồi ngó đời hằng thiên niên kỷ  
Đời người mấy khi ngồi ngó lại mình...*

## **Đêm Nguyệt Hải**

1

Mười con nhạn trắng về tha  
Nư Lai thường trụ trên tà áo xuân  
Vai nghiêng nghiêng suối tơ huyền  
Đôi gò đào nở trên miền tuyết thom

2

Xe lên bụi quán hoa đường  
Qua sương trắng đậm phố phường ủa thu  
Tiếng chim ướt sũng hai mùa  
Hạt rơi thêm lạnh hững hờ mây qua

3

Dé buồn dỗ giấc mù sa  
Âm nao lãng đãng tơ ngà sương bay  
Người về sao nở trên tay  
Vội hải đẫm nguyệt thêm dài gót mơ

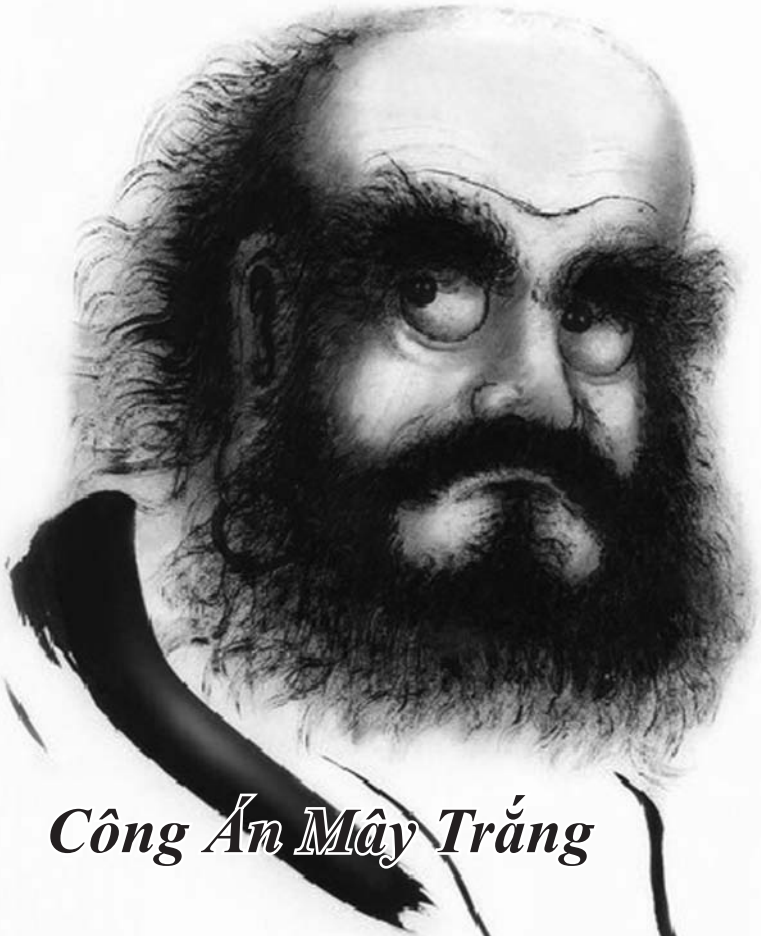
4

Con khuyên nó hót trên bờ  
Em thay áo tím thờ ơ giang đầu  
Trông xưa có kẻ trên lầu  
Ngày xuân gieo nhẹ trái cầu gắm hoa

5

Tóc dài cuối nội mây xa  
Vàng con bướm nhụy lẫn tà huy bay  
Dùng dằng tay lại cầm tay  
Trao nhau khăn lụa nhớ ngày sáu đưa

(“ĐỘNG HOA VÀNG” - PHẠM THIÊN THƯ)



## *Công Ấn Mây Trắng*

*Mùa nắng vàng đi, rồi mưa xám lại. Trong những tháng mây đen ùn về đây như một bầy nhạn, mang theo những hạt mưa xanh rơi lạnh buốt trên mái chùa. Tiếng kệ thức chúng hoàng hôn của chú Tâm Mai lạnh lạnh ngoài hành lang sau những cột đá rêu cao.*

*Ngã bóng nương dâu tới  
Mặt trời thoáng lặn mau  
Xuân thu nào đợi mãi  
Bệnh tâm người đời sầu  
Già chết chẳng hẹn trước  
Ngày đi ngựa ruổi mau  
Ai ơi nên thức tỉnh  
Con mây nổi qua cầu.*

Âm ba như hạt nước suối nhẹ như tơ sương, vừa hiu hắt như gió sớm, kéo dài rồi tắt lịm cùng với tiếng khánh đá siêu thoát trên hành lang tà dương. Một vải thân lau vàng ven bãi phía tây xào xạc bên con sông nước trắng còn lưu lại mảnh mây hồng cuối ngày. Tôi thức giấc trở dậy, đẩy cánh cửa cổ tùng, trở xuống vườn chùa múc một đấu nước mưa trong hồ dưới giậu hoa mướp vàng, đổ vào thau, rồi vốc từng nắm nước biếc lên mặt. Ôi những ngày lưu bạt về tịnh cư nơi đây, tôi ngủ vùi như một con tằm, suốt ngày trong vương phòng nhỏ với một vò nước mưa, một giá kính sách với hai cỗ pho tượng, một chiếc bàn, một chiếc ghế, một thỏi đá bia tự dựng cho mình, một chiếc đơn gỗ mọt và một khung cửa sổ trồng hoa cỏ tím khép hờ với mây trắng bên ngoài.

Từ đây tôi chỉ cần mở cánh cửa “Vọng” là tôi có thể trông xuôi xuống dòng sông nhỏ của những chú chim bói cá trầm ngâm trên một cội hoa trắng, mọc rải rác theo đôi bờ cỏ non chạy mát hút về phương trời mây úa buổi chiều. Nếu đẩy thêm cánh “Chân” khung cửa sẽ hiện thêm mấy ngọn cỏ thông cao cao như một hàng cỏ thụ rêu phong. Nửa đêm, khi tôi mở tung cả hai cánh “Chân – Vọng”, tôi có thể nằm trên đơn và trông xuôi ra một chòm Bắc Đẩu lấp lánh chênh chếch trên hang đại thụ rù rì. Hoặc về sáng, thức giấc, kéo tấm y lụa lên mình, ngóc đầu dậy ngó viền trăng cuối tuần nhọn hoắt như cánh hạc phiêu bay, và từng lọn sương trắng lẳng đặng vào lan nhĩ. Đêm nằm mơ Quan Âm Bồ Tát dạy pháp Kim Cương.

Tôi được lưu ngụ nơi đây, cũng là nhờ đức lớn của Thượng tọa Giám đốc Phật Viện này. Người cũng thường khuyến khích tôi sáng tác và chuyên ý tạc Kinh – Thơ, nhờ đó mà việc làm của tôi cũng bớt phần cô quạnh.

Đằng sau tám cửa sổ thông là cả một cảnh giới đảo lộn Âm – Dương thi hóa kim cương, dù có viết thâu đêm, dù ngã vùi suốt buổi cũng mặc sức thỏa tình, chẳng ai trách cứ. Thịnh thoảng, một bạn chùa xa ghé thăm, biểu phong trà cánh xanh như vẩy ngọc, mấy phẩm oản thơm lộc Phật, tôi lại có dịp cùng tăng khách đàm đạo suốt khuya. Có lần dứt tuần trà sen cuối thì con tiểu tước cũng vừa gọi triều dương trên thành cửa sổ. Thế là lại kịp đứng dậy sửa áo đưa khách về qua con cầu sương tỏa chên vên.

Mỗi tối, Tiểu Mai sau khi nhang đèn thờ Phật, châm trà trên bàn Thiền Tổ xong lại ghé phòng biểu nắm nhang thơm và ít nén vụn. Tôi đổ nén vào chiếc đĩa nhỏ trên con hạc đồng, khêu tim đốt. Thắp nén nhanh đèn, hương nhựa thông vàng tạo thành những chỉ khói tím thơm ngát. Nhang thơm, nén hồng đó là thói quen mỗi khi tôi thức đêm viết kinh thơ hay tụng luận Đại Thừa. Cái cảnh tượng bên ngoài nhiều khi cũng giúp tâm thức mình tự khai mở trước kinh luận của chư Tổ truyền lưu, mà trực nhập vào mang mang mật ý vậy.

Tôi thâm nghĩa lý từng trang kinh, cân nhắc từ chữ tương ứng, rồi chơi vui hạ bút viết như chân chim mùa xuân đậu lác đác trên bãi sông voi. Một tối, viết đến câu “*Chính pháp như bèo ngọc – Dùng qua ngọn suối trong – Chân đến bờ vi diệu – Bèo cũng thả xuôi dòng*”, tôi tự cảm thấy từng dòng thi hóa nổi lên, như những lá trúc vàng rụng theo nhau trên dòng tịnh suối. Rồi mơ hồ hiện lên nơi tạc thức sương un hình ảnh Tổ Đạt Ma thấp thoáng vượt sông trên ngọn trúc xanh, vác thiền trượng cổ, máng chiếc giày rom heo hút ra đi. Đôi mắt Ngài sáng tỏ chiếu hắt vào tôi trong một vẻ cô đơn hùng vĩ. Đôi mắt biến thành Nhật Nguyệt làm nổi mấy ý thức tôi, và trong một sát na, *cái tôi* bỗng trở nên một hư

không sâu thăm băng giá. **Tôi chợt ngộ ra hình ảnh Tô là một Công án mây trắng kinh hoàng:** Bè trúc chỉ cần khi vượt suối. Mỗi kiếp người là một cuộc từ bỏ ra đi và thường xuyên thắng vượt. Bản chất sống là một cuộc qua suối không vì có bờ này hay bờ kia. Con người thường xuyên mang tâm trạng kẻ ở giữa dòng. Con người thường xuyên tù ngục trong thế giới phương tiện... Ôi từ lâu tôi đã khuân vác tù túng trong những ý niệm hư huyền về Ngã – Pháp, nên nổi cô đơn bùng nổ, réo gọi mọi cái nhìn về mình, đó là khởi nguyên của tất cả sợ hãi và trá ngụy.

Hãy vứt nốt chiếc giày cỏ thom rách nát. Hãy quay thiên trụng. Hãy từ bỏ mọi mảnh đất vàng ngọc, để trực nhập thực tại, vào pháp thân cỏ hoa. Tiếc quá khứ, cầu vị lai chỉ là biến chứng của tâm bệnh đánh mất thực tại. Trụ vào thường tại là giải thoát khỏi biến dịch của tâm niệm. Đạp vỡ giả Ngã, tỉnh thức khỏi mê vọng thiên chấp; “*Gánh vàng đi đổ sông Ngô – Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương*”. Chỉ có tâm hồn Việt Nam, đầy thơ tính và đạo khí mới ngộ nhập được thường tại. Vì bao nhiêu thực tại vàng ngọc đã đổ đi xuống dòng biến dịch, để trở về nằm thao thức tiếc nuối cái quá khứ ngàn năm một chớp đó, và tơ tưởng vọng cầu lại “gánh vàng” chỉ có một lần. Nhưng càng tơ tưởng bao nhiêu thì nổi bi tráng càng mở rộng bấy nhiêu, vì thực tại không có thời gian mà thời gian quá hiện vị lai chỉ là vọng niệm về thực tại.

Hãy gạn sạch ý niệm để tịch mặc trước cỏ hoa, chiêm ngưỡng thiên thu trong ánh chớp, lắng nghe tiếng rơi của hạt mưa, thể chứng đại nguyện của vách đá, cái trầm lặng tàn khốc của biển xanh, bỏ đi vầng về mọi so đo chân giả, xa lìa mọi giả danh, tham chấp, đạp lên biển hoại để trùng sinh. Hãy tái tạo từng hơi thở, từng tế bào, từng sợi tóc, sống mãnh liệt, vượt thoát khỏi cõi giới ý niệm vàng vố, nổ tung mọi con đường ảo tưởng, mọi tiến bộ trá ngụy, mọi cố hương ru ngủ, mọi phân tích giới hạn để thể nhập Nhân – Không, đẩy cửa vào tâm giới, vào đáy cùng của vạn nhất, thức ngủ với trăng sao, im lặng như núi lớn, đồng nhất nơi

## NGỘ

Chỉ một tâm này, thật khó tìm,  
Rộng trùm cõi pháp, hẹp đầu kim!

Không thấy việc ác sinh ghét bỏ,  
Cũng không vì thiện khổ nhọc làm.  
Không bỏ kẻ trí theo người ngu,  
Cũng không lia mê cầu được ngộ.

Thấu đạt đạo lớn thật minh mông,  
Thông suốt tâm Phật thật vô hạn.  
Chẳng chung một đường cùng phàm thánh,  
Vượt trên tất cả xưng là Tổ.

(TRÍCH “THIỆU THẤT LỤC MÔN - ĐẠT MA TỔ SU”)

tự tính bình đẳng.

Trong một sát na, công án đã mở. Hãy tháo tung cánh cửa “Chân – Vọng”, ném xuống dòng sông, ném trong gió xám, ném trong sương mai, ném trong đáy mắt huyền nhiệm, trong suối tóc hoa vàng, trong cát bụi mục rữa. Cùng với biển dịch mà nhập dòng. Hãy ra đi như gã cùng tử, như kẻ du mục yên nguyên. Không có bờ này bờ kia mà chỉ có sự thanh thản của suối.

Những ý niệm thoáng bay như dòng chim, như mũi trâm đá hồng, như ngọn giáo gỗ biếc ném thẳng mắt hút trong nỗi chớm lạnh sương trắng, trong nỗi vô niệm trầm hùng, trong dòng sông tịnh thủy yên nguyên. Chúng ta nên đi!

Việt Nam Quốc Tự - 1970

***Rốt***

*Phên tre vách lá thơ đề  
Non thiên lửa lạng bốn bề tịch liêu  
Chuông ngân... vọng... tiếng kinh chiều  
Pháp âm chuyển động... hải triều sóng dâng  
Trôi phăng muôn vạn vi trần  
Lầu lầu nhất phiến băng tâm tặng đời.*

***Quét***

*Vung tay quét lá sân chùa  
Quét tâm chấp ngã được thua cõi người  
Trao nhau trọn vẹn môi cười  
Buồng tim Di Lạc thấm tươi đạo tình.*



## **Sơn Tăng**

*Giày rom nón lá thong dong  
Tâm thường lặng ý viên thông soi nhìn  
Chẳng không có chẳng cõi miền  
Mỉm cười tự tại giữa triền tử sinh.*

## **Phá Biên**

*Sát na thôi trút muộn phiền  
Sát na tiếp tiếp đầy niềm an nhiên  
Mắt nào soi tỏ uyên nguyên  
Nẻo mòn sỏi đá nghiệp duyên kiếp nào  
Nén bùng sợi lửa vàng chao  
Lặng nhìn xuyên suốt vẫy chào vô minh  
Thong dong trở gót đấng trình  
Đường về đã sẵn một mình vẫn đi!*



## *Công Án Truyền Y Bát*



Sư có ý muốn hỏi hương, trước khi về, gọi đệ tử trình bày sở đắc: “Giờ ta ra đi sắp tới, vậy mỗi đệ tử hãy nói cho ta nghe sở đắc của mình”.

Đạo Phó bạch: “Theo chỗ thấy của tôi, muốn thấy đạo phải chẳng chấp văn tự, mà cũng chẳng liả văn tự.”

Sư đáp: “Ông được lớp da của tôi rồi.”

Ni Tổng Trì nói: “Chỗ giải của tôi như cái mừng vui thấy nước Phật (tâm) bất động, thấy được một lần, sau không thấy lại

nữa.”

Sư nói: “Bà được phần thịt của tôi rồi.”

Đạo Dục, một đệ tử khác, bạch: “Bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải thật có, vậy chỗ thấy của tôi là không một pháp nào khả được.”

Sư đáp: “Ông được bộ xương của tôi rồi.”

Cuối cùng, đến phiên Huệ Khả. Huệ Khả lễ bái Sư rồi đứng ngay một chỗ, không bạch không nói gì cả. Sư bảo: “Người đã được phần tủy của ta.”

Rồi ngó Huệ Khả, Sư nói tiếp: “Xưa Như Lai trao Chánh pháp nhãn tạng cho Bồ tát Ca Diếp, từ Ca Diếp chánh pháp được liên tục truyền đến ta. Ta nay trao lại cho ngươi; nhà ngươi khá nắm giữ, luôn với áo cà sa để làm vật tin. Mỗi thứ tiêu biểu cho một việc, ngươi nên khá biết.”

Huệ Khả bạch: “Thỉnh Sư chỉ bảo cho.”

Sư nói: “Trong, truyền pháp ấn để khế chứng tâm; ngoài, trao cà sa để định tông chỉ. Đòi sau, trong cảnh cạnh tranh, nếu có người hỏi ngươi con cái nhà ai, bằng vào đâu mà nói đắc pháp, lấy gì chứng minh, thì ngươi đưa bài kệ của ta và áo cà sa ra làm bằng. Hai trăm năm sau khi ta diệt rồi, việc truyền y dừng lại. Chừng ấy, đâu đâu người hiểu đạo và nói lý rất nhiều, còn người hành đạo và thông lý rất ít, vậy ngươi nên cố xiển dương đạo pháp, đừng khinh nhờn những người chưa ngộ.

### LỜI BÀN:

Nơi văn tự mà thấy đạo là chỗ thấy của những nhà học giả, người có được sự hiểu biết nhờ vào việc cần mẫn học tập tri thức thế gian. Họ còn lệ thuộc vào ý thức và suy luận, vì thế Tổ bảo người như Đạo Phó mới chạm đến lớp da của Ngài.

Thấy một lần không thấy lại là người có chỗ sở ngộ, nhưng cái ngộ chỉ trong sát na, nhường chỗ cho vọng niệm hoành hành. Tuy vậy, vẫn khá hơn kẻ chỉ học các pháp thế gian, nên Tổ cho rằng đã chạm được vào thịt Ngài.

*“Bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải thật có, vậy chỗ thấy của tôi là không một pháp nào khả được.”* là người đã ngộ được pháp Không. Khi tâm an trú trong “Không” thì đất-nước-gió-lửa không hiện hữu và sắc-thọ-tướng-hành-thức cũng biến mất. Vì thế Đạo Dục nói là các pháp “bất khả đắc”, đúng như kinh Kim Cang nói: *“Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc...”*. Chỗ này Phật thuyết cho hàng Bồ tát đã chứng nhập vào tánh Không. Đạo Dục đã đạt được cảnh

giới này.

“Không” chính là tánh của Đạo. Tánh Không là chỗ phát sinh ra diệu dụng, ví như thân Bồ tát Quán Thế Âm sinh ra ngàn tay ngàn mắt. Ngàn tay ngàn mắt là biểu tượng cái “diệu dụng của Phật tánh”, thân Bồ tát Quán Âm là biểu tượng của tánh Không, vì Không nên mới có thể thị hiện được khắp mọi nơi. Chính vì ý nghĩa này mà tượng Thiên thủ thiên nhãn luôn có con mắt nằm trong lòng bàn tay, nghĩa là Thể nằm ngay trong Dụng hay là Đạo nằm ngay trong sự sống của muôn loài.

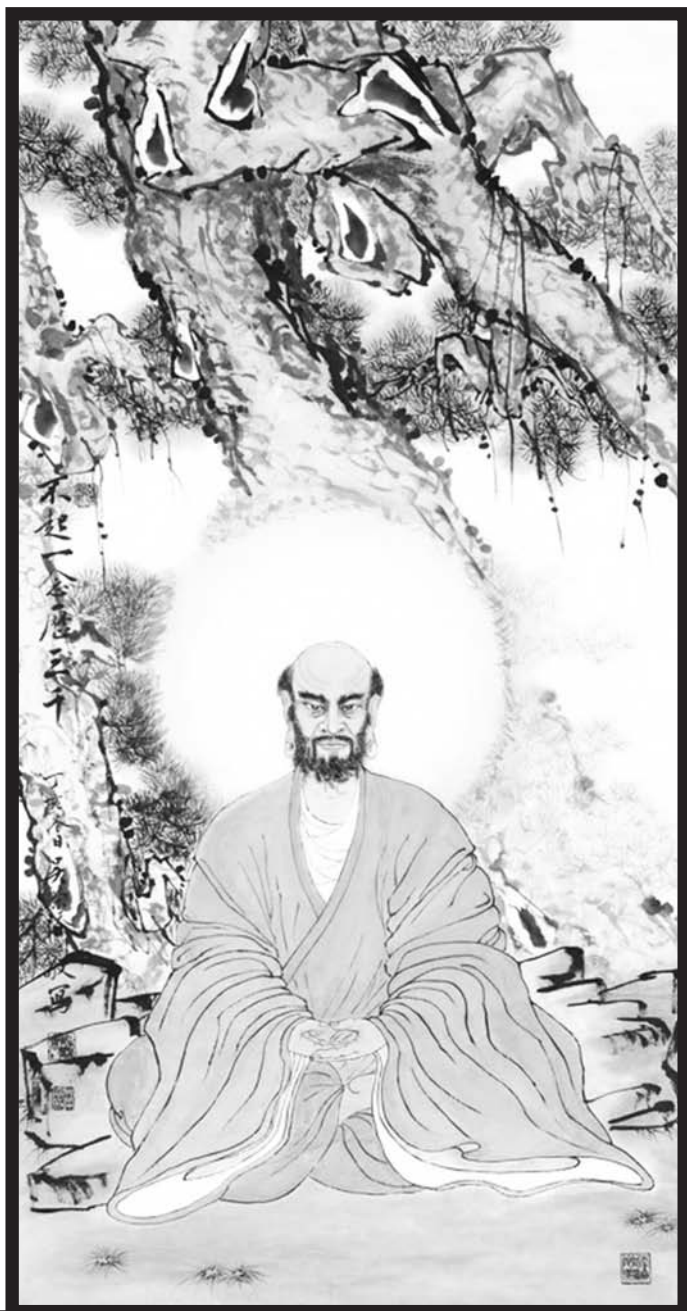
Huệ Khả đã nhập được cảnh giới bất khả tư nghì này, ngộ được Đạo nằm ngay trong các giác quan đời thường của thân giả tạm này, tức là cái thấy, cái nghe, cái nếm, cái ngửi, các xúc cảm... Và chỉ cần ngộ được một giác quan tức là cảnh giới của tự tánh khai mở. Bồ tát Quán Thế Âm ngộ được Đạo nằm ngay tánh nghe, nên cái nghe của Ngài xuyên thấu tam thiên đại thiên thể giới, lúc đó cái nghe của bản ngã nhỏ bé này đã được hợp nhất với tánh nghe của vũ trụ, từ đó Ngài chứng đắc Nhĩ Căn Viên Thông.

Không có ngôn ngữ để diễn tả chính xác được đâu là cái tánh nghe vũ trụ, hay nói cách khác là cái tánh nghe của Đại Ngã không thể diễn tả được, vì bản thân Đại Ngã chỉ có thể cảm nhận bằng trực giác mà không có cách chi diễn tả được.

Đó là lý do, Huệ Khả phải im lặng đánh lễ Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma rồi đứng qua bên mà không thể phát biểu một ngôn từ nào để diễn tả chỗ sở đắc của mình. Không riêng gì Huệ Khả mà các bậc chứng đắc đều hành xử như thế. Lão tử nói: “*Đạo khả Đạo phi thường Đạo*” (*Đạo mà nói được thì không phải là Đạo*) cũng là ý đó.

Và công án trên đây cũng là cách giải thích cho câu trả lời: “Không biết!” của Đạt Ma Tổ Sư khi Lương Võ Đế hỏi Ngài: “Ai đang đứng trước mặt trăm đây?”

M.P.C



有人問禪師可有佛法、單  
禪茶一味



# *Bồ Đề Đạt Ma* *Tiếng Vọng Vô Ngôn*

*Chuông chùa đã lặng*  
*Mà tiếng ngân còn vang khắp đời hoa*  
(Thiền sư Basho)

- *Tổ sư Đạt Ma, vượt muôn trùng hải lý, cõi những con sóng dữ qua Đông Độ,*
- *Tổ sư Đạt Ma vào Bắc Ngụy, hiên ngang như một dũng sĩ, bước từng bước oai vệ giữa sa mạc tâm linh,*
- *Tổ sư Đạt Ma “đơn đao trực nhập” đường đường như một kiếm khách chốn hải tân vào triều đình Lương Võ Đế, nói pháp như chuyển sóng, rung động cả núi đồi tâm thức.*
- *Tổ sư Đạt Ma, chín năm trầm hùng, tuyết ngôn im lặng nhìn vách đá trên ngọn Thiếu Thất cô liêu, như chuyển tải cả sơn hà lịch sử, như nung nấu sinh lực cho mấy ngàn năm văn hóa.*
- *Tổ sư Đạt Ma khai quang cánh rìng vô minh bằng thanh gươm trí tuệ sở đắc, kỳ diệu ban pháp an tâm cho Thần Quang Huệ Khả,*
- *Tổ sư Đạt Ma nương bè lau, nhẹ lướt trên sóng qua sông về Thiên Trúc, quảy một chiếc dép vượt suối băng ngàn phi hành trên ngọn núi Thống Lĩnh về Tây,*
- *Tổ sư Đạt Ma với ánh mắt rực lửa như thiêu rụi tàn dư ngôn ngữ phù phiếm, tự cắt mi mắt của mình và những mi mắt ấy*

*roi xuống đất mọc thành những cây trà đầu tiên, để rồi trở thành Sơ Tổ của Trà thiền, tạo nên giá trị của sự tĩnh thức.*

• *Tổ sư Đạt Ma luyện tập võ học nơi chốn thiên môn, để rồi được tôn làm Sơ Tổ võ Thiếu Lâm, một đại môn phái danh trấn giang hồ, được mọi người kính nể.*

• *Tổ sư Đạt Ma và...*

*Tổ sư Đạt Ma tiếp độ, truyền y bát cho Nhị Tổ Huệ Khả bởi hiểu thấu xương tủy của đạo bằng tiếng sám im lặng nội tâm vĩ đại làm sụp đổ cả trường thành ngôn ngữ huyền hoặc và Người đã truyền pháp vô ngôn, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. **Sự im lặng, vô ngôn nhưng lại có sức nặng của sóng âm vang dội đã vượt hàng thế kỷ, theo sự chuyển vận của thời gian và không gian vô tận như vẫn còn phảng phất vang vọng đâu đây trong mỗi con người, trong mỗi thời đại của chúng ta.***

### **Một huyền thoại bất tử - một huyền sử hiện thực**

Đã có không biết bao nhiêu câu chuyện truyền kỳ hấp dẫn như vậy để kết hào quang đưa nhà sư “Bích nhãn Hồ” vào huyền sử của nhân loại. Những huyền thoại kỳ bí về cuộc đời của Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) được ghi nhận qua nhiều sử sách như “*Cao Tăng Truyện*” của Nam Sơn Đạo Tuyên, “*Truyện Đăng Lục*” của Thiên sư Đạo Nguyên, và “*Bích Nham Lục*” của Phật Quả Viên Ngộ,... Tất cả những huyền thoại kỳ bí này nhằm để thi vị hóa sự tôn kính tối cao của người đời, đối với cuộc đời ngang dọc của Bồ Đề Đạt Ma, một thánh nhân siêu phàm, xuất chúng về đường tư tưởng và học thuật, một tâm hồn phóng khoáng, siêu thoát, phá chấp và nghịch đời.

Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma đã đi vào lịch sử nhân loại trong suốt 15 thế kỷ qua, bằng nhiều nghi án lịch sử quan trọng, bên cạnh những huyền thoại kỳ bí, đã khiến cho một số học giả Đông Tây đặt thành nghi vấn và phủ nhận về nhân vật, cuộc đời của ngài, như các học giả: Phùng Hữu Lan (Trung Hoa), P. Pelliot,



Conze,... Trái lại, sự hiện hữu của ngài đã được chấp nhận qua nhiều sử sách, đại diện gồm có các học giả: Hồ Thích (Trung Hoa), Praboth Chandra Bagchi (Ấn Độ), Suziki (Nhật Bản), Watts, Hebert, Sasaki, Watanabe, Dumoulin,... và các sách “*Lịch sử Phật Giáo Trung Quốc*”, sách “*Võ Thuật Tùng Thủ*” của tác giả Quảng Từ Lão Ni (tức là Tường Bình Công Chúa con vua Ung Chính đời nhà Thanh).

Tuy vậy, tất cả những dữ kiện về lịch sử không hẳn là một chứng cứ để có thể tin tưởng được, thiết nghĩ tất cả những nghi vấn lịch sử về Bồ Đề Đạt Ma hãy trả lại cho những nhà khảo cổ, nhà nghiên cứu di sản. Có lẽ điều quan trọng hơn hết là sự hiện hữu của Ngài đã ảnh hưởng ít nhiều đến tư duy, tư tưởng triết học của nhân loại, và tất nhiên những hành trạng và giai thoại của cuộc đời Ngài đã được thi vị hóa trở thành triết lý sống ý nghĩa, tượng trưng cho một tinh thần và thái độ phản ứng với thời cuộc vốn đắm chìm trong việc luận bàn kinh sách siêu hình viển vông và xa lìa trung tâm điểm là kinh nghiệm giải thoát của Đức Phật. Kinh nghiệm ấy mới là quan trọng nhất và tất cả những kinh sách chỉ là ngón tay để chỉ vào kinh nghiệm ấy. Cố học giả Phạm Công Thiện trong tác phẩm “*Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma*” (tr.9) đã có nhận xét rất tinh tế và sâu sắc rằng: “*Sự xuất hiện của Bồ Đề Đạt Ma trong tư tưởng Phật giáo, về tính cách quan trọng, có thể ví với sự xuất hiện của Nietzsche trong tư tưởng Tây phương. Bồ Đề Đạt Ma và Nietzsche đã làm một cuộc cách mạng toàn diện, thổi một luồng sinh khí vào tư tưởng đương thời, mở đầu cho một tiến trình sinh hoạt mới cho những thế hệ sau này... Bồ Đề Đạt Ma là tượng trưng cho tinh thần và thái độ của một tông phái Phật giáo đối với những tông phái Phật giáo khác. Tinh thần và thái độ ấy là kết quả của sự phối hợp giữa Trung Hoa và Ấn Độ mà sự du thuyết của Bồ Đề Đạt Ma là tượng trưng, là biểu tượng cho một cái cầu liên lạc giữa Phật giáo Ấn Độ chính thống và Phật giáo Trung Hoa*”. Do đó, tất cả những giai thoại truyền kỳ trên

đều cốt làm nổi bật lên tính chất độc đáo của tâm hồn Đạt Ma Sư Tổ. Tâm hồn ấy “*vừa bi đát vừa khôi hài bốn đời, ngang ngược, nghịch đời, phơi phới, siêu việt trong phạm tục và thi vị trong cô đơn*”. Đó cũng là những tính chất nổi bật nhất của Thiền tông, và dường như chất Thiền thường được các “nhân vật” lãng tử, có tâm hồn của nghệ sĩ, của một kẻ “lang bạt kỳ hồ” làm mềm đi, thi vị hóa kinh điển bằng những chuyện hoang đường, huyền thoại, thần bí.

Với cách nghĩ đó, rõ ràng cuộc đời và hành trạng của Bồ Đề Đạt Ma có thể là huyền thoại, là huyền sử, là hiện tượng dị thể, nhưng kỳ thực nó lại rất kiên cố, rất hiện thực, nó bắt tử giữa tàn dư đổ nát của dòng nhận thức nhị biên, đối đãi mịt mờ sương khói mộng lung của thời cuộc lúc bấy giờ và chắc hẳn vẫn còn nguyên vẹn giá trị tích cực đến hôm nay.

### **“Trên tất cả đỉnh cao là lặng im”**

Trở lại với những huyền thoại về Đạt Ma sư tổ, hầu như đều có một sợi dây xuyên suốt là thể hiện một tinh thần “lý nhập”. Tinh thần đó, biểu hiện ở sự kiệm lời, chủ trương hành động, chống lại các triết thuyết theo danh số, giáo điều, phá vỡ ngôn ngữ kinh điển. Nó để lại những công án bất hủ bằng những câu nói ngắn gọn đanh thép, sắc bén của trí tuệ, gây nên những cơn “địa chấn” trong tâm thức. Và có lẽ đỉnh cao của tinh thần đó, chính là sự im lặng.

Theo truyền thuyết, sau cuộc đối thoại giữa Bồ Đề Đạt Ma và vua Lương Võ Đế đã để lại một công án độc đáo nhất trong lịch sử Thiền tông với câu nói: “*Rỗng suốt không có thánh gì hết*” (Quách nhiên vô thánh), Bồ Đề Đạt Ma đã lặng lẽ rời bỏ triều đình, Ngài đến chùa Thiếu Lâm quay mặt vào vách, trầm hùng chín năm nhìn vách đá im lặng không nói một lời cho đến khi ông mất. Nên người đời gọi Ngài là “Bích quán Bà La Môn”. Theo đó, nhiều tư liệu cho rằng, ngày nay nơi chùa Thiếu Lâm Tung Sơn còn bảo tồn di tích Bồ Đề Đạt Ma diện bích thạch ngày xưa.

Kỳ thực đó chỉ là lời đồn vô căn cứ, họ thêu dệt nên chuyện ấy bởi vì không thể thông hiểu thiền pháp của Bồ Đề Đạt Ma. Bởi lẽ, Bồ Đề Đạt Ma đề xướng “lý nhập”, cũng còn gọi là bích quán có nghĩa là: *“Nhân tâm như bức tường đá làm ngăn cách tất cả mọi sự vật khách quan, nếu không tư duy thì không thể nhận thức được. Bích quán là một dụ ngôn “Không”, cụ thể là quán bích (ngồi trước bức tường đá). Hơn nữa, trước khi Bồ Đề Đạt Ma vào Trung Hoa, Phật giáo ở đây chỉ chú trọng nhiều vào nghiên cứu, giảng luận kinh điển. Đại thừa bích quán do ngài truyền dạy lấy thiền quán thực tiễn làm tinh yếu tu học. Bích quán không phải là một loại “thiền chết” như có người hiểu là ngồi quay mặt vào vách. Bích quán là nương tâm trong chỗ “không thấy có mình có người, phàm thánh là một, không phân biệt, tịch diệt vô vi”. Đó là “an tâm” lập mệnh.*

Có thể nói một cách hình ảnh rằng, từ Tung Sơn sừng sừng bên vách đá chùa Thiếu Lâm, bóng Người ngã dài suốt lịch



sử Đông phương như một tượng trưng thuần túy của Đạo, đó là sự im lặng. Sự im lặng ấy như là sự “tuyệt vọng” trước cuộc đời, đã không một ai có thể hiểu nổi con người của Bồ Đề Đạt Ma, và sự im lặng ấy cũng là cách trải nghiệm sự đi vào của kẻ khác bằng cách chấp nhận sự im lặng của im lặng và chờ đợi sự im lặng để bùng vỡ. Và im lặng ấy đã bùng vỡ khi Huệ Khả tìm đến trong một đêm mưa tuyết phủ đầy cả mặt đất, Huệ Khả đứng đó với tâm nguyện chờ đợi cánh cửa im lặng chợt mở. Có lẽ, lúc đó Bồ Đề Đạt Ma thừa hiểu đã đến lúc không im lặng. Tuy nhiên, Ngài lại thích kéo dài sự im lặng ấy càng lâu thì càng có công năng và biết đâu sẽ tuyệt diệu hơn. Và Ngài đã đạt được như ý, để rồi ra đời hàng loạt những công án thiền minh triết như Tổ sư Đạt Ma khai thị cho Thiền sư Huệ Khả: “*Một đao chặt đứt cánh tay hư vô*” (Nhất đao đốn điều hư vô thủ), và đại ngộ với câu nói của Tổ: “*Đưa tâm đây ta an cho*” đã trở nên quen thuộc với giới Thiền tông và là bài học vô giá của hành giả khi hiểu rằng, đỉnh cao trí tuệ không phải là cuộc đọ sức của trí lực, mà là sự khai phá của tâm hồn tự do.

Như thế đấy, sự im lặng, cõi tịch mặc vô ngôn lại có công năng như sấm sét, có thể làm run sợ những bạo chúa hay dũng tướng tràn đầy khí phách anh hùng, cũng có thể là liều thuốc đặc dụng của sự tỉnh thức và thông suốt. Đó là tiếng vọng trên âm vực tuyệt đối cao vút rung lên từ vực sâu thăm thẳm trong tận cùng của những tâm hồn thiết tha với lẽ sống. Không phải ngẫu nhiên, sự im lặng được kinh điển Phật giáo gọi là “*mặc như lôi*”, nghĩa là *im lặng như sấm sét*. Sự *im lặng như sấm sét* này còn gây nên chấn động cho tâm thức còn hơn cả tiếng *sấm sét trong cõi im lặng!* Đó là sự im lặng sấm sét của Đức Phật, trong suốt 49 năm vân du khắp mọi nơi để tùy cơ thuyết pháp mà hóa độ chúng sinh, nhưng đến phút cuối cùng lại tuyên bố là mình chưa từng thuyết một lời nào. Đó là cảnh giới thánh trí tự chứng của Đức Phật “*Muốn im lặng để nhập Niết bàn sau khi chứng ngộ*”. Đó là lời ân

cần dặn dò từ kinh điển Bát Nhã: “*Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật!*” (Nếu có người bảo rằng Như Lai đã thuyết pháp tức là phi báng Phật). Hoặc như Trang Tử (tác giả *Nam Hoa kinh*) làm kinh động thiên hạ lại thông dong ngòi câu cá, buông một câu thơ lơ lửng: “*Chung thân ngôn, vị thường ngôn. Chung thân bất ngôn, vị thường bất ngôn*” (Suốt đời nói mà có hề nói chi đâu? Suốt đời không nói mà chưa hề không nói). Hay như Đức Khổng Tử lặn độn chu du khắp nơi để hành đạo, khổ công giáo hóa vô số đệ tử, miệt mài san định kinh điển làm khuôn khổ cho ngàn đời, để rồi lại ồm ờ: “*Dur dục vô ngôn. Thiên hà ngôn tai?*” (Ta không muốn nói gì cả. Trời có nói chi đâu?). Đậm nét hơn, Tổ sư Bồ-Đề Đạt-Ma là một minh chứng hùng hồn với “cửu niên diện bích”, chín năm quay mặt vào vách đá im lặng. Sự im lặng của Ngài là một tiếng thét sấm sét làm bùng vỡ vỡ bọc vô minh, chỉ còn lại bản tánh Chơn Như Diệu Hữu, sáng suốt và giác ngộ.

Khoa học ngày nay, cũng đã chứng minh rằng im lặng quan trọng đối với não bộ hơn những gì chúng ta tưởng. Im lặng không chỉ là vàng, nó vừa giúp tránh những lời nói hớ, vừa tạo điều kiện cho cơ thể nạp lại năng lượng một cách thực chất. Năm 2011, Hội đồng Du lịch Phần Lan (FTB) giới thiệu một quảng cáo dùng im lặng như một sản phẩm tiếp thị. Họ tìm cách thuyết phục du khách đến thăm Phần Lan về “*sự tĩnh lặng không thể tin được*” của hòn đảo xinh đẹp này. FTB tung ra hàng loạt hình ảnh tuyệt đẹp ghi lại khung cảnh tự nhiên với dòng chữ ghi bên dưới: “*Không nói chuyện, chỉ biến im lặng thành hiện thực*”. Khẩu hiệu này, nhanh chóng trở thành bản sắc của du lịch Phần Lan và nó gây ấn tượng khá mạnh với du khách quốc tế trong khoảng thời gian dài. Im lặng là cách tốt nhất để đối thoại với thế giới tự nhiên, để có thể lắng đọng tâm tư, để có thể nghe được tiếng “nước hồ reo”, tiếng “tơ liễu rung trong gió” và thấy được bầu trời giao cảm đang giải nghĩa yêu thương. Khi thế giới quanh ta ngày càng trở

nên ồn ào và đông đúc thì việc có được một nơi để tìm lại chính mình và tĩnh tâm trong sự im lặng là điều không hề đơn giản. Con người bị tước đoạt nhiều sự riêng tư, đắm mình trong các công cụ nổi mạng và giao tiếp trong không gian ảo, nên việc tìm đến một nơi chốn im lặng là cách tốt nhất để lấy lại những gì đã mất. Nhiều triết gia, nhà tâm lý học và nhà khoa học đã khẳng định lợi ích của sự im lặng và thiền định. Họ nói: *“Điềm tĩnh trong tâm trí là một trong những viên ngọc đẹp nhất của trí tuệ. Đó là kết quả của cố gắng trường kỳ và kiên nhẫn trong việc tự kiểm soát. Sự hiện diện của đức điềm tĩnh là biểu hiện của kinh nghiệm đã chín mùi, và biểu hiện của kiến thức sâu xa về các quy luật cũng như các vận hành của tư tưởng”*. Và thật chí lý với câu nói: *“Người khôn ngoan mang tất cả tài sản vào trong đầu”*. Rõ ràng, im lặng là một nghệ thuật kỳ diệu và là cách thể hiện phong độ văn hóa.

Lắng nghe được tiếng vọng vô ngôn, ta mới hiểu được một cảnh hoa đưa lên và thông điệp giác ngộ được đó nhận bằng nụ cười minh triết *“niêm hoa vi tiếu”* ở pháp hội Linh Sơn, cũng như hiểu được ý Tổ sư truyền lại y bát cho Nhị Tổ Huệ Khả bởi câu trả lời siêu việt bằng một hành động đơn giản quỳ xuống dưới chân Bồ Đề Đạt Ma, không nói một lời, nước mắt lăn ròng từ đôi mắt. Đó cũng là tiếng đồng vọng với tư tưởng của Bồ tát Long Thọ. Trong một quyển luận về kinh Bát Nhã Ba La Mật, Long Thọ Bồ tát khai thị: *“Đức hạnh là da, Thiền định là thịt, sự thông hiểu cao sâu là xương và tâm thiện diệu là tủy”*. Tâm thiện diệu ấy tức là cảnh giới vô ngôn, nghĩa là sự im lặng của Huệ Khả, đã thực sự thoát ra khỏi mạng lưới ngôn ngữ lý luận phù phiếm mà nghe ra sự im lặng.

Và vì vậy, Bồ Đề Đạt Ma được coi như một ngọn đèn thấp sáng từ nụ cười Ngài Ma Ha Ca Diếp trước cảnh hoa Phật đưa lên, để thấp sáng mãi những ngọn đèn khác về sau. Để rồi Huệ Khai (Thiền sư Vô Môn, 1183 – 1260) chỉ cho chúng ta một con đường dẫn vào chân lý tối cao phải qua một quan ải không có cửa – *Vô*

Tham là cõi Dục (Dục giới), sân là cõi Sắc (Sắc giới), si là cõi Vô sắc (Vô sắc giới). Nếu tâm khởi sinh một niệm, liền vào trong ba cõi. Một niệm trong tâm vừa dứt, liền ra khỏi ba cõi. Cho nên biết rằng ba cõi sinh diệt, muôn pháp có không đều chỉ do một tâm này.

(THIỆU THẮT LỤC MÔN - BỒ ĐỀ ĐẠT MA)

*môn quan*, và rồi Ngài Trần Huyền Trang trong hành trình vạn dặm thỉnh kinh giúp chúng ta “đọc ra” được chân kinh thì không có chữ “*Tài tri Vô tự thị chân kinh*”(Nguyễn Du) và Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma để lại bí quyết chân truyền như một báu vật của Thiền tông là “*bất lập văn tự*”. Tất cả đó là cảnh giới cao cấp của tịch mặc vô ngôn trong di sản Phật giáo. Tiếng vọng vô ngôn ấy không thể nghe được bằng tai, cũng không thể suy được bằng lý. Chính điều đó, khiến hình tượng Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma đã đi vào huyền sử nhân loại, sống mãi với sự tôn kính cao cả, trong tâm tưởng của người đời, bởi đó là một mật ngữ của trí tuệ hàng nghìn năm trầm hùng, lặng lẽ im lặng nhưng vẫn còn vang vọng mãi đến ngày nay từ vách đá Tung Sơn thưở trước.

N.H.T

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Công Thiện, *Tiểu luận Bồ Đề Đạt Ma*, Nxb Phương Đông, 2015.
2. Huỳnh Ngọc Chiến, *Hương thiền qua tiếng trúc (Trúc Thanh Tập)*, Nxb Thời Đại, 2011.
3. Bồ Đề Đạt Ma, *Tuyệt Quán Luận*, (Vũ Thế Ngọc dịch và chú giải), Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2006.
4. Thiền sư Vô Môn, *Vô môn quan*, (Vũ Thế Ngọc dịch và chú giải), Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2006.
5. Tạp chí Kiến Thức Ngày Nay, số 937, phát hành 20/08/2016).



**TƯỢNG GỖ BỒ ĐỀ ĐẠT MA CỦA NGUYỄN GIẢN TÂN  
(TRUNG BÀY TẠI KỶ TRÀ QUÁN)**



# *Kỳ Trà Quán*

## *Và Bộ Sư Tập Tượng Gỗ Tổ Sư Đạt Ma*

*Là một trong những trà quán đặc biệt và được nhiều người biết đến ở Sài thành, Kỳ Trà quán đã tạo ra một không gian trà thất khá huyền ảo, hấp dẫn không chỉ bởi những ánh đèn lung linh, trầm lắng hay những bản hòa tấu du dương làm say đắm lòng người mà trên hết là trà khách được thưởng ngoạn Bộ sưu tập đồ sộ của trà chủ với hàng trăm pho tượng gỗ nghệ thuật, giàu tính sáng tạo và giá trị văn hóa về cùng một nhân vật huyền thoại Bồ Đề Đạt Ma.*

Đã không ít huyền thoại ở Trung Hoa và Nhật Bản nói về nguồn gốc ra đời cây trà đầu tiên của nhân loại có liên quan đến một vị thiền sư Tây Trúc (Ấn Độ) đến Trung Hoa, nhân vì không muốn ngủ quên trong lúc ngồi thiền, đã tự cắt hai mi mắt vứt xuống đất. Tự nhiên, từ đó nảy sinh ra cây trà và người dùng trà đầu tiên là các thiền sư, họ uống trà để tâm trí bình thản và quên buồn ngủ trong khi ngồi thiền.

Với huyền thoại Nhật Bản, vị thiền sư này không ai khác chính là Bodai Daruma (Bồ Đề Đạt Ma). Phải chăng vì vậy mà phần nhiều trà quán ở phương Đông đã trân trọng trưng bày những hình ảnh/hình tượng của Bồ Đề Đạt Ma trong trà quán, như là một sự tôn kính về vị Tổ khai sinh ra cây trà, nhưng có lẽ trên hết đó là một biểu tượng của giá trị về sự tỉnh thức mà trà đã mang lại sự hữu ích đó. Bởi lẽ, dưới ánh sáng khoa học ngày nay, đã có nhiều bằng chứng minh xác, giúp chúng ta có thể biết rõ rằng là trà đã xuất hiện trước thời Tổ sư Đạt Ma khá lâu đời.

Với Kỳ Trà Quán cũng không ngoại lệ là có sự hiện diện của hình tượng Bồ Đề Đạt Ma trong trà thất của mình. Tuy nhiên, cái

lạ, cái “Kỳ” và khác biệt ở chỗ là Kỳ Trà Quán tuy nói là “quán xá” nhưng thực ra đây là “chốn thiền” của trà chủ muốn tìm người hữu duyên, cùng sở thích, cùng đam mê để chia sẻ thú chơi tao nhã về tượng gỗ nghệ thuật, về bình ấm tử sa, ... Nên trà chủ đã tạo ra không gian trà thất như một “bảo tàng mini” về hình tượng Đạt Ma với hàng trăm pho tượng gỗ nghệ thuật độc đáo, trầm mặc nhưng sinh động, nghiêm nghị nhưng khoan thai, khiến bất kỳ ai bước vào trà quán cũng phải chịu sự níu kéo, hấp dẫn của những pho tượng gỗ tưởng chừng như có ma lực hút hồn trà khách.

Người sở hữu bộ sưu tập tượng gỗ Đạt Ma đồ sộ này là một doanh nhân trẻ Nguyễn Hữu Hồng Kỳ (sinh năm 1975). Hiện anh là Giám đốc công ty vệ sĩ ViSit, kiêm chủ cửa hàng “không nhỏ” chuyên về bánh Socola thuần Việt với thương hiệu Elenoir. Anh cũng là người am hiểu về dịch lý phương Đông, đã từng nhận được bằng Diploma về Feng Shui (Phong Thủy) ở học viện nổi tiếng Mastery Academy (Malaysia), là đệ tử của Đại sư phong thủy Dương Kiến Văn (Trung Quốc) và phong thủy gia quốc tế Dato Joey Jap (Malaysia), hiện anh đang giảng dạy về phong thủy học cho nhiều doanh nhân, trí thức, sinh viên, được nhiều người mến mộ. Và tất nhiên anh là trà chủ của Kỳ Trà Quán đặc biệt này. Bộ sưu tập tượng gỗ về Bồ Đề Đạt Ma của anh, được giới sưu tập đánh giá là một trong những bộ sưu tập thuộc vào loại “độc nhất vô nhị” ở Việt Nam bởi giá trị về chất liệu gỗ quý, có sự đầu tư về nghệ thuật tạo tác, cũng như sự chọn lọc nghệ nhân tạc tượng. Trong số hàng trăm pho tượng có sức mê hoặc lòng người đó, thì hầu hết các tượng gỗ được anh tuyển chọn bởi hai nghệ nhân nổi tiếng chuyên sáng tác về Đạt Ma Sư Tổ là nghệ nhân Nguyễn Giản Tân (người tạc tượng gỗ về Đạt Ma nhiều nhất Việt Nam) và nghệ nhân trẻ tài hoa Nguyễn Thanh Xuân.

Anh Hồng Kỳ chia sẻ: *“Đối với tôi, Bồ Đề Đạt Ma là biểu tượng của sự hoàn hảo. Bởi Ngài đại diện cho sự tĩnh (Tổ sư của Thiền tông) và động (Sơ Tổ của võ Thiếu Lâm) trong cuộc sống muôn màu này. Hai tính chất tĩnh và động này như hai thế lực âm và dương, tạo*

*nên sự cân bằng của vũ trụ, cũng chính là sự sống, sự phát triển bền vững, hoàn thiện của muôn loài. Vì lẽ đó, tôi rất trân quý và tâm nguyện sưu tập thật nhiều về hình tượng của Ngài. Hy vọng, trong tương lai, tôi sẽ có một Bảo tàng Đạt Ma Sư Tổ để chia sẻ đến nhiều người được thưởng ngoạn”.*

Thiết nghĩ, không gì bằng, khi trà khách đến Kỳ Trà Quán vừa thưởng thức vị thanh ngon, đậm chất của trà cổ thụ Tây Bắc, vừa được chia sẻ những kinh nghiệm chơi ấm tử sa, vừa ngắm nhìn những tác phẩm hội họa đặc sắc, lại vừa thưởng ngoạn những pho tượng gỗ nghệ thuật độc đáo của Tổ (không dễ dàng mà ta có được). Hàng trăm tác phẩm gỗ lửa nghệ thuật về Tổ lúc tĩnh lúc động, lúc trầm ngâm suy tư, lúc phiêu lãng mộng lung như mây khói, lúc kiên định, mạnh mẽ, tràn đầy dũng khí trên từng thế võ, lúc thánh thoát thông dong như “thả một bè lau lướt nhẹ trên sóng”, tất cả tạo nên tinh thần “lý nhập” và “hành nhập” của vị Tổ sư huyền thoại này. Trong cuộc sống vốn bộn bề lo toan, tất bật của đô thị, may mắn thay có được một nơi thưởng ngoạn trà đàm, để lắng mình trong thế giới xô lệch, suy nghiệm về cuộc đời, lắng đọng trong nhịp thở của thời đại. Thật đáng quý biết bao!

Xin hẹn ngày tái ngộ cùng Kỳ Trà Quán để được thông dong, an lạc với những xúc cảm trên từng gương mặt, từng thế, dáng hiên ngang, sừng sững của Vị Tổ Sư vĩ đại Bồ Đề Đạt Ma như Ngài đã từng đứng một cách kiên cố, bền vững trong tâm thức của các bậc trí giả.



TRÀ CHỦ NGUYỄN HỮU HỒNG KỶ

N.H.

## *Nghệ nhân Nguyễn Thanh Xuân*

### KẸ CHINH PHỤC LÒNG GỖ TỪ TẠO TÁC HÌNH TƯỢNG BÒ ĐỀ ĐẠT MA

Vốn là một chàng trai đất Bắc, được sinh ra tại quê hương có truyền thống làng nghề thủ công chạm khắc và tạc tượng gỗ ở Hải Dương, Thanh Xuân (sinh năm 1979) đã mang trong mình dòng máu, cái “gen” nghề nghiệp. Mắt đã thuận nhìn, tay đã ưa quen từ thuở ấu thơ khi cầm vững tay đục, tay cưa. Chất liệu gia truyền quý giá đó, cùng với đôi bàn tay tài hoa của một trái tim nhạy cảm và bộ não mẫn tiệp, đã giúp anh sớm nổi bật trong làng tạc tượng gỗ nghệ thuật ở Sài thành, đặc biệt là những sáng tác về chân dung Tổ sư Đạt Ma.

Thật không quá lời nói về anh như thế, bởi lẽ những người thợ tạc tượng gỗ nghệ thuật thì rất nhiều, nhưng để có để có được một sản phẩm sống động có giá trị độc đáo về hình khối, đường nét, có thể làm “giật mình” khách sành chơi thì quả là hiếm. Nhưng đối với những tác phẩm nghệ thuật của anh khi sáng tác về vị Tổ sư hầu như đều được làm hài lòng và thuyết phục những vị khách khó tính nhất.

Được “tận mục sở thị” nơi anh sáng tác trong xưởng đầy áp những khối gỗ vô tri vô giác mới lộ rõ ý thức dụng công, cần mẫn, miệt mài trau chuốt, mới cảm nhận những nét nghề riêng của anh được thể hiện, lưu dấu qua từng tác phẩm. Nhìn những khối gỗ cục mịch, gãy ngọn, “trơ gan cùng tuế nguyệt” rồi được anh đo phân, định diện, định công tính việc, nắm bắt cho được tính hợp lý của từng dáng, thế của phiến gỗ vô cảm đó, sau đó tạo tác bằng những đường cưa, nét đục, lúc trầm lúc bổng, lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng, lúc khoai thai, dừng nghỉ đúng lúc... Đề rồi, vài tuần sau, thậm chí



Nghệ nhân Nguyễn Thanh Xuân bên tác phẩm “Đạt Ma Hàng Long”

vài tháng sau, phiến gỗ vô tri kia bỗng dựng nảy ra thân, đâm ra lá tạo ra cành, thành cây tùng vững chãi cùng với chân dung vị tổ hiện ra tay quẩy gậy với bầu rượu túi thơ, mắt hướng nhìn xa xăm, khắc khoải, như là một bức tranh tuyệt tác. Từ phiến gỗ lì lợm bỗng dựng có thần, có hồn trong từng nét tinh luyện một cách lạ kỳ. Từ cách tạo dáng nhân vật cho tới sự diễn tả nét, hình và cổ tình lưu giữ cái thô,

**Có người hỏi:** Như người có chí cầu đạo Phật, nên tu pháp nào là ít công sức mà nắm được chỗ quan trọng, thiết yếu nhất?

**Đáp rằng:** Chỉ có một pháp quán tâm bao gồm được hết thầy các pháp, đó là pháp tu ít công sức mà nắm được chỗ quan trọng, thiết yếu nhất.

(THIỆU THẮT LỤC MÔN - BỒ ĐỀ ĐẠT MA)

nhám của chất liệu gỗ làm cho hai yếu tố giữa “mộc” và “nghệ” có sự kết hợp hài hòa như mối quan hệ khăng khít giữa con người (sáng tạo) và thế giới tự nhiên, làm tăng độ biểu cảm và thẩm mỹ được nâng lên một bước nhất định.

Những sáng tác của anh về Đạt Ma Sư Tổ thường dựa vào những giai thoại, truyền thuyết để tạo nên tác phẩm như: Đạt Ma ngao du giáo thuyết, Đạt Ma chiếu thiên, Đạt Ma hành cước, Đạt Ma La Hán quyền, Đạt Ma thiền tĩnh, Đạt Ma cõi sống, Đạt Ma quy cổ hương, ... Hoặc được sự gợi ý từ khách hàng “cách tân” nhân vật như: Đạt Ma thập nhị địa chi, Đạt Ma hàn long, Đạt Ma khoái nhĩ, ... Theo Thanh Xuân, để hoàn thiện một tác phẩm điêu khắc thì cảm xúc của người thợ cũng rất quan trọng, nhất là với các bức tượng thờ, người thợ cần tạo cho mình sự thanh thản, bình tĩnh trong từng nét đục. Nếu không sản phẩm sẽ vô hồn. Thật vậy, cái đẹp linh biến không chỉ là sản phẩm của kinh nghiệm, mà nó là sự sáng tạo, sự mẫn cảm, hiểu được tinh thần của “nhân vật”, nó đòi hỏi sự chiêm nghiệm, bàn tay khéo, đôi mắt tinh, kỹ thuật cừ, mới có thể sai khiến vật dụng đi vào lòng gỗ. Cái đẹp của gỗ tuy mong manh, hư hư thực thực nhưng lại rất khát khe, kỹ tính, quá đà trong ngẫu hứng cũng có khi hỏng việc. Ngược lại, thiếu tính ngẫu hứng, thiếu chất nghệ sĩ, thiếu cảm xúc cũng làm cho tác phẩm khô cứng, khó thuyết phục. Đó là điều mà nghệ nhân trẻ này đã sớm ý thức và có được dấu ấn riêng, vị trí đứng trong giới sưu tập và người thưởng ngoạn.

**Bài và ảnh: Hiếu Tín**



**TƯỢNG GỖ BỒ ĐỀ ĐẠT MA CỦA NGUYỄN THANH XUÂN  
(TRƯNG BÀY TẠI KỶ TRÀ QUÁN)**



*Huỳnh Long*

## *Ý Tổ Trên Đầu Ngọn Bút*

Huỳnh Long không phải là một tay họa sĩ thực thụ, nhưng anh luôn vẽ. Anh là một nghệ sĩ thì đúng hơn. Trong tác phẩm của Huỳnh Long những thuật ngữ, khái niệm hội họa dường như bị phá vỡ tan nát nhường chỗ cho những cảm xúc quyết liệt từ thứ màu sắc huyền ảo, từ trái tim nồng nhiệt của người trẻ. Cứ thế dưới bàn tay “ma thuật” của anh, phứt chốc đã hiện lên chân dung của vị tổ sư vĩ đại Bồ Đề Đạt Ma với nhiều dáng, thế tĩnh động pha chút mơ hồ và vắng lặng, phảng phất hương vị của Thiền tông, không lẫn vào đâu được.

Huỳnh Long (sinh năm 1987, tại Cần Thơ), ngay từ thuở bé, chàng trai trẻ này đã có mối duyên kỳ ngộ với hình ảnh của Đạt Ma Sư Tổ khi mỗi lần theo mẹ lên chùa. Từ đó, anh luôn ấn tượng mạnh bởi ánh mắt sắc lạnh của Tổ, lúc nào cũng trợn trừng nhìn anh đầy sự khó tính, nhưng lại đong đầy cảm giác của từ bi. Ánh mắt đó tuy nghiêm nghị nhưng rất dễ gần, dễ mến, như thôi thúc anh tìm hiểu về Tổ nhiều hơn. Thế rồi, theo năm tháng, bằng năng khiếu “thiên phú”, anh đã cố gắng tự mày mò, nghiên cứu vẽ chân dung về Tổ theo ký ức và sự sáng tạo “thông minh” của mình. Đến nay, hơn 10 năm sáng tác, anh đã có hàng trăm tác phẩm ra đời về Tổ và được trưng bày ở nhiều nơi trang trọng.



Nét độc đáo trong tranh của Huỳnh Long đó là tính sáng tạo không ngừng mệt mỏi, anh không bao giờ vẽ Tô theo mẫu đã có ở những tư liệu thường gặp. Dưới bàn tay tài hoa của anh, chân dung Tô hiện lên với nhiều tư thế lạ, muôn hình vạn trạng, thiên biến vạn hóa: lúc hiên ngang, tay cầm gậy, quảy chiếc giày bay qua ngọn núi Thống Lĩnh, lúc tĩnh tại ngồi thiền lắng đọng, nhìn vách đá Trấn Võ để “Cửu Niên Diện Bích Tham Thiên”, lúc điễn tả cận cảnh đôi mắt Tô trùng trùng, nhìn thẳng vào người đối diện, lúc thấy tổ chìm trong mưa tuyết, đôi mắt đỏ nhìn vào hư vô,... Không chỉ vẽ, Huỳnh Long còn nổi tiếng với tài tạo hình phù điêu Bồ Đề Đạt Ma từ đất sét. Những mảng đất sét thô sơ, mộc mạc, dưới bàn tay anh phút chốc đã thành những đường lượn mềm mại, sắc sảo, thặng hoa theo màu sắc, cùng với kỹ thuật tự anh sáng tạo, cảm giác như phù điêu đất đã được đem vào lò nung thành gốm, khiến cho những những sáng tác phẩm này thật sự có hồn, có giá trị và luôn cuốn hút người thưởng lãm.



Năm 2014, anh may mắn được thầy Thích Đồng Thanh (chùa Linh Thứu) giới thiệu và đứng ra tổ chức triển lãm cá nhân cho anh về tranh và phù điêu chân dung Tô tại Linh Sơn Tự (Đà Lạt). Hơn 9 tháng ròng rã, kiên trì và nhẫn nại, với 36 tác phẩm về Tô của anh, lần đầu tiên được trình làng tại Phố núi, đã khiến không ít du khách ngạc nhiên trước những họa phẩm độc đáo của mình. Cảm xúc nhất vẫn là những tác phẩm Tô ngồi Thiền định trên hồ sen với mảng màu trầm nhạt, man mác như hương vị của Thiền, hay tác phẩm Đạt Ma uống trà đang phiêu bồng theo mây khói mông lung như xóa tan những ngôn ngữ phù phiếm của trần thế,.. Hiện nay, tác phẩm của anh được nhiều nhà sưu tập mến mộ, sở hữu và lưu giữ. Có lẽ, đó là niềm vinh dự, hạnh phúc và là phần thưởng xứng đáng nhất của những người nghệ sĩ tài hoa như anh.

HOA THƯ

# THIỆU THẤT LỤC MÔN

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải  
Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội 2009



Thiếu Thất lục môn là một tác phẩm Hán văn hiện còn được lưu giữ trong Đại tạng kinh (bản Đại chánh tân tu), được xếp vào quyển 48, trang 365, số hiệu 2009. Tác phẩm được chia làm 6 phần, mỗi phần xem như trình bày một khía cạnh của vấn đề chung, luận giải về một phần nhận thức cần thiết trên con đường hướng đến sự giải thoát, hoặc vạch rõ những trở lực cần phải vượt qua trên con đường ấy, vì thế mà có tên là “lục môn”.

Tuy chia làm sáu phần, nhưng thật ra cũng có thể nói là toàn bộ tác phẩm đều thống nhất hướng đến việc nêu bật những vấn đề được xem là cơ sở của tông chỉ “thấy tánh thành Phật”. Một mặt, tính chất bổ sung cho nhau đã làm cho cả sáu phần này trở thành một khối kết cấu chặt chẽ, và do đó mà người học cần phải vận dụng đồng thời cả sáu phần của tác phẩm mới có thể nắm vững được những gì tạm gọi là những “luận thuyết căn bản” của tông chỉ “thấy tánh thành Phật”. Mặt khác, do tính chất liên quan mật thiết và nhất quán của các phần trong tác phẩm, nên khi người đọc thực sự nắm vững, thấu hiểu được một trong sáu phần, thì những phần còn lại cũng tự nhiên được thông suốt.

Qua việc sử dụng hình thức vấn đáp tương tự như hầu hết các tác phẩm trong Luận tạng, tác phẩm cũng chỉ ra những cách

hiều sai lệch mà những người mới bước vào thiên rất dễ mắc phải. Vì thế, có thể xem đây là một trong số rất ít “giáo điển” quan trọng của Thiên tông, một tông phái vốn chủ trương “bất lập văn tự”.

Nhan đề của tác phẩm gọi sự liên tưởng mạnh mẽ đến Tổ Bồ Đề Đạt Ma, bởi Thiếu Thất chính là tên gọi của ngọn núi nơi Tổ sư đã từng chín năm ngồi quay mặt vào vách, cũng là nơi Tổ sư truyền dạy pháp thiên cho Nhị tổ Huệ Khả và các vị đệ tử khác. Nội dung tác phẩm cũng chính là những gì mà Tổ sư đã từng truyền dạy. Hơn thế nữa, trong tác phẩm còn xuất hiện những bài kệ tụng mà xưa nay vẫn được tin là do chính tổ Bồ Đề Đạt Ma nói ra.

Trước đây, trong bản dịch tác phẩm này được ấn hành vào các năm 1969 và 1971, học giả Trúc Thiên đã có phần xác quyết đây là tác phẩm của Bồ Đề Đạt Ma khi ông chính thức ghi tên vị tổ sư này ngoài bìa sách, mặc dù trong lời đầu sách ông có nêu lên nghi vấn về tác giả của tác phẩm và không hề đưa ra ý kiến xác quyết.

Do sự tin tưởng chắc chắn rằng đây là tác phẩm của Bồ Đề Đạt Ma, nên ông cũng đặt nhan đề cho bản dịch của mình là “Sáu cửa vào động Thiếu Thất” để tạo mối quan hệ chặt chẽ hơn với nơi xuất phát của tác phẩm, đồng thời cũng đưa vào cuối sách một số bài viết về Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

Thiếu Thất lục môn gồm 6 chương, tương ứng với 6 cửa bước vào Thiên tông:

1. TÂM KINH TỤNG
2. PHÁP TƯỞNG LUẬN
3. NHỊ CHỦNG NHẬP
4. AN TÂM PHÁP MÔN
5. NGỘ TÁNH LUẬN
6. HUYẾT MẠCH LUẬN.

**Nguyễn Minh Tiến**



### **Nhạc sĩ Trần Đức Tâm (bút danh Ngô Anh Kiệt)**

Giáo viên âm nhạc khóa I Sư phạm Âm nhạc (Sở Giáo Dục & Đào Tạo TP. HỒ CHÍ MINH -1977). Hiện dạy nhạc ở Nhà Thiếu Nhi Q5,Q8 và trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu. Đã tham gia các Nhóm sáng tác ca khúc tại: Nhà Văn hóa Thanh Niên, Nhà Văn hóa Lao Động, Nhà Văn hóa Q1, Q5, Q8.

Các sáng tác tiêu biểu:

- Mùa Xuân Của Bé (phổ thơ Lệ Bình -1985)
- Hoa Hữu Nghị (1981), Mùa xuân có gì lạ (1980 - thơ Định Hải), Kết đóa hoa tươi (1986 - thơ Cao Thụy), Mê-Kông hữu nghị (1987), Vui bước tới trường (1977).
- Vui Thay Phật ra đời (2014 – theo kinh Pháp Cú), Trái tim bất diệt (2016 - thơ Tuệ Kiên), Trần trở (2015 - thơ Trần Hậu).

## **HƯƠNG PHẬT**

◇ Lời: Theo **Kinh Pháp Cú**

Nhạc: **Ngô Anh Kiệt**

Vừa phải

*Hương của các loài hoa không thể bay ngược  
gió. Khi hoa tàn nhụy rữa chẳng còn có hương  
thơm. Hương của Bậc Giác Ngộ bay tỏa khắp muôn  
phương. Hương Phật Niết - bàn chẳng biết đến thời gian.*

# QUY Y TAM BẢO

(Ratana Saraṇaṃ Gacchāmi)

◇ Lời: **Kinh tụng**

Nhạc: **Ngộ Anh Kiệt**

Chậm



*Bud - dhaṃ Sa - ra - ṇaṃ Gac - chā - mi.*



*Dham - maṃ Sa - ra - ṇaṃ Gac - chā - mi.*



*Saṅg - ham Sa - ra - ṇaṃ Gac - chā - mi. (\*)*

\* Dịch nghĩa: Con quy y Phật. Con quy y Pháp. Con quy y Tăng.

## *Phật Thầy Tây An và Tứ Trọng Ân*



Năm 2016 này là kỷ niệm 160 năm ngày đức Phật Thầy Tây An viên tịch (12/8/Bính Thìn /1856-12/8/Bính Thân /2016).

Không chỉ những người đệ tử Bửu Sơn Kỳ Hương mà nhiều người quan tâm đến tôn chỉ của Ngài đều dành rất nhiều thời gian và lòng mến mộ để nghiên cứu về sự đóng góp của Bửu Sơn Kỳ Hương hơn 160 năm qua cho hậu thế.

Bửu Sơn Kỳ Hương, không chỉ là một đạo giáo có nguồn gốc từ đạo Phật đã được khéo cơ, nhằm dễ dàng đi vào lòng những người nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và rộng ra nhiều nơi trong cả nước. Quan trọng hơn chính là tinh thần phụng sự cho Tổ quốc và dân tộc của Đức Phật Thầy Tây An. Tinh thần “vì dân, vì nước” đã được Phật Thầy Tây An cô đọng trong đường hướng giáo lý cốt lõi của đạo là “**Tứ đại trọng ân**”, bao gồm ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Trong tứ ân, chúng ta có thể thấy nổi lên tinh thần vì Tổ quốc và dân tộc rõ nét.

**Trại ruộng** mà Phật Thầy hướng dẫn cho các đại đệ của Ngài khai mở Tây Nam bộ ở giữa thế kỷ XIX là hình thức xây dựng đời sống cộng đồng tập thể, sự chia sẻ giúp nhau cùng nhau

làm ăn, cùng tu hiền và xây dựng cộng đồng làng xã hòa hợp, yêu quê hương đất nước. Ngài khuyên mọi người nhân nghĩa, sống chân chính và phải biết hành thiện giúp đời. Quá trình khai phá hoang hóa vùng Đồng Tháp Mười của các đại đệ tử của Ngài không chỉ xây dựng quê hương và là nơi tu hiền và nơi tập hợp nghĩa sĩ khi đất bị xâm lăng.

*“Tu phải chí công  
Ra đồng ruộng rẫy  
Thích Ca ngó thấy  
Nhờ cây mai sau  
Miễn đừng óm đau  
Cuốc rau khoai bí  
Ruộng rẫy đừng nghỉ  
Cho đủ bốn mùa”.*

Có thể thấy các trại ruộng ngày nay không còn nhưng đời sống của người dân vùng đất này dấu xưa vẫn còn ẩn chứa biết bao điều mà nhiều người vẫn còn gìn giữ như vùng Thới Sơn – Tịnh Biên, vùng Vĩnh Xương – Tân Châu (An Giang); hay vùng Trà Bông – Nhị Mỹ – Cao Lãnh – Đồng Tháp.....

Đức Phật Thầy Tây An, khi khai mở mỗi đạo, đã vận dụng tinh hoa trong giáo lý đạo Phật rồi sáng tạo, khế cơ làm cho giáo lý nhà Phật có thể dễ dàng thâm nhập vào con người Việt Nam, mà trước hết và cụ thể là vùng đất Tây Nam bộ. Người xiển dương Tứ ân, trong đó có ân đất nước, làm ngọn cờ quy tụ tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam, vì đất nước còn, đạo pháp mới còn! Trên ý nghĩa đó, Người khuyên nhủ tín đồ song song việc tu hành là thực hiện Tứ ân. Trong quá trình hình thành và phát triển mỗi đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, không ít tín đồ trong đạo là những anh hùng dân tộc, là những người có nhiều công lao với đất nước.

*“Nặng vì đệ tử tình thương  
Thầy ra mở đạo trước đường Long Hoa*

*Nhưng nghĩ lại sơn hà nghiêng ngửa  
Ruột gan Thầy đau tựa ai dần”.*

Những lời giáo huấn trong Cẩm Nang thơ của Ngài đã nêu cao tinh thần vì quê hương vì dân tộc để biết bao hàng đệ tử sau này soi sáng và hành theo.

Xuất hiện trong một bối cảnh đặc biệt của đất nước, thông qua Phật Thầy Tây An, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là một đạo giáo ra đời vì Tổ quốc Việt Nam và cho dân tộc Việt Nam. Chính hai yếu tố ấy đã làm cho Bửu Sơn Kỳ Hương sớm trở thành một tôn giáo dân tộc, có nguồn gốc từ đạo Phật, là một đạo Phật đã được Việt Nam hóa, địa phương hóa sâu sắc. Hấp thu tinh thần hơn hai ngàn năm bén rễ ở Việt Nam của đạo Phật, lại vận dụng được tính biện tâm (lấy tâm làm trọng) của Phật giáo Trúc Lâm, nên Phật Thầy Tây An đã xây dựng nên một Bửu Sơn Kỳ Hương trong đó tín đồ cần phải giác ngộ Phật tính trong mỗi con người, từ đó Phật Thầy khuyên mỗi người hãy trở về siêng năng rèn luyện phẩm hạnh đạo đức cho bản thân mình. Làm tròn bốn ân lớn đã được Phật Thầy đề ra, cũng chính là mỗi người đã góp phần thực hiện, xiển dương tinh thần vì Tổ quốc và vì dân tộc của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương! Tịnh độ tông được Phật Thầy dùng như là phương tiện củng cố niềm tin thiêng liêng và lòng tự hào dân tộc. Mật tông là phù chú chữa bệnh tạo niềm tin vững chắc để bệnh tật tiêu trừ. Dùng pháp niệm Phật của Tịnh độ tông để khuyên con người sống thiện, xa rời cái ác. Thiền tông để khai sáng trí huệ trên con đường Phật đạo.

Ngoài ra cũng cần thấy rằng, việc Phật Thầy khai mở mỗi đạo tại một vùng đất, tùy thuận theo tập quán của cư dân, để đạo có thể dễ dàng thâm nhập vào từng con người, nhưng điều đó không có nghĩa rằng những đặc trưng của Bửu Sơn Kỳ Hương chỉ mang một ý nghĩa và tầm vóc hạn hẹp trong phạm vi Tây Nam bộ mà được mở rộng khắp nơi. Từ phương cách hành xử theo tinh thần của Tứ ân, Bửu Sơn Kỳ Hương đã tự nói lên tinh thần “Vi



**Về nghi lễ và cách thờ cúng:** Trong những chùa Bửu Sơn Kỳ Hương không bài trí hình ảnh hay cốt tượng như Phật giáo, mà chỉ cho thờ một tấm vải màu nâu sậm, gọi là Trần Điều được treo trước tường chính điện. Trên bàn thờ bày hoa, nước lã, nhang, đèn, không có chuông, mõ. Theo quan niệm của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì tấm Trần Điều thể hiện hạnh nhẫn nhục, một hạnh quan trọng trong lục độ pháp môn. Tín đồ cúng lạy 2 lần trong ngày (sáng sớm và chiều tối), cúng lạy gia tiên trước, cúng Tam bảo và sau cùng là cúng lạy tại bàn thờ Thông Thiên.

Hiện nay, theo thống kê của Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có khoảng 15.000 tín đồ sinh sống tập trung ở các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa- Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre.

(NGUỒN: WEBSITE BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ)

Tổ quốc và dân tộc Việt Nam” và cũng từ đặc trưng mang tính chung nhất này mà thấy rằng Bửu Sơn Kỳ Hương là một đạo Phật Việt Nam, đã kế thừa, xiển dương tinh thần của Trúc Lâm Yên Tử trong lịch sử đạo Phật thời kỳ rực rỡ nhất của dân tộc, và vẫn còn tiếp nối mạng mạch ấy thông qua Đức Phật Thầy Tây An.

Giáo lý mà Phật Thầy khai mở hơn 160 năm qua vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay. Một thế giới xoay chuyển không ngừng, một xã hội với bao nhiêu nhuong, khi lòng người lao đao trong vòng danh lợi vật chất, ngày càng xa rời truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, đạo đức ngày càng giảm sút thì việc nâng cao thực hành Tứ ân là vô cùng cần thiết và ý nghĩa. Mỗi tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương hiện nay phải tự biết mình luyện rèn “Học Phật tu nhân”, cần thực hành “Tứ ân” và phải tinh thần ân đất nước và ân đồng bào nhân loại ra sao, để trước hết là báo đáp ơn sâu dày của Thầy Tổ và sau nữa chính là góp phần đưa đất nước Việt Nam ngày càng rạng danh với thế giới.

**N.V.K**

## *Bé Bụt đi chơi*



Một lần nữa, Tiên Dung mị nương lại đi chơi trên sông nước bằng thuyền lớn mà vua cha ra lệnh đóng riêng cho nàng.

Thuyền hình chim. Đầu thuyền là mỏ chim và cuối thuyền là đuôi chim, cánh là đôi cánh buồm trắng. Lướt nhẹ trên sông nước, thuyền như một cánh chim đang bay.

Mỗi rạng đông và chiều tà, Tiên Dung đều ra đứng trước mũi thuyền đón chào mặt trời. Và mặt trời trên trông đồng sẽ trầm hùng vang ngân một thứ âm thanh linh thánh khi nàng chiêm bái mặt trời.

Chiêm bái mặt trời.

Đó là niềm vui hằng ngày của Tiên Dung, cũng là tín ngưỡng bao đời của bộ tộc.

Với nàng, mỗi tia nắng rạng ngời tựa như cánh tay óng ả đang ôm hôn tất cả nhưng mỗi sinh linh đều cảm thấy nắng đang ấp ủ riêng mình. Làm sao mà nắng có thể tài tình như vậy?

Nắng là tình yêu chứ gì?

Từ bé, Tiên Dung vẫn thường nhìn thế giới bằng đôi mắt đen láy đầy ngạc nhiên, hân hoan và ngưỡng vọng. Những câu hỏi mà cô bé bắt ngờ buông ra thường không có ai giải đáp.

Không sao. Lại có những câu hỏi mới.

Thế giới lúc nào cũng mới. Đời sống lúc nào cũng mới. Cũng như dòng sông mà nàng đi chơi. Nàng không chỉ chơi một mùa trăng hay một mùa hoa. Nàng chơi giữa mùa đời bất tuyệt.

Mặt trời rạng đông đẹp như một đóa hoa huyền vĩ đang từ từ mở cánh, hé từng lớp ánh hồng và phóng những tia sáng mê ảo đắm sương xuống cõi nước mênh mông. Trên mặt nước, muôn nụ ánh sáng lần lượt nở ra. Trò chơi của ánh sáng và nước, óng ánh phối kết và lan tỏa trước mặt Tiên Dung.

Mỗi rạng đông rạng rỡ đều là em gái của rạng đông muôn mùa, nàng nghĩ. Thế nên nàng gọi rạng đông là “cô em gái”.

Mặt trời chiều tà đẹp như than hồng khi toàn thân nó đã chuyển hóa, nó vừa là hòn than của bóng tối vừa là hòn than của ánh sáng và sự kết hợp diệu ảo đó là điều kỳ thú nhất mà Tiên Dung muốn học hỏi.

Hòn than hồng đó không muốn phơi bày một điều gì. Trái lại nó đang giấu mình. Ánh sáng u huyền của nó không phóng đi mà đang thu lại. Nó lù vào sau núi, lù vào sau chân mây. Thế nên

Tiên Dung gọi tà dương là “người đi ẩn”.

Bản thân Tiên Dung đứng trước mũi thuyền cũng là một cái đẹp tuyệt tác. Tóc nàng xõa ngang vai, bay lất phất trong gió dù ngang trán có buộc một dải khăn nâu hồng và giắt trong nó là mấy nhánh lau rập rờn lung linh như một thứ lửa trắng.

Mang một gương mặt thần tiên vào đời, Tiên Dung không thể xa rời chính vẻ đẹp của mình dù nửa bước. Bước nàng dẫu tuyệt nhẹ, không gian cũng xao động, và niềm ngây ngất lan tỏa khắp nơi.

Nàng đứng đó, cả người óng ả nắng hồng giữa những tùm tùm toàn là gái. Trên thuyền không có bất kỳ một trai tráng nào. Căng buồm, cuộn buồm, chèo chông, đánh bắt cá, làm bếp, đánh trống đồng, ca múa,... các cô làm tất, kể cả bảo vệ an toàn Tiên Dung mị nương, báu vật linh thánh của toàn bộ tộc.

Chiếc váy Tiên Dung mặc gồm hai tà rộng bản lộng lẫy hoa văn, hình những cánh chim đang dang cánh bay.

Ngực Tiên Dung để trần, óng mịn tròn đầy như một thứ hoa quả dâng mặt trời, bắt đầu chín ửng và ấm nóng trong nắng.

Nhìn ngắm dòng sông đang chơi đùa trong nắng mai, đổi màu liên tục từ đen tối chuyên sang xanh chàm, trắng đục, rồi biêng biếc, lam hồng và xám đỏ,... Tiên Dung cảm thấy dòng sông thân thiết với mình không khác nào mặt trời.

Dòng sông trôi đi và nó lãng du trong chính nó, đó là điều nàng thường trầm tư về đời sông.

Nó tự đổi mình khi đi. Mỗi làn sóng vừa xuất hiện đã biến mất. Khỏi sóng muốn che giấu điều gì đó nhưng rồi tự tan.

Dòng sông cư lưu ở đâu? Nó cư lưu trong chính cuộc phiêu du của mình. Nó tự hiện bày như một dòng sông, tự kéo mình ra như một trường giang, tự biến hóa trong nhiều mặt nạ khác nhau.

Và dòng sông cũng không nhớ mình là sông. Nó vừa là tiền sinh, vừa là hiện sinh vừa là lai sinh của chính nó. Nó ở kiếp khác

ngay trong kiếp này.

Đồng thời, dòng sông vừa ra đi vừa trở về.

“Kẻ lãng du trong chính mình”, Tiên Dung gọi dòng sông như thế.

Đến những nơi bốc lên khói lam thôn ấp, Tiên Dung cho dừng thuyền, lên bờ đi dạo.

Điều làm nàng ngại ngùng là ở đâu người dân cũng xem nàng là thần tiên giáng hạ, quỳ mọp trước nàng. “Tấu lạy bà”, họ cầu khẩn, “xin bà ban ơn cho chúng con của cải sinh sôi, buôn may bán đắt, con cháu đầy đàn, sống lâu mạnh khỏe...”.

Họ xem nàng là gì chứ? Đáng cái biển thể gian này theo khát vọng của từng người? Kẻ sẵn sàng chiều chuộng lòng dục của họ ư?

Tiên Dung chỉ là cô gái bình thường trên mặt đất này, nàng nói. Nhưng không ai tin nàng. Cái đẹp siêu phàm của nàng có vẻ như là một gánh nặng mà nàng phải mang sao?

Lại càng không dám ngẩng mặt nhìn nàng là những chàng trai. Họ nghe đầy tai những đồn đại về nhan sắc Tiên Dung. Đứng bên nàng, những cô gái được gọi là đẹp nhất đều trở nên thảm hại. Nàng là bông hoa nghìn năm mới nở một lần trên vườn Trời. Và nhiều cách xung tụng hoang đường khác mà lạ thay, không ai thấy đó là hoang đường.

Trong các thôn ấp, các chàng trai hội họp đợi chờ Tiên Dung mị nương giáng lâm. Nhưng khi nàng xuất hiện, không ai dừng cảm ngẩng mặt đối nhìn. Lửa. Sấm sét. Sóng cuồng. Giông bão. Thậm chí đó là cái chết.

Chỉ dường tượng phần nào nhan sắc đó trong mơ, các chàng trai cứ thế mà rên rỉ, thở than. Ai cũng bất hạnh. Ai cũng sợ hãi. Ai cũng bất bình. Và không ai hiểu tại sao trên đời lại có Tiên Dung...

Khi Tiên Dung xuất hiện, các chàng trai dập đầu dúi mặt xuống đất, ngây ngất trong làn hương lạ thường tỏa ra từ da thịt

Đạo lấy tịch diệt làm thể, việc tu tập lấy sự lìa bỏ hình tướng làm tông chỉ. Cho nên kinh dạy rằng: “Tịch diệt chính là BỒ-ĐỀ, vì đã dứt hết mọi hình tướng.”

Phật là giác, nghĩa là tỉnh thức, rõ biết. Người có tâm tỉnh thức, rõ biết, hiểu được đạo BỒ-ĐỀ cho nên xưng là Phật.

Kinh dạy rằng: “Lìa bỏ hết thầy mọi hình tướng, liền gọi là chư Phật.” Cho nên biết rằng mọi hình tướng có đó chính là cái tướng “không tướng”, không thể dùng mắt để thấy, chỉ có thể dùng trí để biết. Nếu ai nghe được pháp này mà phát sinh một niệm tin nhận, đó là đã phát khởi pháp Đại thừa, liền vượt thoát ngoài ba cõi.

(NGỘ TÁNH LUẬN - BỒ ĐỀ ĐẠT MA)

nàng như một thứ hương xạ mê hồn.

Đường như ai đó đã đặt nàng vào một thế lưỡng nan, vào một trò chơi tuyệt khó.

Là tiên hay là người?

Là bất tử hay vô thường?

Nàng sẽ sống thế nào với gương mặt của thần tiên và trái tim của con người?

Nàng biết rằng trên khắp cõi bờ này không có bức tranh nào, phù điêu nào, pho tượng nào thể hiện được vẻ đẹp của nàng.

Nhưng còn trái tim nàng thì sao? Trái tim của một con người. Cũng chẳng có bài ca nào trên khắp cõi bờ này thể hiện được nỗi khao khát làm người của nó.

Nàng thường cảm thấy mình là kẻ lưu đày, kẻ xa lạ giữa trần gian.

Ai cũng có trú xứ thân yêu, như dòng sông chẳng hạn, dù có đi đâu, dù có xa nguồn. Vì đi đâu cũng là ở đây, mặt đất này.

Trái lại người ta bảo Tiên Dung rằng quê nàng xa lắm, tận thiên không. Sơ sinh nàng đã được gọi là Tiên.

Cái đẹp ẩn trong hình hài Tiên Dung và cũng tỏa ra vô tận trong hình hài đó. Mỗi ngày. Mỗi mùa. Mỗi năm. Nàng cứ đẹp hơn lên. Không biết từ bao giờ, ai cũng gọi nàng là Tiên Dung.

Nàng sinh ra từ giấc mơ, ai đó nói.

Nàng sinh ra từ huyền bí, ai đó nói.

Nàng sinh ra từ không đâu, ai đó nói.

Nàng sinh ra từ cõi bờ duy nhất của nàng, ai đó nói.

Tiên Dung chỉ là cô gái bình thường trên mặt đất này, nhiều lần nàng nói thế. Đây, đó là lời nàng. Nhưng không ai tin.

Một lần kia, trên dòng sông đỏ màu phù sa, nàng có một hạnh ngộ bất ngờ.

Đó là một buổi trưa. Tĩnh lặng, Ngược dòng, một chiếc độc mộc tiến về phía thuyền nàng. Ngồi gần gã chèo độc mộc là một người phương phi, da rám nắng bờ quần, đầu trọc, khoác áo nâu sòng, không thể đoán ra tuổi tác.

Theo lời mời của Tiên Dung, nhà sư bước lên con thuyền lớn. Từng bước, nhà sư toát ra một phong thái ung dung tự tại khác thường, đứng trên thuyền như một cánh hạc vừa đáp xuống một cành nhánh thanh cao.

Hãy nhận quà tặng của chúng tôi. Tiên Dung trao cho nhà sư một hộp trầm hương.

Và đáp lại, nhà sư để Tiên Dung rước về một tượng Bụt nhỏ bằng đồng. Và Tiên Dung cảm thấy bao nhiêu báu vật nàng từng được biếu tặng không gì có ý nghĩa bằng điều nàng vừa đón nhận.

Tiên Dung xin nghe một lời pháp. Mị nương đang đi đâu, nhà sư hỏi.

Chỉ đi chơi thôi, nàng đáp.

Vậy thì cứ tiếp tục đi chơi, sư đáp, và đi chơi với Bụt.

Đi chơi với Bụt sao? Tiên Dung hỏi.

Vâng, bé Bụt đi chơi, sư đáp.

Chỉ đi chơi thôi sao? Nàng lại hỏi.

Cho vui. Cho pháp vui mà, Sư đáp.

Thế thì..., Tiên Dung nói và tỏ vẻ không hiểu. Với nàng, một lời pháp hẳn phải cao thâm hơn “cái đi chơi” vừa mới được nghe.

Vâng, bé Bụt đi chơi, nhà sư nhắc lại. Không nghe trẻ con hát hay sao:

*Bụt ơi Bụt à*

*Bụt về se sẽ*

*Bụt về như như*

*Thương Bụt hiền từ*

*Bé Bụt đi chơi...*

Và lời trẻ con thường khi là lời pháp đấy. Xin tạm biệt. Với nhân duyên thời tiết, sẽ còn gặp lại nhau.

Nhà sư trở về thuyền độc mộc. Phật Quang, đó là đạo hiệu của sư mà Tiên Dung không bao giờ lãng quên.

Từ đó, trên thuyền Tiên Dung, ngoài trống đồng khắc hình mặt trời, còn có tượng đồng của Bụt.

Tiên Dung tiếp tục chiêm bái mặt trời mỗi ngày nhưng từ đây nàng còn làm một việc theo lời Phật Quang, thậm chí gần như mọi lúc. Đó là “bé Bụt đi chơi”.

Điều đó có nghĩa là từ đây khi nàng ca hát, nhảy múa, đi dạo, ăn cơm trong ống bương nàng đều thấy có Bụt cùng làm những điều đó một cách hân hoan bên nàng.

Bụt là người mà, nàng tự nhủ. Thì sao mình không phải là người chứ. Tiên gì mà tiên. Càng ngày nàng cảm thấy mình “người” hơn. Nàng không thuộc một cõi xa xăm hư ảo nào. Nàng đang ở đây, bây giờ. Nàng đang đi chơi với Bụt. Không phải là lang thang vô định trên sông nước và cõi bờ của bộ tộc.



Một đêm trăng rằm Tiên Dung nhìn thấy như trong mơ năm đồng tử ngồi quanh mạn thuyền, tự xưng là Đất, Nước, Gió, Lửa, Không.

Dường như chỉ mình nàng nhìn thấy họ. Các tùy tùng thì không. Đường như họ chỉ hiện ra cho một mình nàng.

Đồng tử Đất vận khăn áo màu vàng nâu. Khăn áo đồng tử Nước thì xanh nhạt, đồng tử Gió thì trắng muốt, đồng tử Lửa thì đỏ rực. Đồng tử Không vận một thứ khăn áo không màu sắc, nó luôn luôn đổi màu theo cách nhìn và điểm nhìn.

Vừa xuất hiện, năm đồng tử đã hòa giọng cất tiếng hát:

*Có ai đó bắt tử*

*Chắc không, chắc không?*

*Có ai đó muôn năm*

*Chắc không, chắc không?*

*Thì thôi nhé!*

*Có ai đó phiêu bồng*

*Trong cõi bụi hồng ân ái với sương*

*Trong cõi tụ tan tự tình với sóng*

*Đất, Nước, Gió, Lửa, Không*

*Có năm hình bóng*

*Có năm tình chung*

*Là ai thế?*

*Là năm đồng tử*

*Theo nàng Tiên Dung.*

Và cả năm đồng tử bật dậy, nhảy múa hoan say quanh nàng Tiên Dung đang đứng ngạc nhiên bên trống đồng. Nhưng rồi, nàng cũng hòa theo cuộc chơi, bắt đầu dùng cả hai bàn tay xinh xắn như hoa của mình vỗ nhịp lên cả mặt trống và tang trống.

Đồng tử Đất hát:

*Có đồng tử Đất*

*Bước bước mịt mờ*

*Thâm thì được mát*

Tôi là vỏ ốc rỗng  
còn một chút vọng mơ  
đôi khi một đũa bé  
nghe lời reo hư vô.

Tôi là thằng Bờm đây  
nắm xôi còn mơ hoài  
quạt mo thì đã mất  
còn đây chút gió bay

Tôi là người hóa đá  
chết còn vươn hình hài  
nếu làm người lần nữa  
chẳng để đời tàn phai.

(TÔI LÀ MỘT KẸ KHÁC - NHẬT CHIÊU)

*Bụi bay vô bờ  
Gặp người con gái ấy mơ  
Bao đêm huyền sử đang chờ Tiên Dung.  
Đồng tử Gió hát:  
Có đồng tử Gió  
Tóc tóc vì vu  
Đi chơi với lá  
Bồng mây lãng du  
Reo vì vu reo vì vu  
Đong đưa theo sóng vào bờ Tiên Dung.  
Đồng tử Lửa hát:  
Có đồng tử Lửa  
Đêm đêm đêm đêm*

*Muôn năm rừng núi  
Mắt bình sơ nguyên  
Cõi bờ dựng một đền thiêng  
Lửa reo đón đợi nàng Tiên Dung về.  
Đồng tử Nước hát:  
Có đồng tử Nước  
Mắt xanh muôn ngày  
Tự vui thân mới  
Hình xưa tự đây  
Từ sông nước ấy lên mây  
Long lanh ngời chiếu bốn mùa Tiên Dung.  
Đồng tử Không hát:  
Nhẹ hơn hơi thở  
Có đồng tử Không  
Vô vàn vô tí  
Vô sắc vô hình  
Gió mưa bày cuộc u linh  
Tiên Dung bước xuống bước tình từ đây.*

Thế rồi, Tiên Dung buông trống, cùng nhảy múa với năm đồng tử trong ánh trăng diễm ảo. Một cảm giác lạ lùng lan khắp hình hài Tiên Dung. Rằng năm đồng tử ấy không chỉ nhảy múa bên ngoài nàng mà còn nhảy múa ở ngay bên trong nàng, như thể năm đồng tử ấy là năm hơi thở huyền diệu, năm giọt lệ hoan vui. Dường như năm đồng tử ấy với nàng thật ra là một.

Cuộc vui đã đến lúc dừng.

Chúng tôi xin báo với mị nương rằng, đồng tử Không nói, sắp tới nàng sẽ gặp một kỳ duyên. Đất cát sẽ trôi trước mắt nàng để tạo cơ cho nàng va chạm với thực tại, rơi vào trong thực tại.

Là sao ạ? Mị nương kêu lên.

Là rời bỏ ảo cảnh, đồng tử Không đáp, nói rõ hơn nàng sẽ ly thoát vai trò nàng tiên để trở về chính con người của nàng, nàng hiểu không?

Vâng, vâng, Tiên Dung đáp, đầu cảm thấy còn rất mơ hồ. Dường như tâm trí nàng không đủ độ sáng trong đêm trăng huyền ảo này. Nhưng nàng không muốn tỏ ra một chút nào u tối, dù là tối tâm hay tối tâm.

Nàng sẽ mở rộng chân trời, đồng tử Đất nói, mở cửa mở lối, nàng sẽ hòa nhập với đủ loại chúng sinh.

Và chúng sinh cũng sẽ được nàng cứu vớt, đồng tử Lửa nói, khỏi bệnh tật thương tích, nàng đi khắp nơi cứu nhân độ thế.

Nàng sẽ đem lại tình yêu cuộc sống, đồng tử Gió nói, nàng là hiện thân của cái đẹp trần thế chứ không phải là của lời hứa hẹn xa xăm nào.

Nàng sẽ bắt tử, đồng tử Nước nói.

Chắc không, Tiên Dung mỉm cười, chắc không?

Nàng vẫn là tiên, đồng tử Nước đáp, nhưng là tiên của đời thực, nàng tiên của nước mắt và nụ cười ngay trên mặt đất này.

Nàng sẽ gặp lại Phật Quang, đồng tử Không nói, đây là người đã dạy nàng bé Bụt đi chơi. Có một điều nàng...

Thế nào à? Tiên Dung hỏi với giọng lo ngại.

Nàng cũng nên biết, đồng tử Không nói, dân chúng chẳng để nàng là người như ý nàng đâu!

Sao thế ạ? Tiên Dung hỏi.

Họ sẽ phong thánh nàng, đồng tử Đất nói, họ không thể thiếu thần thánh.

Họ sẽ đúc tượng nàng, xây đền miếu, đồng tử Lửa nói, và họ còn làm nhiều chuyện linh tinh khác. Nàng sẽ được sơn son thếp vàng.

Nàng được nhiều người yêu thương nhưng sẽ bị một người ghét bỏ, đồng tử Gió nói, và nàng chẳng thể làm gì khác.

Có một cách đấy, đồng tử Nước nói, nàng tránh đi, tránh đi.

Tránh đi đâu, Tiên Dung hỏi, và tránh thế nào?

Như nước ấy, đồng tử Nước đáp, như nước ấy. Thôi, chúng

## TÂM TỨC PHẬT

Phật cùng chúng sinh một tâm không khác. Tỷ như hư không, không tạp loạn, không hư hoại. Như vàng nhật lớn chiếu khắp thiên hạ; khi mặt trời lên chiếu sáng khắp nơi, hư không chưa từng sáng. Lúc mặt trời lặn u tối khắp nơi, hư không chưa từng tối. Cảnh sáng tối tự tranh nhau, còn tính của hư không thì rỗng rang không thay đổi. Tâm của Phật và tâm của chúng sinh cũng như vậy. Nếu quán Phật mà thấy ra cái tướng thanh tịnh, quang minh, giải thoát và nếu quán chúng sinh mà thấy ra cái tướng ô nhiễm, cấu trọc, ám muội, sinh tử thì với kiến giải như thế, trải qua hàng hà sa số kiếp vẫn không đạt được chứng quả Bồ Đề, đó là vì chấp trước sắc tướng vậy.

Chỉ có tâm này mà thôi, ngoài ra không có một chút mây may pháp gì có thể đạt được. Tức tâm là Phật.

Nay người học Đạo nếu không ngộ được cái bản thể của tâm này mà sinh ra một cái tâm khác trên cái tâm này, tìm Phật bên ngoài, chấp trước sắc tướng mà tu hành thì đều là tà pháp, không phải đạo Bồ Đề.

**(Thiền sư Hoàng Bá khai thị)**

tôi đi đây.

Tiên Dung còn lại một mình dưới ánh trăng, bên cạnh trống đồng.

Vàng, nàng thì thầm khi phác nhẹ một bàn tay như thể vỗ lên nhịp trống, ta sẽ làm người và bé Bụt đi chơi.

Họ sẽ phong thánh nàng, lời đồng tử Đất vẫn còn ngân vang trong tâm hồn nàng. Họ không thể thiếu thần thánh.

Hay là ta tránh đi, học theo nước, Tiên Dung tự nhủ, hay là ta tan đi. Không được, không được...

Mị nương ơi, cô đang mơ gì thế? Có ai đó gọi nàng, vừa thật cận kề vừa thật xa xôi. Tiên Dung ơi...

NHẬT CHIÊU

**HỌP MẶT KỶ NIỆM 18 NĂM TẬP SAN VÔ ƯU (1998-2016) VÀ  
TRAO GIẢI THƯỜNG CUỘC THI VĂN  
“Đạo Phật, suối nguồn yêu thương”**



Để đánh dấu chặng đường 18 năm tập san Vô Ưu - tiếng nói của Phật giáo tỉnh Đắk Lắk, Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh đã tổ chức buổi họp mặt kỷ niệm 18 năm tập san Vô Ưu và trao giải thưởng cuộc thi văn **“Đạo Phật, suối nguồn yêu thương”** vào lúc 8 giờ sáng ngày 01/10/2016 tại tịnh xá Ngọc Quang (22 Đoàn Thị Điểm, TP. Buôn Ma Thuột).

Buổi họp mặt đã được long trọng khai mạc dưới sự chứng minh và chủ tọa của Chư tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk: Hòa thượng Thích Giác Thanh-Chứng minh BTSPG tỉnh, Thượng tọa Thích Châu Quang, Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, Trụ trì chùa Sắc Tứ Khải Đoan, chứng minh tập san Vô Ưu; đại diện chánh quyền và đoàn thể tại địa phương, và gần 500 khách mời, cộng tác viên là các nhà văn, nhà thơ, nhà báo... tại tịnh xá và nhiều tỉnh thành khắp cả nước đã gắn bó với tập san trong suốt 18 năm qua.

Tập san Vô Ưu ra đời năm 1998 đến nay đã được 60 số, từ lượng phát hành ban đầu 500 cuốn (40 trang) đến nay đã tăng lên 4.500 cuốn với độ dày 80 trang, có mặt bằng phát hành trải rộng từ Huế vào các tỉnh phía Nam.

ĐẶNG MINH HIỀN

**HẠT BỤI**

*Ta, là hạt bụi  
Lơ lửng giữa trời  
Dù làn nắng cháy  
Thấm giọt mưa rơi*

*Trôi về muôn nẻo  
Vẫn mộng rong chơi  
Không buồn đông lạnh  
Chẳng sợ hè phơi*

*Núi cao đâu ngại  
Biển rộng mặc đời  
Hồn nhiên – Tự tại  
Giữa trời an vui...*

Phố núi, 22-10-2012

**MƠ 1**

*Bên này Knua  
Bên kia Draysap  
Mơ một lần  
Trong dòng thác... kỳ lung*

**MƠ 2**

*Một bờ thác  
đá chênh vênh  
Kỳ lung ai  
ám lạnh miền tử - sinh  
Giỡn đùa  
trong cõi vô minh  
Đêm công phu  
chợt  
thấy mình...  
tử thi!*

**CƯỜI**

*Rõ ràng - ta lại là ta  
Nghe “Aum” giật thót  
cười khà cổ nhân  
Ô kìa... trâu nọ ai chăn?  
Thống tay vào chỢ  
Làn khăn đỏ tề!*

Trích tập thơ “Con Mê Chiều” -

LTS

## *Song Nguyên* *- Chút Thơ Giữa Rừng Thư Pháp*



**SONG NGUYÊN**  
**- KÝ HỌA CỦA TRỊNH CÔNG SƠN**

*Em ngồi rẽ tóc bên thềm/  
Nghiêng che nhánh cỏ, nghiêng  
mềm lòng anh/ Tóc bay vương nụ  
quỳnh anh/ Thì ra hoa-tóc như mình  
wương nhau.*

**(Thì ra hoa tóc như mình  
wương nhau)**

Chỉ qua mấy câu thơ ngắn,  
nhà thơ Song Nguyên đã khám phá  
“nghịch-dĩ-định” trong tình yêu với  
ý thơ tao nhã, mượt mà.

Thơ của ông mang phong thái  
một triết gia trầm tĩnh, dí dỏm, hóm

hình, đùa nghịch đầy tính người:

*Soi gương thấy sún răng,  
Giận không soi gương nữa  
Răng vẫn sún như thường*

**(Soi gương)**

Hay

*Xò tay thay lược chải đầu  
Cười theo mấy sợi Tóc - Râu bạc rồi  
Trêu đời chiếc lá chao rơi  
Trên bài thơ cũ một thời hoang vu.*



**(Cười theo mấy sợi tóc-râu bạc rồi)**

Ông sử dụng rất cô đọng những con chữ, chất chiu, sáng tạo và đầy sức công phá, truyền đạt; thi tứ mênh mông như gió lộng, âm ì như nhạc sóng, lưu chuyển như mây trôi..

Với hương sắc mang mang, một trời tâm cảnh, ông đi vào thể thơ Haiku:

*Buồm xa căn gió lộng  
Sóng nước cuốn bèo trôi  
Mênh mông... Biển... Cát... Trời*

**(Kiều trước lầu Ngưng Bích)**

Hoặc

*Một chám vàng đại nội  
Xanh giọt nắng hoàng gia  
Mướt mà.*

**(Em tôi)**

Và

*Mê muội giữa đời thường  
Gặp em đã hoàng hôn  
Chiều lên... chưa muộn.*

**(Mê muội)**

Thơ với Song Nguyên dường như là suối nguồn của hạnh phúc, bình dị, đơn giản mà đậm đà sâu lắng. Tất cả tình cảm nồng nàn tha thiết yêu thương về tuổi thơ ngọt ngào, với Huế quê nhà xa xôi, với bạn bè những tháng năm đầy ắp kỷ niệm:

*Nhớ Huế vô cùng ơi Huế ơi  
Ta chừ như gió dạt ngàn khơi  
Nắng mưa chưa vãng đời cơm áo  
Hẹn một ngày về ơi Huế ơi.*

**(Hẹn một ngày về)**

Thơ của Song Nguyên là nỗi đam mê nhẹ nhàng mà sâu thẳm, nỗi đam mê không hề vơi đi cùng năm tháng, như người lữ hành phiêu lãng xuôi ngược đường đời:

*Ta đi trong gió thênh thang  
Bỏ sau lưng, mảnh trăng vàng đơn côi  
Quên rồi thương giận đây vui  
Chừ đây chợt tỉnh nửa đời qua mau*

**(Như gió thênh thang)**

Và cũng có lúc ngông nghênh cùng men rượu:  
*Người đem trái đất ngâm thành rượu  
Ta nướng càn khôn nhắm thế mới  
Ước chi gặp lại thằng tri kỷ  
Sẵn rượu, sẵn môi say chút chơi.*

**(Say chút chơi)**

Đề rồi ngâm ngùi cho thân phận:  
*Trần gian là quán trọ  
Thấp thoáng cảnh phù du  
Mấy ai kịp hẹn hò.*

**(Trần gian là quán trọ)**

Nhà thơ Song Nguyên tên thật là Nguyễn Đức Tín sinh năm 1937 tại Huế. Ông đã xuất bản các tập thơ: *Cánh gió bên trời* – NXB Văn Nghệ 1995, *Lãng đãng hoàng hôn* -NXB Văn Nghệ 1997, *Bên bông mây* - NXB Trẻ 2001, *Thơ-Thư pháp Song Nguyên* 2011, *Mời trà* (chung với Mai Quang) 2012.

Ông còn là một trong những người đi đầu trong việc quảng bá nghệ thuật thư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thuở còn là học sinh trường Quốc Học Huế, Song Nguyên say mê luyện chữ Hán, những năm 80, với cây bút lông và nghiên mực, Song Nguyên bắt đầu làm bạn với thư pháp. Vốn nặng lòng với thi ca, Song Nguyên thường chọn những câu thơ, đoạn thơ của các tác giả mà mình tâm đắc hay chính thơ của mình để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật “thư pháp Song nguyên”. Khi nhắc đến ông, giới thư pháp trẻ thường gọi ông với cái tên thân thương là thầy Song Nguyên, bởi ông hiện đang phụ trách hướng dẫn viết thư pháp chữ Việt tại Hội Mỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Bạn có thể vào thiên bất cứ ngõ nào, vì toàn thể đời sống là một sự thiên định sâu xa: núi đồi, trăng sao, hoa lá, cây cỏ, toàn trái đất đều đang nhập định. Bất cứ sự vật gì cũng có thể trở thành ngõ vào thiên.

(NGÕ VÀO THIÊN - THÍCH NỮ TRÍ HẢI)

Hằng năm ông thường tổ chức các cuộc triển lãm thư pháp chữ Việt trong nước, là Trưởng ban tổ chức triển lãm thư pháp với hai năm một lần nhân dịp Festival Huế kể từ năm 2000. Trong cuộc triển lãm thư pháp quốc tế các nước và vùng lãnh thổ Á châu (gồm: Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc) năm 2012 tại Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó tại Singapore, Song Nguyên là nhà thư pháp Việt Nam duy nhất được mời tham dự và trưng bày tác phẩm.

Thư pháp của ông nét bút mạnh mẽ, nhọn bén, chông chênh nhưng hài hòa trong toàn bộ cục. Lực bút đầy dương tính nhưng nét bút lại phóng khoáng, lả lướt, mang vẻ đặc thù của ... Song Nguyên.

Ông còn là một nghệ sĩ sáo trúc nổi tiếng tại Sài Gòn, là một trong những khuôn mặt quen thuộc ở các chương trình “Bình thơ” của HTV, “Tiếng thơ” của Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và những “Đêm thơ nhạc” của thành phố. Có thể nói tiếng sáo dặt dìu của Song Nguyên hòa cùng tiếng đàn tranh nhẹ nhàng của Thạch Cẩm đã hỗ trợ rất nhiều để các nghệ sĩ ngâm thơ tài hồn thơ đến khán thính giả yêu thơ.

Một nhà thơ, một nhà thư pháp, một nghệ sĩ sáo trúc, mảng nghệ thuật nào ông cũng được người thưởng thức mến mộ, góp phần làm nên những bông hoa đẹp trong vườn hoa nghệ thuật của nước nhà. Chúc nhà thơ Song Nguyên luôn vui, khỏe để cống hiến cho đời nhiều tác phẩm hay, đẹp và khi nhắc đến ông, những người yêu nghệ thuật sẽ không thể quên Song Nguyên, một nghệ sĩ đa năng và đa hiệu.

**N.Đ.T**

*Điệu  
Buồn  
Trăm  
Năm*



Uyên ký xong, chưa kịp buông viết, Định đã chồm tới, chộp tờ đơn ly dị, lật đật gấp làm tư, cho vào túi, phòng khi Uyên đổi ý.

Định lạnh lùng đi ra cửa, ngồi trên chiếc Dream 2 bóng lộn, trước khi đề máy, Định tàn nhẫn vẫy tay, nhếch một bên mép: “Bái... bai...!”

Uyên gục xuống, ôm mặt khóc nức nở. Thế là hết! Hạnh phúc vỡ tan! Mười năm tình nghĩa mặn nồng giờ đây chỉ còn con đau bầm gan tím ruột. Ngôi nhà âm cúng, rộn tiếng nói cười, kể từ nay trống vắng, lạnh lùng. Tất cả đã đổi thay. Từ lúc nào không rõ, Uyên chỉ mơ hồ thấy bất hạnh thoát ần thoát hiện bên đời, ra sức đe dọa, công phá hủy hoại nền móng hạnh phúc gia đình. Và, hôm nay, nó đã hiện nguyên hình. Dù Uyên đã dày công chống trả, xây dựng nhưng vô hiệu. Uyên hoàn toàn thua cuộc và xác nhận điều đó bằng chữ ký trên tờ đơn xin ly dị mà Định đưa ra.

Mười năm qua, Uyên đã đấu tranh không ngừng nghỉ để bảo vệ tình yêu của mình, giữ cho bé Thu một người cha. Uyên cũng có tự ái nhưng cô không muốn cái tôi của mình che khuất bé Thu. Đứa con được tạo hình trong những ngày tháng ngọt mật hương vị tình yêu. Cái thuở đất trời bỗng nhỏ bé hơn cả ánh mắt người tình và cái thế giới đông đảo con người hẳn phải ngạc nhiên vì sự tìm đến nhau của hai kẻ ở hai đầu đất nước. Người Nam, kẻ Bắc. Vậy mà vừa thoáng trông thấy nhau trong giảng đường đại học, họ đã phải ngỡ ngàng, ngật ngừng chẳng muốn quay đi. Uyên không sao quên được ánh mắt Định lúc ấy. Sâu thẳm, diệu vợi và thu hút. Uyên bàng hoàng ngẩn ngơ đánh rơi cây bút. Nhặt lên, Uyên cứ loay hoay vẽ những đường vô nghĩa trên trang vở, để lời giảng của thầy bay lảng đàng trên vòm cao giảng đường. Mãi đến lúc Định gọi: “Cô... sao cô bé không về?”. Uyên mới chợt tỉnh, thẹn thùng nhìn giảng đường vắng ngắt, chỉ còn lại hai người.

Uyên và Định yêu nhau dễ dàng như có duyên nợ từ kiếp trước. Cả hai đều nghèo. Tình yêu đã giúp họ vượt qua khó khăn để cảm thông nhau. Định thường bảo:

- Yêu em, anh vui niềm vui của em, buồn nỗi buồn của em. Vì vậy, anh phải cùng em chia sẻ khó khăn, gánh gồng nặng nhọc.

Định giúp Uyên việc nhà. Anh kèm toán, tiếng Anh cho hai

đứa em Uyên, sửa sang lại mái nhà, chuồng heo, điện đóm... Anh cáng đáng tất cả những việc lẽ ra ba Uyên phải chu toàn. Đàng này, ông bỏ mặc những đứa con sớm mồ côi mẹ để chạy theo một mối tình mới. Chúng đói no ra sao cũng được, ông cứ lo hưởng thụ như lúc vợ còn sống. Ham vui và vô trách nhiệm là tính cách bất di bất dịch của ba Uyên.

Chị Thuỳên, chị hai của Uyên, đứa con gái lớn của ông chưa tốt nghiệp phổ thông trung học đã rời ghế nhà trường để đi buôn. Một mình chị nuôi bốn miệng ăn. Người thiếu nữ đang xuân lẫn xả vào giữa chợ đời kiếm sống. Gió bụi thời gian, gai chông dọc đường mặc tình nhuộm xám ước mơ riêng tư. Chị Thuỳên từ chối lời cầu hôn của người yêu để được tự do... nuôi đàn em dại, trong đó có Uyên. Uyên yêu chị lắm! Cô cũng muốn bỏ học để cùng chị lo cho gia đình. Nhưng, chị Thuỳên cương quyết bảo “Một mình chị dừng lại cũng đủ rồi. Em không phải lo! Ráng học thật giỏi. Mai này đỗ đạt, giúp gia đình cũng chưa muộn. Biết đâu lúc ấy, chị cũng phải nương dựa vào em.”

Thương chị, Uyên chỉ còn biết chăm học và đã thành công. Kết quả ngoài sức tưởng tượng. Uyên đỗ thủ khoa và được chọn nhiệm sở. Đơn vị công tác của Uyên là một ngôi trường tại trung tâm tỉnh lỵ. Nó đẹp cổ kính và trang nghiêm. Nơi gắn bó với Uyên từ độ ấy đến giờ.

Định cũng được điều về đó. Dạy chung trường, hai người có cơ hội gần gũi, tình yêu càng sâu đậm hơn. Định hỏi cưới, Uyên lưỡng lự. Ra trường, mới có mấy tháng, chưa làm gì được cho gia đình, lẽ nào Uyên đi xây dựng hạnh phúc bản thân. Chị Thuỳên biết chuyện, khuyên “Em cứ đi lấy chồng. Đòi người con gái chỉ có một thời. Đừng để nhan sắc tàn phai. Gia đình mình đã có chị lo. Em hãy yên tâm”. Uyên phản đối “Tại sao chị hy sinh được mà không cho em làm việc tốt?”. Chị Thuỳên bật cười, mắng yêu “Lãng duyên chưa! Chị có hy sinh gì đâu. Em muốn làm việc tốt

thì cứ làm. Có chồng rồi làm việc tốt không được sao? Rõ khổ!”.

Vậy là họ cưới nhau. Đây là khoảng thời gian đẹp nhất trong cuộc tình của Uyên. Định mồ côi cha mẹ, chỉ còn một người thân là chị cả đã lập gia đình tại thành phố. Chị Tâm, chị của Định rất giàu nghị lực. Từ hai bàn tay trắng đã gây dựng một cơ ngơi nhỏ nhỏ, có việc làm ổn định, đời sống thoải mái. Vì thế, Định yên tâm. Anh dồn sức lo cho gia đình Uyên. Ai cũng khen Định tốt, Uyên khéo chọn chồng. Hạnh phúc của Uyên làm cho bạn bè phải mơ ước.

Rồi bé Thu chào đời. Hạnh phúc lại nhân đôi. Giữa Uyên và Định có mối dây ràng buộc. Ngôi nhà tràn ngập niềm vui.

Đúng lúc đó, ba Uyên về. Một sự trở về muộn màng, vô tích sự, chẳng ai chờ đợi. Sự có mặt của ông chỉ gọi lại nỗi chua xót đắng cay của những ngày vất vả trước đây. Những bữa cơm chỉ có vài cọng rau xanh, một đĩa nước mắm trong. Những đêm đông giá buốt mấy chị em nằm co vì đói lạnh. Tất cả thao thức chờ cánh cửa bật mở, chị Thuỳ về, đứng giữa vùng tranh tối, tranh sáng, nét mặt chị bơ phờ, mệt mỏi nhưng vẫn cố gượng cười, chia ra những ổ bánh mì nóng hôi, giòn tan. Vừa ăn, Uyên vừa nhớ mẹ và hận thù ba. Uyên tiếc đôi cánh cò đã rũ và giận con đại bàng lại sải cánh bay xa, bỏ mặc chim non trong con giông bão.

Ba Uyên quay lại giữa lúc trời quang, mây tạnh. Ông mang theo tuổi già và sự thất bại nhiều mặt. Một lần nữa, ông nhuộm xám khoảng trời xanh của đàn con. Tự biến mình thành kẻ nát rượ, ông kéo gia đình trượt dốc, quay lại cảnh sa sút ngày nào.

Đồng lương có hạn, nhà thêm người, mức chi ngày một tăng. Ngoài giờ lên lớp, hai vợ chồng Uyên phải làm thêm nghề phụ hầu chia bớt gánh nặng cho chị Thuỳ. Uyên dọn hàng tạp hóa tại nhà để vừa buôn bán vừa trông chừng con, vừa tiện việc hoàn tất sổ sách, giáo án. Uyên kiếm thêm được một ít tiền nhưng phải đánh đổi nhiều thứ khác: Nhan sắc, uy tín nghề nghiệp, sự

sạch sẽ, ngăn nắp trong nhà và thì giờ chăm sóc chồng con. Những chiếc áo đẹp, Uyên cất kỹ vào va li sợ nó chóng bẩn, hư hại khi mua bán. Uyên mặc những bộ đồ cũ, xộc xệch. Lúc nào Uyên cũng trưng bày nét mặt mệt mỏi, thiếu ngủ, không trang điểm ra trước mặt chồng và học sinh. Vì không nghiên cứu bài trước khi lên lớp nên bài giảng của Uyên có phần thiếu sót, kém sức thuyết phục, dẫn đến tình trạng giảm sút sự kính trọng của học sinh và đồng nghiệp. Bây giờ, Uyên chỉ lo buôn bán. Uyên thò chân ngoài dài hơn chân trong. Vì không chuyên kinh doanh, nên kết quả thu cũng nhỏ. Nó lại chiếm khoảng thời gian quá lớn của cô. Uyên bán hàng chục món linh tinh, nhặt nhạnh từng đồng lời bèo bọt. Tạo ra một môi trường chật hẹp, bề bộn, nặng mùi vị quanh mình. Tạo thuận lợi cho kiến chuột, muỗi sinh sống. Chúng tha hồ tung hoành trong nhà, gây cảm giác bức bối, chán nản cho Định. Sau những giờ làm việc, Định về nhà, ngả người ra chiếc ghế tựa bốc mùi ngai ngái, chốc chốc lại đưa tay đập muỗi hoặc nhồm dậy vì kiến. Đôi khi anh phải bò xuống gầm giường, mọp sát đất nhìn vào đáy tủ hoặc vạch vạch tìm xác con chuột chết, để kịp thời xóa tan bầu không khí nặng mùi thối. Lúc đầu, Định dọn dẹp giúp Uyên. Nhưng sau đó, đầu cũng vào đấy. Anh đành bó tay, Định đã quá mệt mỏi vì những giờ lên lớp chính khóa rồi sau đó là những giờ phụ ở các điểm dạy thêm, Định cần vô cùng một chỗ yên tĩnh, không có một ông già lúc nào miệng cũng sặc hơi men, lè nhè những câu vớ vẩn về tình yêu, mưa nắng, chuyện hình sự đăng trên các báo... Hai đứa em trai Uyên không còn ngoan ngoãn, chúng bỏ học, nghề nghiệp không ổn định. Chúng hận đời, chán gia đình. Đi thi thôi, về tới nhà là chúng gây gổ văng tục. Chúng làm cho hoàn cảnh thêm bi đát và Định không còn cách nào khác hơn là chờ đến tối mịt mới quay về. Anh cảm thấy không thể kéo dài tình trạng này và đi đến một quyết định: đổi nghề! Định lên thành phố gặp chị, nhờ giúp. Nhân dịp người anh rỗi đi buôn gỗ, Định xin đi theo. Công việc có khó khăn nhưng cuối cùng suôn



## ***Em Từ Độ...***

*Em ngồi đếm bụi thời gian  
Ru đời dâu bể ngồn ngang nỗi buồn!  
Em từ độ tóc nhuốm sương  
Mặc hoa bướu rụng trắng vườn xác xơ.  
Trăng tròn rồi khuyết hững hờ  
Làm sao nín được bốn mùa trôi đi!  
Tiếc thương khoảnh khắc xuân thì  
Thoáng qua kỷ ức chút gì héo hon  
Em từ nhạt phấn phai son  
Trở trần hai chữ mất còn - thế thôi!*

***Nguyễn Thị Mây***

sẻ. Hai anh em tậu được một cửa hàng bán gỗ các loại tại thành phố. Định trở về mua nhà mới, đón vợ con ra riêng. Uyên vừa mừng vừa lo, cảm thấy khó xử vô cùng, bỏ mặc gia đình mà đi thì không nỡ. Còn ở lại, Uyên cũng chẳng giúp được bao nhiêu. Hiểu lòng Uyên, chị Thuỳn bảo: Em đã có chồng, phải theo chồng! Việc nhà đã có chị lo. Vả lại, em út đã lớn, đều có việc làm. Còn ba già yếu, đâu có đòi hỏi gì nhiều mà em phân vân, chưa quyết? Vâng lời chị, Uyên về nhà mới. Ngôi nhà không lớn nhưng thoáng đãng, xinh xắn. Mảnh sân con phía trước ngát hương hoa hoàng lan và sau vườn, rợp bóng cây bạch đàn. Uyên thích ngồi bên cửa sổ ngắm mặt trời chiều đỏ ối tuột dần xuống chân trời. Những tia nắng cuối ngày rực rỡ bùng lên, ung ửng màu da cam, trải dài, nhạt dần trên thảm cỏ mượt mà như tấm thảm nhung. Bé Thu chập chững đi trong sân, thỉnh thoảng cúi nhặt một chiếc lá úa dộ

lên đầu rồi quay lại cười với Uyên, để lộ mấy cái răng chuột bé tí, xinh xắn. Uyên lảng lảng trong niềm vui ngọt ngào lạ lẫm, cứ ngỡ nằm mơ. Một giấc mơ tuyệt đẹp. Do công việc làm ăn, Định thường phải vắng nhà. Có khi chuyến đi kéo dài nửa tháng. Ở nhà, Uyên nhớ chồng, cảm thấy chỗ ở mới buồn tênh, lạnh lẽo. Uyên nhớ ngôi nhà cũ, chật hẹp trong xóm nghèo, nhớ chị Thuỳn dạo này hay buồn ngơ buồn ngẩn. Chiều chiều, chị gõ mõ, tụng kinh. Uyên nhớ hai thằng em hận đời, về tới là đòi ăn, nhớ ba thở nực nồng mùi rượu, nói đi nói lại mãi một câu. Chịu không nổi, Uyên thường bông con về nhà thăm. Biết gia đình túng thiếu, Uyên thường tiêu xài tiết kiệm rồi dùng tiền để dành mua một ít quà cho bên nhà. Những lúc như thế, chị Thuỳn thường can: “Đừng làm vậy, Uyên ơi! Chồng em biết, sẽ giận đó”. Uyên trấn an chị: “Không sao đâu, Định thường khen em có hiếu, biết lo cho gia đình. Chính vì thế, Định mới yêu em”. Không đồng ý, chị Thuỳn bảo: “Đó là lúc chưa cưới kia. Bây giờ, em làm vậy lỡ Định cho là em bòn rút, đem về nuôi gia đình rồi làm sao? Không nên đâu!”. Uyên cãi: “Em không tin như thế, cùng một việc làm, lẽ nào khi thì mang ý nghĩa này. Lúc lại có dụng ý khác”. Chị Thuỳn buông thõng câu nói: “Nếu không nghe lời chị, em sẽ khổ!”. Uyên không nghe lời thật. Cô tiếp tục quà cáp. Thỉnh thoảng Uyên mời cả nhà qua dùng cơm khi Định về. Nhìn gia đình đoàn tụ, ăn uống vui vẻ, Uyên vui lắm. Cô nào biết, đời không đơn giản như lòng cô. Đầy rắc rối, phức tạp và tàn nhẫn.

Những chuyến đi của Định dài hơn, có khi cả tháng mới về một lần. Ban đầu, hai ngày anh về rồi ở lại nhà vài hôm. Lần lần, một tuần rồi hai tuần mới ghé lại như ghé trạm, nghỉ ngơi, chi tiền rồi đi ngay. Anh ít có thì giờ gần gũi, âu yếm, vuốt ve vợ con. Dường như anh về là để gặp bạn, mời ăn nhậu. Hôm sau, Định kêu đau đầu nhưng chiều lại say cho đến ngày đi. Gần đây, Định lại sanh tật nói lớn tiếng, nạt nộ, mắng Uyên như tát nước. Uyên buồn tủi lắm, nhưng thấy chồng quanh năm vất vả vì mình, Uyên

nhấn nhện, cố giữ hòa khí.

Trong khi đó, hai đứa em và ba Uyên thường tìm tới nhà. Thoạt đầu, họ chỉ viếng thăm. Dần dần, họ lợi dụng bản chất hiền hậu, hiếu thuận của Uyên mà kiếm chác. Họ hết xin cái này, cái nọ trong nhà, lại vay tiền. Thấy Uyên chấp thuận dễ dàng, chẳng bao giờ đòi lại, họ càng thích khoe khố, than thiếu vốn. Thậm chí, họ còn ngỏ lời vay tiền Định. Định hái ra bạc nhưng anh phải đánh đổi bằng sức lao động của chính mình. Chứ anh không hái ra những đồng tiền từ trên tay kẻ khác. Anh phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt của mình, bằng những ngày lao đao chôn rùng sâu. Xa vợ con, bè bạn, hy sinh bao năm đèn sách, nghề nghiệp ban đầu. Chính thế, anh trọng đồng tiền. Tiền là mục đích của đời anh. Tiền là trên hết.

Ba và hai em Uyên đã phạm một sai lầm đáng tiếc: Ham tiền mà lại là tiền của Định. Dù họ chỉ bòn mót những con số nhỏ nhoi, không bằng một cử nhậu “chào sân” của Định. Anh vẫn bực. Định có cảm giác mình đang bỏ muối xuống biển, chẳng lợi lộc gì. Anh tiếc nhưng không tiện nói ra. Mọi âm ức, anh trút lên đầu Uyên. Định bắt đầu ân hận vì đã lấy Uyên làm vợ, tự đào mồ chôn mình. Định ngậm so sánh Uyên với những người đàn bà khác mà anh có dịp giao tiếp khi buôn bán. Một sự chênh lệch quá rõ. Uyên hiền đến đại độ. Uyên chỉ biết sống vì những ràng buộc của bổn phận, của đạo lý. Còn vợ người ta thông minh, lém lỉnh. Họ tỏ ra là những phụ nữ bản lĩnh trong “giai đoạn mở cửa”, trong thời đại kinh tế thị trường. Lấy Uyên, anh phải dang tay ôm lấy “nợ nần”. Đúng là “kẻ ăn bánh còn người gom rác”, chẳng biết bao giờ mới thoát. Anh chán lắm! Định trở nên tàn nhẫn với Uyên. Anh thích làm khổ Uyên! Anh cho đó là lẽ công bằng vì Uyên làm anh khổ. Anh thường cố ý khen cô này giỏi, cô kia đẹp với Uyên, Uyên chỉ biết khóc.

Sáng nay, vừa thức giấc, Định đã kiểm chuyện. Anh lấy thư ra đọc. Uyên hỏi, anh bảo: Thư bỏ!. Uyên run lên vì giận.

Cô không còn chịu đựng được nữa. Cảm thấy tức tối lẫn ghê tởm giọng lưỡi tàn độc của chồng, cô thét lên “Anh im đi!”. Định trâng tráo: “Tao không im! Mày dám làm gì tao nè?”. Uyên chồm tới, thẳng tay tát vào má Định một cái nảy lửa. Vì bất ngờ, Định lãnh trọn năm dấu tay Uyên. Cáu tiết, Định đập Uyên một trận ra trò rồi ngồi vào bàn viết đơn xin ly dị. Mọi việc được kết thúc đúng như ý Định mong muốn. Uyên ký ngay vào tờ đơn, không chút do dự. Và, anh đã bỏ đi.

- Mẹ, mẹ đừng khóc nữa mẹ ơi!

Uyên bừng tỉnh, ngước lên. Bé Thu đang đứng cạnh Uyên, dang đôi tay bé bỏng ôm lấy mẹ. Siết chặt con vào lòng, Uyên khóc như mưa, như gió. Nhưng bé Thu nào hiểu gì. Bé quá quen với cảnh mẹ khóc. Nó đưa bàn tay vỗ nhẹ vào lưng mẹ rồi nói “Nín, nín đi mẹ! Để con hát ru mẹ ngủ nghe mẹ!”. Rồi bé hát câu ca dao mà Uyên thường hát khi dỗ bé: “*Anh buồn có chôn thờ than. Em buồn như ngọn đèn tàn thấp khuya*”. Uyên chợt nhớ về chốn cũ. Ở đó, con đường trải đá lỏn nhổn, quanh co, dẫn đến ngôi nhà chật hẹp trong xóm nghèo. Ở đó, chị Thuỳn mái tóc ngã màu khói sương, sớm chiều tần tảo. Ở đó, hai đứa em lêu lổng vì thiếu người dạy dỗ và ở đó có ba, một người đến cuối đời vẫn chưa tìm được hướng đi riêng cho mình. Tất cả gọi lên trong lòng Uyên nỗi giận hờn lẫn xót thương, tội nghiệp. Chúng hòa quyện vào nhau, biến thành mối dây chằng chịt bồn phận, khó rời. Uyên phải về thôi. Dù ở đó chẳng có gì cho Uyên hết. Còn gì nữa mà ở lại đây? Ngôi nhà ư? Định đã tuyên bố cho Uyên, Uyên không cần. Cái Uyên cần là tình yêu, nhưng Định đã giết chết nó rồi. Mọi thứ đối với Uyên bây giờ là vô nghĩa. Uyên vội vã thu dọn quần áo, xếp vào va li cũ, quà tặng của bạn bè nhân ngày Uyên và Định cưới nhau, Uyên không mang theo những món gì mà không phải do Uyên làm ra. Chỉ có bé Thu, Uyên chiếm lấy. Đó là gia tài duy nhất, ngoài Uyên còn có Định góp phần tạo nên. Nhìn ngôi nhà lần cuối, Uyên kéo con đi ra cửa.

Vị đệ tử áo trắng xa lìa tà dâm, chắm dứt sự tà dâm, bảo vệ cho bất cứ ai, dù người ấy nằm trong sự bảo hộ của cha, mẹ, hoặc cả cha lẫn mẹ, hoặc chị em, hoặc anh em, hoặc cha mẹ bên sui gia, hoặc gia đình sui gia, hoặc bởi người đồng tính, hoặc là vợ con hay chồng con kẻ khác, kể cả kẻ bị cưỡng dâm khủng bố, hoặc kẻ bán phần buồn hương.

Vị này diệt trừ tận gốc tâm niệm tà dâm.

(Trích kinh NGƯỜI ÁO TRẮNG)

Một chiếc xe du lịch đỗ lại trước mắt Uyên. Kiên, bạn Định đẩy cửa, nhảy xuống, nét mặt hốt hoảng, giọng nói như hụt hơi:

- Chị...Uyên, anh... Định bị tông xe, nặng lắm, chắc khó sống, chị theo tôi...

Đánh rơi chiếc va li xuống đường, Uyên chết lặng mấy giây mới kêu lên được: “Trời ơi!”. Như cái máy. Cô kéo con leo lên xe.

Hiềm nghèo đã đi qua. Định thoát chết nhưng một chân bị cưa. Khi anh ngất trên vũng máu, một ít tiền, điện thoại, đồng hồ đeo tay, nhẫn vàng đều bị kẻ gian thừa cơ hội lấy mất. Trong túi Định chỉ còn lá đơn xin ly dị. Người ta trao nó cho Uyên. Cô đã xé đi. Xem như không có nó dù trong Uyên vết rạn nứt chưa lành lặn và tình yêu đã chết. Nhưng Uyên cương quyết không bỏ rơi Định. Hết tình, cô sẽ sống với anh bằng nghĩa. Nghĩa vợ chồng. Bằng sự ràng buộc của bổn phận, đạo lý, của tình người và vì con. Bé Thư cần một người cha.

Uyên sẽ xây dựng hạnh phúc với những sắc màu như thế. Tựa như chiếc cầu vồng vắt ngang đỉnh trời sau cơn mưa. Và, Uyên bỗng thấy mình hạnh phúc. Hạnh phúc trong điệu buồn trăm năm.

NGUYỄN THỊ MÂY

# NỖ ĐAU BIỂN GỌI

◇ Thơ: **Huyền Lan**

Phổ nhạc: **Giác An**

Slow Rock ♩ = 65

The musical score is written in 4/4 time and consists of two staves. The first staff contains the melody for the first line of lyrics: 'Biển dậy sóng thét gào cơn lốc xoáy Khi biết'. The second staff contains the melody for the second line of lyrics: 'con đã từ giã cuộc đời. Mẹ ngắt lịm nghe đất trời nghiêng'. The score includes various musical notations such as quarter notes, eighth notes, and triplets.

Biển dậy sóng thét gào cơn lốc xoáy Khi biết

con đã từ giã cuộc đời. Mẹ ngắt lịm nghe đất trời nghiêng

đố Lệ máu tuôn mẹ khàn giọng gọi con. Đời vô  
 thường cái chớp mắt phút giây Ôi đau quá kiếp nhân sinh nghiệt  
 ngã! Chạm vào tim nghe buốt giá quặn đau Nỗi đau  
 này không là của riêng ai. Trang Tuệ ơi! Hãy cố lên mà  
 sống Nhớ về con bằng sức mạnh tâm linh Bằng trí  
 tuệ của trái tim con Phật Vì mỗi người mỗi nghiệp lúc tử  
 sinh. Hãy cố gắng bằng tấm lòng của biển Dù đơn  
 đau trong nghìn trùng ly biệt Hãy gọi thầm tiếng con ơi của  
 mẹ! Để muôn đời tình mẹ mãi bên con.

*Tền Heng*  
*- Huyền Thoại Núi Ba Thê*



1.

Thằng Đực ngủ thường dài dầm và hay hen suyễn lúc nửa đêm trời trở lạnh. Biết vậy, nên chiều nào tui cũng theo má đi bắt con Tền Heng đùn đất dưới chụn núi Ba Thê mang về nường cho nó ăn.



Bóng núi chụp lên cánh đồng chiều yên ả, tức cảnh sinh tình tui hỏi:

- Núi Ba Thê là đờn ông có ba vợ, phải không má?

Nghe tui hỏi, má ngừng tay đào hang Tền Heng, hát chéo khăn rằn quàng qua cổ.

- Thiệt ra núi có tên là Hoa Thê Sơn nhưng chữ Hoa phạm húy bà Hoàng hậu Hoa tức Hồ Thị Hoa thời Minh Mạng nên đổi thành Ba Thê Sơn. Bá tính đồng bằng vùng châu thổ miền Tây gọi núi Ba Thê, có người gọi Vọng Thê.

Tui nghe má cắt nghĩa núi Ba Thê thiệt tình không nóng mặt mà nóng hai cái lỗ tai. Thuở đời tên núi phải nhường bước tên người và người đó, bất quá cũng chỉ là vợ của vua. Thì ra, sông núi là tài sản của vua chớ nào của dân? Có lẽ, sông núi của dân khi sông núi lâm nguy và vua quan chạy trốn (!?)

Tiếng má thúc văng bên tai tui cắt dòng suy tưởng.

- Chiều rồi, đào hang mau lên con! Bắt vài con Tền Heng nữa, mình về!

\*

Thịt Tền Heng bén lửa than hồng thơm nức lòng chiều. Nắng gió hôn màu vạn vật và như níu thời gian vùng đất Tứ giác Long Xuyên với những gò, núi đột khởi giữa đồng bằng. Tui khều than, khói nhẹ bay!

Quê tui ở Thoại Sơn có thị trấn Óc Eo, có bốn ngọn núi theo thể “Tứ Sơn hổ phục <sup>(1)</sup>” bảo vệ ngọn núi to lớn Ba Thê <sup>(2)</sup>. Nhưng, không hiểu vì sao có “Tứ Sơn hổ phục” bảo vệ Núi Ba Thê mà Vương quốc Phù Nam tan rã và cả một dân tộc mất tăm hơi hết sức kỳ bí? Chẳng lẽ, quân xâm lược Chân Lạp diệt chủng hay trời đất nổi cơn thịnh nộ tạo cơn đại hồng thủy nhấn chìm?

Tui hóng chuyện người lớn nói lúc lai rai chuyện đời: Thê chưa chắc là thang, Ba Thê chưa chắc là tiếng Khmer nói trại và ngay cả sách “Gia Định thành thông chí” cũng không giải thích

rõ ràng về tên núi Ba Thê, chỉ lược tả khái quát <sup>(3)</sup>. Đã là Ba Thê sơn, sao đàng cữ còn gọi núi Vọng Thê? Có tiếng khàn đục của người già tám vô: “Núi Nhớ Vợ!”?

- Từ thuở tạo thiên lập địa, giống cái đã biết gieo rắc nỗi nhớ khôn nguôi cho giống đực. Và, mấy ai là chồng không nhớ vợ? Cổ nhân từng nói: “Nhất vợ, nhì trời” chẳng phải tự nhiên, nó có cái chi đó cần soi xét.

Người già chưa dứt lời thì bên trong chòi có tiếng vọng ra:

- Soi xét nỗi gì cho mệt, coi lịch sử Trung Hoa cũng dư sức hiểu. Thê hoặc thiếp, tỳ... năm phận hồng nhan sẽ mãn vua chúa nhớ mê nhớ mệt và dấu biết nhớ chết, vua chúa vẫn cứ nhớ, như: Muội Hỉ - triều Hạ, Đắc Kỷ - triều Thương, Bao Tự - triều Chu, Tây Thi thời Xuân Thu, Lã Thị - triều Tây Hán, Điêu Thuyền thời Tam Quốc, Dương Quý Phi - triều Đường, Giả Nam Phong - triều Tấn, Khách Thị - triều Minh và Từ Hy Thái hậu - Mãn Thanh...

Người già trở bộ, cất giọng:

- Thì đó, hồng nhan để lại nỗi nhớ trong trái tim của Rudravarman, vị vua đời thứ 13 của triều đại Vương quốc Phù Nam. Và, trong một thời gian ngắn, hồng nhan ấy đã góp phần làm cho triều đại Rudravarman nhanh chóng sụp đổ dưới gót chân quân xâm lược Chân Lạp.

- Đa phần có thể là vậy, nhưng không là tất cả! Trường hợp “hồng nhan nữ chúa” Liễu Diệp với Hổn Điền “nam nhi tri kỷ” người Ấn Độ. Chàng sử dụng trường thương với chiêu thức tuyệt kỹ do thần linh mách dạy “Dâm dương đa sắc đục” đã hoàn toàn khuất phục nàng, khiến nàng say đắm lạc vào mê hồn trận... Và rồi, vào cái đêm nhật nguyệt nàng quỳ hiến thân và nhận Điền Hổn mãn chồng. Từ phút giây thăng hoa đó, nàng nhường ngôi vua cho chồng! <sup>(4)</sup>

Mọi người ồ lên! Tiếng ồ đồng loạt mạnh hơn cơn gió làm tắt ngúm ánh sáng con cúi dựa bên hông sân chòi!

2.

Nửa đêm kinh thành Đặc Mục <sup>(5)</sup> bị quân Chân Lạp bắt ngờ tấn công dữ dội, vua Phù Nam buông nạng Chey Sery phóng mình lên yên ngựa chạy về hướng Nam đến thành Na Phát Na <sup>(6)</sup> và sau đó, vương quốc Phù Nam bị sáp nhập vào nước Chân Lạp.

Nàng Chey Sery từ chối phần thưởng “mỹ nhân kế” do Tri Đà Tư Na vua Chân Lạp ban tặng. Nàng cũng không quay về cố hương ở phía Tây Nam đất Lâm Ấp. Nàng đơn thân độc mã, băng rừng lội suối đến thành Na Phát Na và trước mắt nàng, bãi sa trường thây chất thành núi, máu chảy thành sông... ngun ngút khói lửa đốt cháy thành quách, ngọn ngang công đồ tường xiêu.

Nàng bất tỉnh không biết vì đói khát hay vì ân hận? Thương tình, vị tiên núi mách bảo nàng:

- Kẻ ngươi cần tìm đã thoát khỏi chốn loạn quân, dong buồm chạy ra hướng Đông!

Tỉnh giấc, nàng ngẫm nghĩ:

- Chạy về hướng Đông? Vậy là, chàng chạy đến Thương cảng Óc Eo để ra biển? Sao không chờ đợi mình cùng đi bởi, thường khi chàng yêu ta rất mực và từng thệ nguyện: “Sống đồng tịch đồng sàng, chết đồng quan đồng quách”.

Nghĩ vậy nhưng rồi, Chey Sery nghĩ lại:

- Việc quân quá gấp hay chàng bỏ ta “kẻ thù giấu mặt, một dạ hai lòng”. Nếu thế, sao chàng không giết ta? Thương hồng nhan bạc phận à? Ta nữ nhi thường tình, biết chi xảo trá và giáo guơm? Ta chẳng qua chỉ là cánh hoa thời loạn bị đẩy vào chốn nhụy rữa hương phai...

Sương mù giăng khắp mặt kinh thành, cũng chẳng thể che những hạt máu chiến binh rỉ giọt xuống hào lũy.

Nàng bật khóc!

\*

Vua Phù Nam trốn chạy hơn một trăm cây số trên dòng kinh, từ thành Na Phát Na xuống vùng Thương cảng Óc Eo.

Nhưng đã muộn, quân Chân Lạp bịt kín Thương cảng vì chúng thừa biết, vua Phù Nam chỉ có con đường duy nhất để sống còn là thoát ra biển. Một khi thoát được ra biển, vua Phù Nam sẽ cầu viện nhà Đường ở Trung Hoa (!). Bởi, Vương quốc Phù Nam nhiều lần cử đoàn sứ bộ triều Đường <sup>(7)</sup>.

Vận mạng, cùng đường! Vua cải trang lên núi sống nghề tiểu phu, ẩn nhẫn đợi thời phục quốc!

Đông tàn, xuân đến. Rồi đông đến, xuân tàn. Việc phục quốc nhỏ dần như hạt bụi. Chàng nhớ Chey Sery, nhớ người vợ dù sinh ra và lớn lên ở đất nước nghịch thù. Chàng khoắc khoải trong cái thê lương vĩnh biệt nàng đêm kinh thành thất thủ! Chàng hận mình, hận đấng quân vương không bảo vệ được đất nước, bảo vệ được dân tộc Phù Nam trước vó ngựa xâm lăng. Trong tình yêu, chàng không bảo vệ được người mình yêu, đành lòng bỏ rơi cánh hoa tràn hương sắc lạc vào rừng gươm kẻ thù.

Mỗi chiều, chàng ôm tượng thần Shiva, đứng trên ngọn núi trông về phương ấy!



Chân mạng để vương của chàng đã hết. Cảm kích tấm chơn tình của chàng đối với vợ và nhất là, tấm lòng thành với thần Shiva. Sơn thân phán, rằng: “Khi nào hai phiến đá chôn thiên cung lưu lạc cõi trần quy khứ cùng tượng thần Shiva do con Tền Heng chỉ điểm thì khi đó, người cùng vợ gặp nhau và về chùa nghe kinh kệ, giải nghiệp chướng!”

\*

Chey Sery cắt rừng ba ngày đường, bụng đói lả, quần áo rách bươm. Nàng dừng chân bìa rừng, nằm thả thạt lát trên đống lá khô chộp mắt. Bọn lính tuần Chân Lạp phát hiện, nàng sa vào tay giặc. Với sắc đẹp nàng, chúng chẳng khác những con thú đói rừng, giành giật nhau cắn xé con mồi trần truồng như nhộng. Trong cơn nguy cấp, nàng nhớ đến thần Shiva, vị thần hủy diệt đã làm cho vũ trụ này biến hóa khôn lường. Bất giác nàng đọc câu thần chú linh thiêng nhất trong kinh Vệ đà: “TAT TWAM ASI”... Câu thần chú có sức biến hóa khôn lường, làm cho nàng và thần Shiva trở thành nhất thể. Nàng biến hóa, nàng thăng thiên, rồi nàng bỏ lại nhục thân và trong khoảnh khắc sát na nàng rướn người, tiếng rên khẽ nhẹ rồi hóa thân thành con Tền Heng trước sự tê dại và kinh hãi của bọn lính tuần. Những tên hãm hiếp nàng, đều bị đứt cái lòng thòng giống đực bởi đôi cẳng to tổ chàng kẹp cứng “Trời gầm không nhả”!

3.

Nơi chàng chết vì thương nhớ vợ, người đời sau gọi Vọng Thê sơn hoặc núi Ba Thê. Con Tền Heng quanh quẩn vùng đất mềm nhão rìa chân núi, ngày đêm đùn đất kiếm tìm “tượng thần Shiva” mong gặp lại chồng. Đêm đêm người quanh vùng Thoại Sơn văng vẳng nghe câu hò: “*Hò ơ... Tền Heng đùn đất tìm chồng/  
Còn em xuôi ngược... Hò ơ... để mong (ngày) gặp anh... Hò ơ...*”

Tền Heng thuộc loài giáp xác và cũng chẳng lạ lẫm gì với loài tôm cua. Thoạt trông tưởng là tôm nhưng không phải là tôm. Đầu và mình lớn hơn tôm, đuôi nhỏ hơn tôm nhưng được cái nó

dài và đầy thịt. Đồi càng to dềnh dảnh chắc khỏe và sắc lẹm gấp mấy lần cua. Nó khác cua là không bò ngang. Nhát chịu đèn khi giao phối nhưng một khi đã chịu đèn, nó chịu đèn tới bến bất kể trời cao đất dày. Đó cũng là một đặc điểm trời ban cho các cô gái đất Chân Lạp. Thường Tèn Heng bước vào tuổi “rượu đực” có mùi khai khai như mùi nước tiểu con người. Chính cái mùi khai khai ấy, là mùi quyến rũ dục tính. Ở nhà quê, đờn bà “lạnh cảm chần gỏi”, người chồng thường đi bắt Tèn Heng đem về nướng cho vợ ăn. Y như rằng, chẳng ông chồng nào mà không ưng ý! Có khi xin... khát nợ lần sau!

Nghe nói người Chân Lạp, sau này gọi Khmer, đờn bà họ ham muốn ái ân và mỗi lần ái ân họ thường mãnh liệt, thêm chút hư đốn hoang dại, khiến đờn ông không thể không nhớ (!)

\*

Rằm lớn hằng năm, tôi theo má lên chùa Linh Sơn lễ Phật. Ngôi chùa quê tôi nằm cách chợ xã Vọng Thê thuộc Thoại Sơn áng chừng hai cây số về phía Đông triền núi Ba Thê, thường gọi chùa Phật “bốn tay”<sup>(8)</sup> (hóa thân của thần Shiva) chớ ít ai gọi tên chữ Linh Sơn Tự. Lòng bồi hồi, tôi bước những bước chân quê lên đất thuở hồn xưa chờ bao nghìn năm thế sự thăng trầm. Tôi thấy trong mây trời bảng lảng cuốn theo nỗi nhớ vợ của người chồng, thấy bãi Tèn Heng đùn đất mong gặp mặt chồng tạ lỗi vụng dại ngày xưa. Và, trong sự ăn năn muộn màng, Tèn Heng hiện thân làm vị thuốc dân gian trị bệnh bá tánh? Một nàng Chey Sery đáng thương hơn đáng trách!

Tiếng đại hồng chung chùa Phật bốn tay ngân vang trên cánh đồng Ba Thê vàng lúa chạy ngun ngút cuối chân trời như một lời sám hối muộn màng của của người cô phụ tìm chồng. Tôi ngập ngừng và băng khuâng trong nỗi băng khuâng và ngập ngừng của kẻ hậu sinh!

C.T.H

## GHI CHÚ:

(1) Núi Tượng, Trọi, Chóc, Nhỏ

(2) Ba Thê, theo Vương Hồng Sển chữ “Thê” có nghĩa là cái thang. Theo Sơn Nam do tiếng Khmer là “Bát-xăm-xe” nói trại ra.

(3) Ba Thê sơn, cao 30 trượng, chu vi 13 dặm, cách phía tây bên Thoại Hà 18 dặm, ba ngọn vươn xanh chập chùng cổ thụ tươi mát... Mặt trước giáp với bùng biển, cỏ rậm bùn lầy. Thoại Ngọc Hầu nhân đó đào cho thông ra, rộng 20 tầm để cho thuyền bè đi lại...” (Sđd, Trịnh Hoài Đức)

(4) Liễu Diệp con vua Naga tên Soma (con gái thần mặt trăng). Hồn Diệp có lẽ là một tăng lữ Bà La Môn hay một quý tộc người Á Độ tên Kaundinya (Theo Khang Thái, sứ giả của Ngô Tôn Quyền thời Tam Quốc ghi trong “Phù Nam thổ tục”.

(5) Thành Đặc Mục (Vyadhapura), nữa là thành phố người đi săn gần ngọn núi Ba phnom, làng Banam, Prây Veng. Sách “Dị vật chí”, Dương Phù thời Đông Hán (25 - 220) có niên đại sớm nhất đề cập tới Phù Nam.

(6) Angkor Borei.

(7) Đường Cao Tổ niên hiệu Vũ Đức (618 - 627), Đường Thái Tông niên hiệu Trinh Quán (627 - 649)

(8) Tượng Phật bốn tay: Năm 1913, dân địa phương phát hiện khu vực dân cư gần chợ Ba Thê dưới lòng đất sâu độ hai mét, có pho tượng Phật bốn tay ở tư thế đứng thẳng, cao một mét lẻ bảy. Và trước đó, đám trẻ mục đồng tìm thấy hai tấm bia ký khắc chữ cổ, có lẽ chữ viết của dân tộc Phù Nam. Bia ký cao một mét lẻ tám, dày không mét lẻ hai hai làm bằng đá bùn. Dân hợp sức xây ngôi chùa Phật bốn tay, tên chữ Linh Sơn Tự để tôn thờ tượng Phật và giữ gìn bia cổ.



**“Nhện Chứa ở hậu liêu chùa Nổi”** (đăng trên Hương Thiên 32, mùa Phật Đản 2015) là một trong nhiều truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Cao Thị Hoàng, mang dấu ấn triết lý Thiền. Từ truyện ngắn này và những sáng tác đậm đặc chất Nam bộ khác, nhà thơ Du Tử Lê đã có bài nhận xét về Cao Thị Hoàng như là *“người bạn đồng hành với côn trùng sông nước miền Nam”* hay *“nhà văn của địa phương chí”*

Hương Thiên xin giới thiệu cùng quý độc giả phần đầu bài phê bình văn học này.

BBS

### **CAO THỊ HOÀNG, NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH VỚI CÔN TRÙNG SÔNG NƯỚC MIỀN NAM.**

Sự ra đời của những tác phẩm có tên “Đư địa chí” hay “Địa dư chí”, có thể là một trong những lãnh vực biên khảo mang tính hiện thực xã hội sớm sủa nhất của lịch sử văn xuôi Việt Nam.

Theo Tự điển bách khoa toàn thư – Mở thì, người đầu tiên khai phá thể loại văn xuôi “Địa dư chí” là danh sĩ Úc Trai / Nguyễn Trãi, nhà hậu Lê; tác giả của tác phẩm “Đư địa chí”, biên soạn năm 1435, theo yêu cầu của vua Lê Thái Tông.



Về tác phẩm “Địa dư chí” đầu tiên này, Wikipedia-Mở ghi nhận như sau:

“Cuốn sách viết bằng chữ Hán, ghi chép sơ lược về địa lý hành chính và tự nhiên của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

“Căn cứ mục 1 trong Dư địa chí thì tác phẩm được làm vào năm 1435, đồng thời cũng đã xác định bờ cõi nước Đại Việt lúc bấy giờ. Tác giả viết:

*“Năm thứ hai niên hiệu Thiệu Bình (1935, đời vua Lê Thánh Tông), đức giáo hóa của nhà vua đã lan xa đến bốn chung quanh, các nước chư hầu đều đến triều cống. Hành khiển là Lê Trãi (vốn họ Nguyễn, năm 1428, được ban quốc tính họ Lê) bèn làm sách Dư địa chí tiến lên vua”.*

Và nói rằng: “Nước ta mới mở gồm có sông núi, phía đông giáp biển, phía tây đến nước Thục, phía Nam đến Chiêm Thành, phía bắc có hồ Động Đình...”

Sau này, các tỉnh, thành thường có một cuốn “Địa phương chí” ghi lại nguồn gốc, ranh giới cùng những nét đặc thù về đất đai, thiên nhiên, văn hóa, phong tục... và, những đặc tính riêng của địa phương đó.

Tuy nhiên, dù tác phẩm là công trình biên soạn của một hay nhiều người, thì cũng không hề nói tới thế giới sinh vật-côn trùng có ở địa phương ấy. Nói cách khác, cá nhân tôi chưa từng được đọc một bài viết nào đào sâu vào sinh hoạt của thế giới sinh vật, nhất là côn trùng trong thế giới cộng sinh của đất nước Việt Nam.

Mãi gần đây, bất ngờ, nhà văn Cao Thị Hoàng (CTH) đã mở rộng cánh cửa cho người đọc bước sâu vào thế giới sinh vật - côn trùng của đất nước; đặc biệt là sông nước miền Nam, bát ngát. <sup>(1)</sup>

Qua những bài viết được đọc, với tôi, CTH không chỉ là một nhà văn của những trang “địa dư chí”, uyên bác như một nhà côn-trùng-học mà, kiến thức của CTH còn phong phú, giàu có ở cả khía cạnh lịch sử, truyền thuyết, ca dao, tôn giáo, văn học nữa...

Thí dụ bài viết tựa đề “*Nhện chửa ở hậu liêu chùa Nối*”,

nếu CTH không viết xuống, cá nhân tôi sẽ vĩnh viễn không thể biết nguồn gốc Chùa Nôi ở đâu? Vùng đất này đã trải qua những giai đoạn đặc biệt nào dọc theo lịch sử đã có trên hai trăm năm thăng, trầm của phần đất miền Nam xa xôi này. Đồng thời, tôi cũng không được biết sinh hoạt truyền giống của loài nhện - một sinh vật quen thuộc, có mặt khắp mọi nơi trong đời thường; cũng như trong ca dao của Việt Nam.

Mở vào bài viết của mình, sau khi xác định địa giới của Cảnh đồng Tuyên Bình, CTH mượn truyền thuyết Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi, để giải thích nguồn gốc “Chùa Nôi” như sau:

“... Tương truyền rằng, quân Tây Sơn truy đuổi và dồn Nguyễn Ánh vào bước đường cùng nơi bờ bắc Sông Vàm Cỏ Tây. Nguyễn Ánh ngửa mặt lên trời than: “*Ta đành gửi mạng nơi này!*”. Bỗng một con cá sấu to kèn từ dưới nước trồi lên, đưa lưng công Nguyễn Ánh vượt sông lặn trốn vào Gò Nôi. Đương quang đang, trời tối sầm; một trận cuồng phong dậy sóng, ngăn quân Tây Sơn truy sát. Sau khi thoát nạn, Nguyễn Ánh cho cất ngôi chùa trên nền Gò Nôi, dân sở tại và khách thập phương gọi là Chùa Nôi!”<sup>(2)</sup>

Để rồi ngay sau đó, CTH đã giới thiệu hai “nhân vật chính”: Nhện chúa, và kẻ thù không đội trời chung, “Bọ cạp chúa” một cách ngắn, gọn, bằng thủ pháp nhân cách hóa:

“... Nhện Chúa cùng bày đàn không có bản địa riêng, không có quê hương; *Đất lành chim đậu*. Vì, không có bản địa riêng nên Nhện Chúa chẳng lao tâm khổ tứ trong việc chống giữ, được mất. Tưởng vậy là ngon cơm, nào ngờ trời chơi nghiệt, dựng kẻ thù *bất cộng đái thiên* của Nhện Chúa là Vua Bọ Cạp. Nhiều trận chiến sinh tử đã xảy ra giữa Nhện Chúa và Vua Bọ Cạp trên vùng đất Gò Hàn, vùng đất có một thời rực rỡ nền văn hóa Ốc Eo. Mỗi lần thua, Nhện Chúa lui dần về phía Gò Nôi...”

Tuy phe “Nhện chúa” nhiều lần thất thế trước phe “Bọ cạp chúa”, nhưng cũng như con người, dù ở trường hợp nào thì, như

cầu sinh tồn, truyền giống vẫn không thể lãng quên. Do đây, ở phân đoạn 2 của truyện, CTH đã đẩy mạch văn của mình, (như những tờ nhện) qua sinh hoạt truyền giống giữa nhện chúa và Tướng quân nhện đực:

“... Men theo dây tơ khung, Nhện Chúa bắt chợt nhìn bộ phận sinh dục của mình và của tướng quân nhện đực, cùng phát sáng huỳnh quang dưới ánh nắng buổi trưa. Lòng Nhện Chúa rạo rục, quên hết phiền não thua trận. Tướng quân chẳng kém gì Nhện Chúa, cơn động tình khiến chàng dang chum, ưỡn bụng, giương và rung vòi... như ngậm râu rắng: *Bám Chúa, bẻ tôi sẵn sàng!* Nhện Chúa không vội gì vào ngay cuộc mây mưa, nâng mở khúc dạo đầu ân ái: Chia bụng lắc qua lắc lại; cong chum như múa... Chàng chịu hết siết, bốn cái ngàm hai bên miệng miết vào nàng, bốn cặp chum hai bên đầu ngực bám quíu nhau, vừa híp vừa mở theo nhịp đưa và đẩy của chàng và nàng. Thời gian như chết trong cơn mê tình dục. Khoảnh khắc thăng hoa tràn đến, chàng còn đủ tinh táo sử dụng chiêu thức tuyệt kỹ: *Tháo chạy, của quý ở lại!* Nếu không muốn bị ăn thịt.

“Của quý chàng tách ra để lại nàng, nó có phận sự tiếp tục làm tình và bắn tinh vào lỗ sinh dục nàng như chàng đang giao phối.

“Tướng quân nhện đực sống sót sau cuộc ái ân với Nhện Chúa. Cả đàn nhện chúc mừng và vui ra mặt. Bởi mất Tướng quân, cây ai chống đỡ sự tàn sát của Bọ Cạp.

## **ĐẠO LÝ TRONG “ĐỊA PHƯƠNG CHÍ” CAO THỊ HOÀNG**

Dẫn tàn quân rút về Chùa Nổi. Giữa giây phút thập tử nhất sinh, nhờ tiếng chuông Chùa Nổi, bất ngờ Nhện Chúa được cứu sống. CTH viết:

“... *Nhện Chúa dẫn tàn quân chạy thực mạng về Chùa Nổi. Vua Bọ Cạp thừa thắng xông tới, quyết truy đuổi tới cùng. Tự*

*dung Vua Bọ Cạp và đoàn quân khựng lại, tất cả tiêu tan nhuệ khí chích độc vào kẻ thù khi nghe tiếng chuông chùa ngân nga từ Gò Nổi vọng tới. Nhờ vậy, Nhện Chúa chạy qua cổng chùa và ẩn mình ở góc mái hậu viên. Vua Bọ Cạp định vào chùa, chợt thấy tượng Quán Thế Âm Bồ tát đang đứng trên tòa sen, tay rưới nước Cam Lộ cứu nạn cứu khổ. Vua Bọ Cạp kinh sợ, cùng đoàn hùng binh hung hãn lạng lẽ rút lui qua ngõ Gò Ốt...”*

Qua phân đoạn ngắn này, người đọc cảm nhận được chủ tâm của CTH nói về ảnh hưởng của giáo lý Phật giáo - Một trong những truyền thống văn hóa lâu đời của nếp sống tinh thần người Việt.

Tác giả cho thấy, tính chất siêu hình của niềm tin tôn giáo, cách gì, cuối cùng cũng thắng được cái ác. Dù cho cái ác đó, có là bản năng tiên thiên ở một số sinh vật...

Từ đường dẫn vừa kể, CTH đưa người đọc tới phần kết của bài viết. Một bài viết mang tính chất địa dư chí, nhưng lại phối hợp được một cách tự nhiên đời sống của loài nhện, côn trùng phổ cập, quen thuộc với hầu hết mọi địa phương, khí hậu và, tính hướng thiện (cũng là một trong những căn tính thiện lương của con người, nhất là với những người dân miền Nam mộc mạc, chất phác)...

Tác giả mượn lời Sư trụ trì, “khai thị” cho chú tiểu về bản năng “hiếu sát” dù với một sinh vật nhỏ bé như con nhện...

“Lời khai thị” của Sư trụ trì, không chỉ khiến chú tiểu “bùng tỉnh” mà, ngay Nhện Chúa cũng:

*“... Kinh hãi nhận ra rằng thiện và ác, sinh và tử, tốt và xấu... chỉ cách nhau có một cái quay đầu. Bất giác, Nhện Chúa thấy cái Vô Thường của kiếp Nhện mong manh, đối lập hẳn với cái Thường Hằng của luật Nhân Quả như một món quà Trời ban cho chúng sanh. Rồi, nhện phát tâm muốn cúng dường thân tứ đại cho chúng sanh để làm bài thuốc cứu khổ mọi loài...”*

Tới đây, kịch bản phim truyện của CTH chuyển biến nhanh

tựa một sát na (đơn vị căn bản đo thời gian theo giáo lý đạo Phật):

*“- Bạch Tổ! Đệ tử xin cúng dường sanh mạng này...*

*“Nhanh như chớp, Nhện Chúa từ tay áo Sư phóng thẳng sang ngọn bạch lạp đang thấp sáng cúng dường trên bàn Phật.”*

Với tôi, tác giả không chỉ cho thấy sự thâm hiểu lẽ đạo nhuần nhuyễn (ứng dụng vào bản văn, như một phản xạ tự nhiên) mà, hiển nhiên, tác giả còn muốn truyền cho người đọc thông điệp về ý nghĩa thực sự, cuối cùng của một kiếp đời, không có gì đáng kể hơn những hy sinh, đem hữu ích đến cho người khác!.

Chưa hết, ở những dòng cuối của tiểu phẩm “*Nhện chúa ở hậu liêu Chùa Nối*”, CTH đã không quên đưa mạch văn của mình, trở lại với khung nền “*địa phương chí*” và, sự hiểu biết sâu rộng của tác giả về các bài thuốc gia truyền, môn thuốc dân tộc - một lãnh vực mà, không phải nhà văn, nhà

## ***Về Từ Vô Vọng***

*Về tự một dòng sông  
em nồng nàn như biển  
gió cuốn muôn nghìn năm  
lấp chôn tình vô vọng.*

*Về tự một mùa đông  
em rầu rầu sương cỏ  
hồn mừng mừng mây mù  
mắt bơ phờ cõi nhớ.*

*Về tự một ngày mưa  
em nào nùng oan khổ  
cây khẳng khiu đợi chờ  
lá một đời héo úa.*

*Về tự một tình đau  
môi ứ tràn máu mẩn  
ngực ngậm lời trăm năm  
hồn điều hiu rữ bóng.*

DU TỬ LÊ

báo hoặc chuyên viên nghiên cứu nào, cũng có thể có được.

Tác giả viết:

*“Dưới ánh bạch lạp lung linh, nơi chánh điện Chùa Nổi, Nhện Chúa thấp sáng tình thương của Bồ Tát. Lấy thân mình làm thứ thân dưng cho con người. Từ đó, người trong vùng và nghĩa quân Đốc Binh Kiều biết lấy mạng tơ nhện trị: vết thương, chảy máu, thổ huyết... biết dùng thân thể nhện trị: Sa tinh hoàn, sâu răng, trúng gió méo miệng, đái dầm, viêm amygdal, trẻ em kinh giựt, nha cam tẩu mã và các vết thương do côn trùng cắn...*

*“Đại Hồng Chung Chùa Nổi theo gió chiều quê, ngân nga khắp miền sông nước phương Nam: Nhắc nhở lòng thành Nhện Chúa đối với nhân gian, nhắc nhở con người mang nợ chúng sinh!”*

DU TỬ LÊ

## CHÚ THÍCH

(1) Cách đây hơn một năm, chúng tôi nhận được bài viết thứ nhất (và nhiều bài sau đó), của một người ký tên Cao Thị Hoàng - Viết về thế giới sinh vật - côn trùng. Vì nội dung đặc biệt của những bài viết có tính... địa dư chí của Cao Thị Hoàng, nên chúng tôi rất muốn liên lạc với tác giả. Nhưng, bất khả! Vì tác giả không ghi lại cho chúng tôi địa chỉ email hoặc số điện thoại!

Cuối năm 2015, nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, viếng thăm bằng hữu ở miền nam Cali. Bằng vào tình thân riêng, ông tiết lộ cho chúng tôi biết Cao Thị Hoàng, là bút hiệu của nhà văn TĐĐ.

Dù sẽ mãi ghi nhớ thiện ý của bạn, nhưng không vì thế mà, chúng tôi cho phép mình tự tiện đổi tên tác giả Cao Thị Hoàng, thành một tên khác! Trừ phi chúng tôi có được sự xác nhận chính thức của nhà văn TĐĐ.

(2) Tất cả những trích đoạn của nhà văn Cao Thị Hoàng, trong loạt bài này vẫn được lưu trữ trên Web-site [dutule.com](http://dutule.com); cũng như trên Tự điển bách khoa toàn thư – Mở (Wikipedia), ngay sau khi chúng tôi đăng tải.

**LỜI MẬT NGỮ**

*Những từ, những ngữ ẩn tàng âm  
dấu lặng vào trong hồn chữ mật  
bật tiếng thành lời khi đối mặt  
trực ngôn thông nhĩ thế gian đồng!*

**VŨ NỮ APSARA**

*bệ Tháp đá tạc hồn xưa vỡ lặng  
thắm phong sương bờ vú lấm nghìn năm  
từng ngón sử phôi điệu tình mặn đắng  
Apsara...  
vũ trống động đèo Chấm!*

**HOA SEN TRẮNG**

*sen nở trong đầm mực  
trắng muốt nụ hư không  
thanh tao hồn nhụy biếc  
tỏa ngát hương vô thường!*

**TIẾNG THỞ**

*hắt ra chạm cõi phiêu bồng  
hít vào thấu suốt ngọn nguồn châu thân  
lột trần bản ngã âm âm  
lặng nghe tiếng thở... từ tâm không lời!*



## **HỘI THI VĂN NGHỆ PHẬT GIÁO NĂM 2016 CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 35 NĂM THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM (GHPGVN)**

Nhân kỷ niệm 35 năm thành lập GHPGVN, Ban Văn hóa GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thi Văn nghệ dành cho giới Phật tử, Gia đình Phật tử, ban nhóm văn nghệ đang sinh hoạt tại các Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường thuộc 24 Quận huyện trên địa bàn thành phố.

Nội dung dự thi gồm: Hợp xướng, tân nhạc, cổ nhạc, cải lương, kịch, múa, hoạt cảnh... với các giải thưởng có giá trị từ 01- 10 triệu đồng/thể loại.

Cuộc thi sẽ được tổ chức thành 2 cấp: Quận huyện và thành phố. Ban Giám khảo gồm: TT. Thích Nhật Từ (Trưởng ban Văn hóa GHPGVN TP.Hồ Chí Minh), TT. Thích Viên Giác, TT. Thích Chơn Không, ĐĐ. Thích Phước Tiến, nghệ sĩ Bạch Tuyết, nhạc sĩ Uy Thi Ca, nhạc sĩ Giác An, ca sĩ Thanh Thúy, đạo diễn Anh Khoa,...

Dự kiến vòng thi chung kết sẽ diễn ra ngày 22-23/10/2016 tại Nhà Truyền thống Văn hóa Phật giáo, số 3 Huỳnh Lan Khanh, P.2, Q. Tân Bình. Ba tiết mục đặc sắc nhất sẽ được tổ chức công diễn trong đêm ca nhạc chào mừng 35 năm ngày thành lập GHPGVN tại nhà hát Hòa Bình.

P.V



# HÁT MỪNG THÀNH ĐẠO

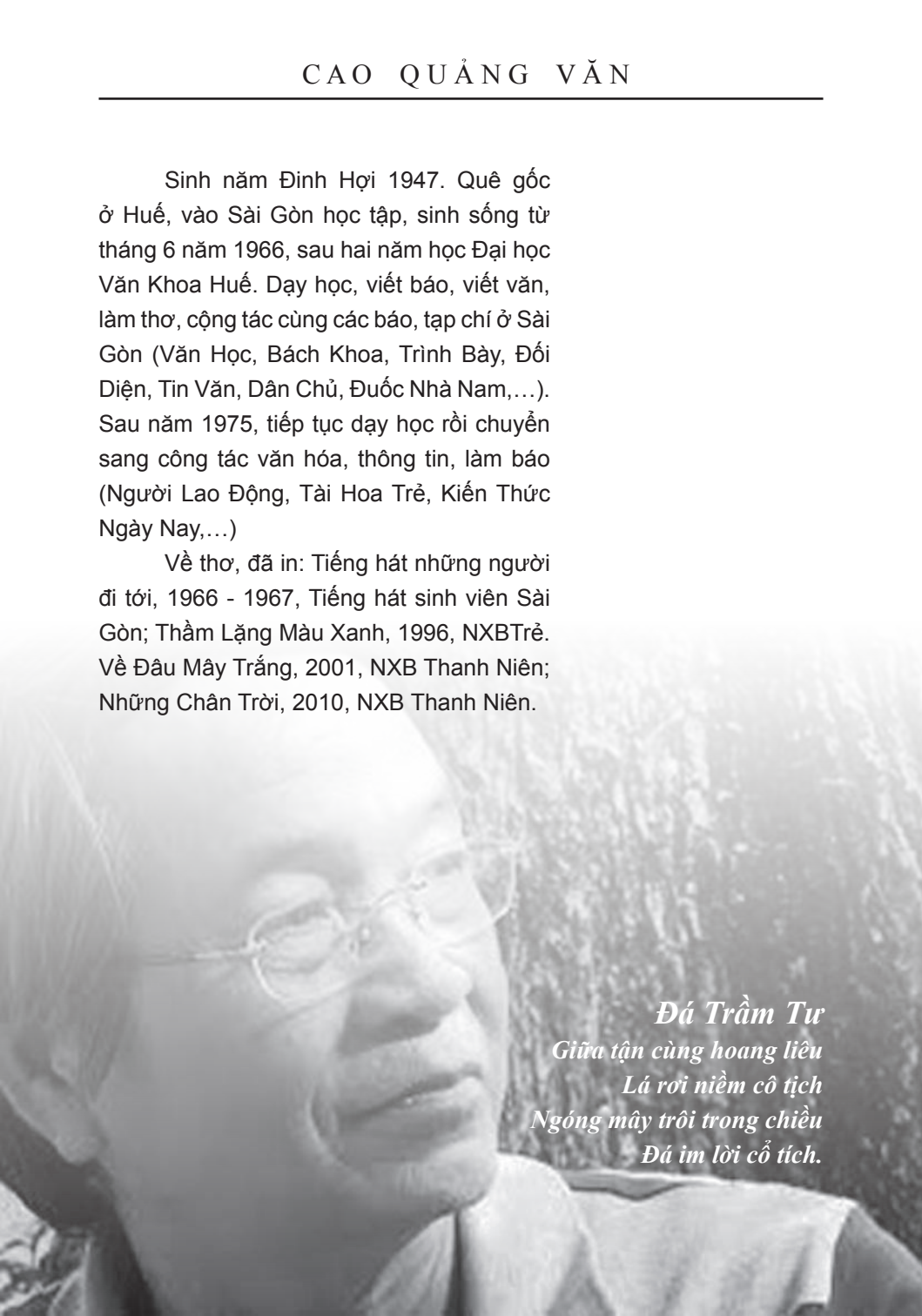
◇ Tâm Vương

Mừng ngày Thành Đạo chúng con về đây Tưởng nhớ công  
ơn của Đức Từ Tôn Con xin tâm thành dâng lên lời  
ca Đón ánh sáng đạo vàng Đồng lòng  
hát Khúc ca màu lam Đồng lòng sống  
Theo hương đạo thiêng Nguyên nguyên kính dâng lên mười  
phương Trọn đời con Theo ánh đạo vàng

The musical score is written in a single system with six staves. It features a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 2/4 time signature. The melody is simple and melodic, with lyrics in Vietnamese. The lyrics are: "Mừng ngày Thành Đạo chúng con về đây Tưởng nhớ công ơn của Đức Từ Tôn Con xin tâm thành dâng lên lời ca Đón ánh sáng đạo vàng Đồng lòng hát Khúc ca màu lam Đồng lòng sống Theo hương đạo thiêng Nguyên nguyên kính dâng lên mười phương Trọn đời con Theo ánh đạo vàng". There is a triplet of eighth notes in the third staff.

Sinh năm Đinh Hợi 1947. Quê gốc ở Huế, vào Sài Gòn học tập, sinh sống từ tháng 6 năm 1966, sau hai năm học Đại học Văn Khoa Huế. Dạy học, viết báo, viết văn, làm thơ, cộng tác cùng các báo, tạp chí ở Sài Gòn (Văn Học, Bách Khoa, Trình Bày, Đối Diện, Tin Văn, Dân Chủ, Đuốc Nhà Nam,...). Sau năm 1975, tiếp tục dạy học rồi chuyển sang công tác văn hóa, thông tin, làm báo (Người Lao Động, Tài Hoa Trẻ, Kiến Thức Ngày Nay,...)

Về thơ, đã in: Tiếng hát những người đi tới, 1966 - 1967, Tiếng hát sinh viên Sài Gòn; Thầm Lặng Màu Xanh, 1996, NXB Trẻ. Về Đâu Mây Trắng, 2001, NXB Thanh Niên; Những Chân Trời, 2010, NXB Thanh Niên.



*Đá Trầm Tư  
Giữa tận cùng hoang liêu  
Lá rơi niềm cô tịch  
Ngóng mây trôi trong chiều  
Đá im lời cổ tích.*

## ***Bất Chợt Một Ngày***

***Car je t'aime, oh Eternite!*** (Friedrich Nietzsche)

*Có bao giờ ngắm mình trong gương  
Em chợt mỉm cười  
Rung rung ánh mắt.  
Những chiều nắng nhạt  
Nhớ bình minh mưa  
Ngày đi qua  
Năm tháng có bao giờ mất?  
Em soi bóng  
Bỗng thấy mình – rất thật!  
(Ngày đi qua/ Không trở lại bao giờ!).  
Muốn lại về  
Trên những lối xưa  
Cỏ ngát xanh mà tóc người đã bạc  
Ngồi lại bên hồ, nước xanh, trong vắt  
Một sớm mai bình bông mây đưa...  
Nghe năm tháng  
Ngập tràn nuối tiếc  
Ngày đã qua/ đâu trở lại bao giờ...  
Sớm mai nào hững hờ  
Soi gương  
Để thảng thốt chiều hôm  
Mây trời ngơ ngác...  
Mùa xuân đến  
Rời đi – ai biết!  
Dòng xanh trôi/ Có trở lại bao giờ?  
Người nơi đâu  
Cho năm tháng mong chờ?*

CAO QUẢNG VĂN

## *Một Câu Chuyện Nhân Quả*



Trưa ngày thứ bảy 12/8/2006, trong khi cùng mấy đứa em đang vui vẻ ở một nhà hàng bên quận Gò Vấp thì tôi nhận được điện thoại báo tin thằng Phúc, con tôi đá banh ở sân trường bị té gãy tay, phải đưa vào bệnh viện gấp. Mười phút sau, tôi bỏ dở bữa tiệc lên xe taxi về ngay Trung tâm chấn thương chính hình Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến nơi, vợ tôi và cháu đang ở phòng cấp cứu làm các thủ tục cần thiết. Kết quả chụp X quang cho thấy cháu bị gãy cả xương quay và xương trụ của cẳng tay trái. Chỗ gãy đang sưng tấy và cháu rất đau đớn. Các kỹ thuật viên tiến hành kéo dẫn xương rồi bó bột cố định lại. Trên máy siêu âm chụp tại chỗ thì hai xương

đã thẳng hàng. Nhưng khi chụp X quang thì không được như vậy. Do đó bệnh viện cho về nhà và hẹn tuần sau đến mổ bắt nẹp và vít đinh cố định chỗ xương gãy.

Đây là một tai nạn bất ngờ, chúng tôi rất lo lắng. Nhờ có bạn bè thân quen nên cháu được xếp lịch mổ gấp với vị bác sĩ giỏi, nhiều kinh nghiệm.

Ngày thứ hai 14/8/2006, cháu Phúc nhập viện và hôm sau vào phòng mổ. Chúng tôi đều là nhân viên ngành y tế nên hiểu rõ các quy trình cũng như những bất trắc luôn luôn có thể xảy ra. Tôi thăm cầu nguyện xin cho mọi việc đều yên ổn.

Đột nhiên một câu chuyện trong quá khứ chợt hiện ra:

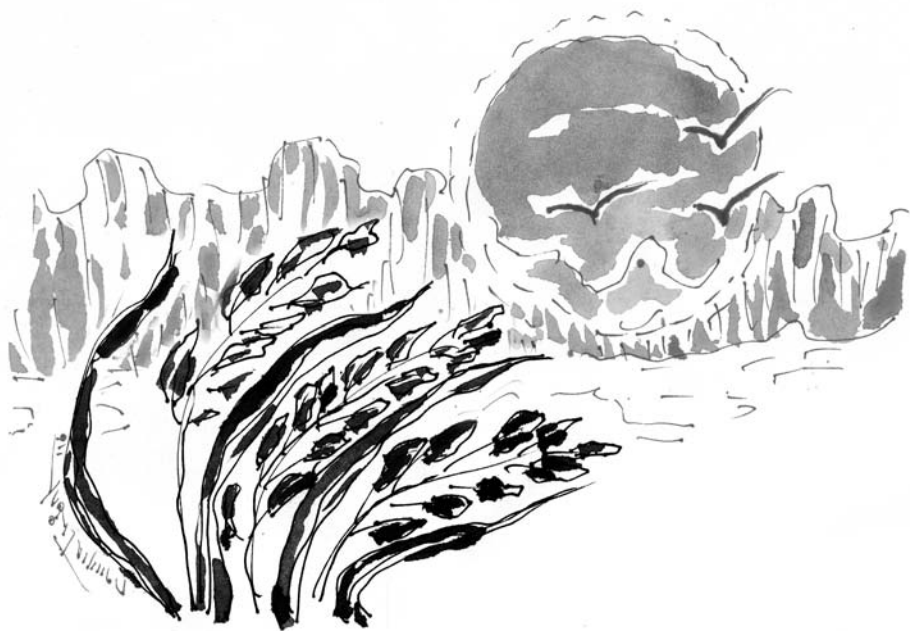
Năm mươi (50) năm trước, khi tôi học lớp Nhất (lớp 5 bây giờ) trường tiểu học Đa Kao Quận 1 Sài Gòn thì có chuyện. Hôm đó vào giờ ra chơi, trong lúc vui đùa trò “cút bắt” ở sân trường, tôi đã vô ý xô ngã một bạn cùng lớp tên là Tự. Bạn ngã, mặt đập vào mặt đất làm gãy liền một lúc 4 cái răng hàm trên. Tôi sợ hết hồn, người run lên bần bật. Nhà trường phải đưa bạn vào bệnh viện cấp cứu. Ba má tôi đã la rầy tôi rất nhiều và lo rằng tôi sẽ bị kỷ luật đuổi học. May mắn là tôi được cô giáo Đ.T.V dàn xếp nên mọi chuyện ổn thỏa.

- *“Đúng rồi Phúc ơi, đây là luật nhân quả. Năm mươi năm trước ba đã gây ra thương tích đau đớn cho bạn. Bây giờ con thay ba trả cả vốn và lời nên con mới bị nặng như vậy. Tám tháng tới, khi hai xương đã lành lặn hoàn toàn, con sẽ qua một lần mổ nữa để lấy ra 4 cái nẹp inox và 12 cây đinh. Ba buồn lắm nhưng không thể cưỡng lại được cái quy luật nhân quả này”.*

Sài Gòn đang trong mùa mưa. Một cơn gió lạnh chợt ào vào phòng làm tôi chợt tỉnh. Ngẫm suy ra luật nhân quả trong tai nạn này, lòng tôi trầm lắng lại. Nỗi buồn trong tôi dịu đi và khởi lên hy vọng mọi việc sẽ đâu ra đó vì luật công bằng lắm, cái gì đến rồi sẽ đến.

T.V.C

## *Chiều Tây Đô*



1.

Tháng Sáu trời mưa, nhưng chẳng là trời mưa không dứt sau cái hạn “nín đái trời”, dân miền Tây họ nói vậy. Mà thiệt, đầu nguồn sông Tiền sông Hậu ở miệt Tân Châu, Hồng Ngự nước từ Biển Hồ đổ về màu sữa đục. Hẳn là, báo hiệu năm nay nước nổi dẫu rằng hàng xóm ngăn dòng Mê Kông xây đập thủy điện tùm lum.

Người đi mở đất đời trước để lại đời sau: “Người tính không bằng trời tính”! Năm đêm ngắm nghĩ, đầu tự nhiên người xưa nói khơi khơi!? Chữ Phù Nam<sup>(1)</sup> phải hiểu nghĩa là nước nổi. Và rồi, “nước nổi đất chìm” không chịu nổi sức công phá của dân

sắc tộc Kampuja phía Bắc tràn xuống. Vương quốc Phù Nam bị diệt, sắc tộc Kampuja lập thành Vương quốc Chân Lạp. Nội tộc tranh giành quyền lực, nội chiến triền miên<sup>(2)</sup>. Đất Chân Lạp lại chia hai vùng: Lục Chân Lạp, thuộc vùng đất cao. Thủy Chân Lạp, thuộc vùng đất trũng nước ngập.

Nếu Nguyễn Hoàng không vào trấn đất Thuận Hóa (1558) theo lời khuyên của Nguyễn Bình Khiêm: “*Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân*” thì, chưa biết bờ cõi Đại Việt sẽ thế nào? Và, nếu không có luật Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông ban: “*Ai phạm tội nặng, bị lưu đày biệt xứ vô trong Nam khẩn hoang, được đặt ân cho vợ con đi cùng. Sau khi mãn án được về cố hương*”. Mãn hạn, chẳng người tù nào quay lại cố hương bởi: “Đất rộng cuối chân trời, đồng ruộng cò bay thẳng cánh”. Lại nữa, vua chúa nhà Nguyễn thực hiện chính sách cấm đạo đã đẩy những người có đạo hội tụ phương Nam mở đất sinh sống, dựng nhà thờ giữ Đức Tin như ở Cái Mơn, Cái Nhum...

Miền đất hứa vượt lên quyền lực: Bất phục triều đình phong kiến, trốn sâu lậu thuế, lính thú, giang hồ thảo khấu, dân lành tha phương kiếm ăn... Người Trung Hoa “chạy chết tìm sống”, gọi là “phản Thanh phục Minh” trôi giạt tìm về!

\*

Nhắc chuyện đã qua và qua đã rất xưa, không phải để “Ăn mày dĩ vãng”. Thiệt tình, nói cho cùng thì dĩ vãng có đôi khi chẳng tốt đẹp chi để ăn mày? Song, phải tin và nhớ vì dĩ vãng được xây đắp bằng mồ hôi nước mắt, bằng máu xương của tiền nhân.

Vùng châu thổ đồng bằng sông Cửu Long ngày nay, chính là miền đất úng thủy và hằng năm nước nổi như biển cả của Thủy Chân Lạp xưa. Nếu như tên đất, tên sông phương Bắc thường do vua chúa đặt thì phương Nam, phần lớn do lưu dân đặt tên đất, tên sông. Kể cả việc tôn thần ở đình làng, vua nhuận sắc cũng được bằng không thời cũng xong. Dân tự tấn phong!

Người gắn đất và tự đất đã vương vấn tâm hồn người. Đâu chớ tới lúc người đi, “*đất bỗng hóa tâm hồn!*”.

2.

Lắm người thắc mắc:

- Có sự gì, người phương Nam thích dùng chữ “Cái” và chữ “Con”?

Vậy thì, phải hỏi ngược lại:

- Có sự gì, người Việt có mặt ở phương Nam?

Cổ nhân người Việt, kể rằng:

- Tự nhiên có sức mạnh vô thức không gì địch nổi. Tuy người Phù Nam, người Chăm, người Thủy Chân Lạp đã dần mai một theo luật đào thải của tuần hoàn trời đất nhưng, hồn cốt họ chắc chi không tích tụ vào tâm hồn người Việt lưu dân? Sự chung đụng sống chung, nền văn hóa, văn minh tránh sao khỏi giao thoa? Và, sự giao thoa ấy có thể đã góp phần không nhỏ việc định hình tập tính người Việt phương Nam?

\*

Người phương Bắc dùng chữ Cái đặt tên do hình dáng. Người phương Nam hoàn toàn khác, bởi chữ Cái người phương Nam dùng là tiếng cổ của dân tộc Phù Nam(?!). Tiếng cổ của dân tộc Phù Nam chữ Cái có nghĩa là “con sông”. Ngọn dẫn nước ra rạch, rạch dẫn nước ra sông nhỏ, sông nhỏ dẫn nước ra sông Cái (sông lớn) và sông cái dẫn nước ra biển!

Hằng hà sa số tên rạch tên sông mang chữ “Cái” ở châu thổ đồng bằng sông Cửu Long.

Chữ “Con” người phương Nam sử dụng mang tượng hình đồ vật. Tượng hình đồ vật đó phải là cái nhìn thấy, mà còn phải thấy rõ và hữu ích.

Có “Cái” thì ắt có “Con”!

Người bình dân phương Nam coi chữ “Cái” thuộc giống cái, coi chữ “Con” thuộc giống đực. Cũng có thể xem đó là Yoni và Linga, một dạng biến thể Cái, Con? Vì, người Việt lưu dân vào



phương Nam nói gì thì nói, họ vẫn tin trong trời đất có hai mặt Âm - Dương đã tạo ra sinh sôi và sinh tồn!

3.

Thường ít ai để ý cái lắt léo của người phương Nam. Sông thì họ gọi “con sông” nhưng tới cái tên thì họ kêu “Cái Răng”. Đó là, sự phức hợp trong cái lắt léo để giữ bản sắc và phong vị rất riêng của họ. Nam Kỳ, Nam bộ, Nam phần, miền Nam, phía Nam... gì gì họ bắt cần biết. Nếu phải cần biết, họ cần biết “Cái - Con” nằm trọn lỏn trong “Trượng nghĩa, khinh tài”!

Họ thích cho không vì khoe mẽ, đánh bóng cái danh hư... Họ thích cho vì, muốn nhận cái cần nhận để họ giữ cái cần giữ: Miền châu thổ đồng bằng sông Cửu Long thừa sức mần lúa gạo nuôi cả nước.

Chiều Tây Đô nắng cầu vòng ngũ sắc, như rượt đuổi con sóng nhảy bờ sông Cần Thơ chơi trò trốn tìm. Trên nét mặt lam lũ của thôn dân miền Tây châu thổ, không dính bợn chút sợ sệt hoặc lo âu thế sự thăng trầm. Họ tin cái vững tin hoàn toàn thuộc về họ. Họ thuộc nằm lòng chuyện xưa từ Vương quốc Phù Nam, Champa, Thủy Chân Lạp... như thuộc nằm lòng truyện Lục Vân Tiên! Và, họ cũng biết phải mần gì khi kẻ thù xưa quân xâm lược quê hương họ. Từng hạt phù sa Mê Kông đổ về đôi dòng sông Tiền, sông Hậu sóng sánh dưới nắng chiều Tây Đô!

Mong ai đừng quên!.

C.Đ.T

.....

(1) Vương quốc Phù Nam hình thành từ TK. I đến TK. VI, một vùng đất nước rộng lớn từ lưu vực sông Cửu Long tới sông Mê Nam (Xiêm La) giáp Champa và kéo dài tận các quần đảo Mã Lai. Trải qua 13 triều đại từ nữ vương Liễu Diệp đến Rudravarman. Có thể nói, đây là Nhà nước đầu tiên đất liền ở Đông Nam Á.

(2) Dời đô ba lần: Angkor, Oudong, Phnom Penh.

NGUYỄN ĐỒNG HOANG

TRƯỜNG TÌNH THƯƠNG LASAN TÂN HƯNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC LA SAN

TÂN HƯNG

*Hội Ngộ Những Tâm Lòng*

LỄ KHAI GIẢNG

NĂM HỌC 2016 - 2017



LỄ KHAI GIẢNG NĂM HỌC 2016 - 2017

TẠI TRƯỜNG TÌNH THƯƠNG LASAN TÂN HƯNG

Trường Tình Thương La San Tân Hưng là một ngôi trường nhỏ nằm trong một hẻm bên cạnh kinh Rạch Bàng, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi vùng đất này, người nghèo và dân nhập cư sống chen chúc trong những căn nhà chật hẹp tối tăm. Họ làm đủ thứ nghề cực nhọc để mưu sinh. Trẻ em đi bán vé số, nhặt rác, lượm bao nylon và... lượm luôn những gì người ta để quên!

Để cho các em cơ nhỡ, lang thang có nơi để học biết chữ và biết sống, ngày 1/8/2000, anh em thiện nguyện La San đã thuê một nửa căn nhà của một cán bộ hưu trí tốt bụng, để mở lớp tình thương Tân Hưng.

Với một nửa căn nhà lá, gió lộng tứ bề, bảng đen, bàn ghế đồng dạng cũ kỹ nhưng không đồng dạng về kích cỡ, niên học đầu tiên đã thu nhận được hơn 40 em học sinh, khác biệt về tuổi tác, trình độ, nhưng chung một phận nghèo! Các em được chia làm hai lớp: những em đã biết đọc biết viết thì học lớp 2, còn những em chưa biết gì thì học lớp 1. Các em học buổi sáng, buổi chiều ở nhà phụ giúp cha mẹ.

Đến nay sau hơn 16 năm, nhờ Trời thương và người giúp, trường Tình Thương La San Tân Hưng đã có được một cơ ngơi nhỏ, của riêng mình, đủ cho 130 em học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 học tập, nhưng chưa đủ cho 300-400 trẻ em nghèo ở trong vùng. Hoàn cảnh xã hội đã khá hơn, nhưng người lao động nghèo về vật chất và tri thức vẫn còn nhiều.

Tiếng trống khai trường vang lên, niên học 2016-2017 đã bắt đầu vào ngày 5/9/2016. Các em học sinh an tâm đến trường mỗi ngày hai buổi và tham gia các sinh hoạt ngoại khóa. Sách vở, đồng phục và bữa ăn trưa đã có thầy cô lo. Nếu chỉ nhìn thấy các em trong bộ đồng phục “hàng hiệu” với tác phong lễ phép, dễ thương không ai có thể nghĩ các em là học sinh lớp tình thương!

Mọi nỗ lực, công sức của xã hội xin được là viên sỏi lót đường cho tuổi thơ của các em, nghèo nhưng đỡ khổ...



## NHỮNG PHIÊN ĐOẠN

*Tập đoản văn gồm những phiên đoản được đánh số. Mỗi phiên đoản chỉ nhỏ xíu nhẹ như một làn hơi thở, dài như chiều dài một chiếc lá cỏ, hay như một vờn khói qua chiều thành thơ...*

*Xin giới thiệu cùng cùng quý vị ba phiên đoản tiếp theo trên Hương Thiên 37: Lá - Nhớ - Em.*

## LÁ

Quy Nhơn những ngày đầu hạ, nắng mưa quyện vào nhau. Lá vàng lại rụng đầy khắp phố. Lá như những cánh thiệp bay bay từ ban công một thời. Tôi cúi nhặt một chiếc theo gió bay lại từ phía xa.

Trên tay tôi, lá mang sắc trời, mang hương biển và bao cảm giác xưa.

Không biết là tôi nhặt lá hay lá đã nhặt tôi trong sớm hạ nắng còn chưa đỏ mắt.

Và chẳng hiểu sao tự dưng tôi lại viết lên lá những dòng ngày xưa, có lẽ như một thói quen:

*“Em dựa lưng vào bức tường kỷ ức ẩm ướt*

*Chông chênh hai đầu nỗi nhớ*

*Phía ô cửa ngăn hiện tại và quá khứ*

*Cỏ dại đã lan đầy*

*Em gom kỷ niệm, em nhặt được đầy tay...”*

Ngày ấy nói đùa chọc em rằng *kỷ niệm em nhặt hết rồi, anh biết nhặt gì đây, thì thôi, tự nhặt cho mình lá.*

Lá đẹp. Em cười và nụ cười em đẹp như lá...

Lá rơi. Nụ cười em rơi. Như tiếng bò câu đánh thức sớm mai đầy nắng. Như hương hoa sứ thoang thoảng đầu hè. Như một vòng xe...

Tôi thích lá. Tháng ngày qua, mỗi khi nhặt lá cảm giác cứ như thể là đang nhặt cho mình những nụ cười em đã rơi tự khi nào.

Lá rơi. Rơi theo giọt nắng. Cây đứng lặng. Nắng ướt mắt mây trời.

Tôi lại sắp xa phố biển. Tiễn tôi có lẽ vẫn là nắng, gió và lá. Nhưng hành trang lần này thêm được tiếng bò câu.

## NHỚ

Những ngày đầu thu nắng mưa bất chợt. Phố không hoa, không tiếng biển vọng về, chỉ bảng lảng cánh chuồn chuồn rắc thêm vào nỗi nhớ. Nỗi nhớ cứ lang thang...

Như một lần... *Đêm mưa – thân lữ khách – cánh chuồn chuồn tả tơi...*

Cánh chuồn chuồn mang em cùng nỗi nhớ rót vào thình không. Sau những đêm mưa, nỗi nhớ hóa gầy và nỗi nhớ cứ mỗi ngày qua đi, phai dần, phai dần như mây khói tan vào trong cái nóng của những ngày nắng hạ. Trôi xa.

*Cánh chuồn chuồn không em*

*Như dòng mưa. Như vật nắng. Như sắc cầu vồng chênh chao...*

*Em đi trời trở gió*

*Gió lang thang*

*Em đi*

*Góc phố cuối chiều*

*Chuồn chuồn xoay tròn*

*Như chong chóng rơi vương đất*

Nhặt từng cánh còn khép mặt như nhạt lại cho mình, cho cả em, những vụn vỡ của một nỗi nhớ tả tơi. Nỗi nhớ – không còn em – để nhớ.

## EM

*Ôm lòng đêm nhìn vầng trăng mới về...*  
(Trịnh Công Sơn)

Tiền em đi trong quất quay nỗi nhớ. Nỗi nhớ ngập đầy trong ánh mắt và bóng chiều cứ thân nhiên rơi...

Như một tiếng thở dài...

*Thế là em đã đi rồi.*

*Chiều trên sân ga nhạt nhòa.*

*Tóc rối thổi bông bênh trong gió.*

*Em đã đi.*

*Và ...*

*Đã hết...*

*Như chuyến tàu hôm nay,*

*hôm sau không còn em trên đó...*

Phố đã lên đèn. Trời không mưa. Em đi, trời đầy gió.

Những cơn gió không biết là vô tình hay cố ý cứ thổi bay những chiếc lá khô rơi rụng. Những chiếc lá không hình thù không màu sắc rơi chồng lên nhau một cách kỳ quặc tạo thành những cơn mưa lá bay bay.

Và sau những cơn mưa lá ấy là những cơn mưa màu.

Màu nối màu khóa lấp lên nhau tạo thành một mảng dày muôn màu muôn sắc. Màu mây trời hòa trong màu mắt em – màu của bi thương, của xót xa hòa cùng màu nhưng nhớ đong đầy...

Lá cứ bay bay.

Như em.

Em mỏng manh như lá, mơ hồ và đẹp bồng bênh như lá. Những chiếc lá chao mình nương theo cánh gió... Gió đưa lá bay xa. Mang theo em. Em đi. Chỉ nỗi nhớ quay về. Nỗi nhớ cứ mỗi ngày một dài hơn.

Em bảo không cần nhớ. Nhớ là một điều vô bổ. Nhớ làm gì khi mỗi ngày nắng vẫn lên. Cây rụng lá, chồi non lại xanh màu.

Em đi rồi. Như mây.

Vẫn là mây. Bồng bênh và viễn mộng.

*Em đi*

*Xao xác lá*

*Chiều sân ga vọng về*

*Nỗi nhớ không còn em*

*Để nhớ...*

Khắp không gian ngập chìm trong sắc chiều như khung cảnh một bài ca - thơ của người thơ họ Trịnh:... *Gió heo may đã về/ Chiều tím loang via hè/ Và gió hôn tóc thề/ Rồi mùa thu bay đi/ Trong nắng vàng chiều nay/ Anh nghe buồn mình trên ấy/ Chiều cuối trời nhiều mây ....*

Những chiếc lá thu khi nào vẫn còn nằm im trong học tủ đợi ngày em ngắt, có lẽ giờ, người ngắt lá chỉ còn lại một mình, và lá tự ngắt mình khi sắc màu phai dần theo tháng ngày đi xa.

*Em đi*

*Sân ga*

*Tiếng còi tàu vẫn rúc lên trong gió*

*Chỉ nỗi nhớ*

*Một mình*

*Ngồi đếm lá*

*Thu rơi...*

N.H.T



*... Theo Mây Ngang Trời!*

NGUYỄN HỮU TÌNH



Đông về vội vã. Cánh chuồn chuồn ngẩn ngơ tiễn tia nắng cuối chiều còn sót lại. Người bảo: *có phải nắng buồn hơn mưa? Mưa chỉ một màu mà nắng cứ đổi thay. Như đời người. Sớm mai hồng. Trưa đỏ vàng rực rỡ nhưng chưa lâu đã vội úa màu.* Thu qua nhẹ mà gầy hao lửa nhen, đông lạnh về trời nhỏ giọt tơ giăng, lang thang một nốt nhạc trầm theo cung đàn mưa phím lá. Giọt nước từ trời hay nước mắt của người cứ dầm dề cung thương hát cuộc tình vụn vỡ. Xưa một thuở Ngưu Lang – Chức Nữ nước mắt nào rớt trên Ngân hà để muôn đời mưa giăng sầu nhân thế.

Cơn bão qua chưa vội, mưa lũ đã theo về. Đất miền Trung, tiếng thương buồn xót lòng nấc nghẹn, khóc người người theo nước trôi không về. Đông vội quá. Chim thôi bay nhìn mưa gió hãi hùng. Mưa sầu rơi...! Đến bao giờ...? Có lẽ “*Nắng mưa là chuyện của trời*” (Nguyễn Bính) nhưng tự ngàn xưa đã gắn với kiếp người dương gian. Nắng để buồn cho mưa. Nụ cười lấy vui từ nước mắt. Một nửa của mưa là nắng. Một nửa của buồn là vui. Đêm lấy ngày làm bến. Nắng qua trời về đêm. Hiện hữu và hư vô bỗng giật mình thu về trong giọt lệ lăn dài. Giật mình – khoảnh khắc mơ hồ – tỉnh thức – để lại cho người trong ý thức thương thân. “*Thờ ngắn than dài / ... Mắt lệ tuôn rơi*”.

Người tìm người ảo say giấc mộng mơ mãi vun đầy trọn đóa phù dung. Mộng là mộng. Bản chất của mộng là phù vân hư ảo. Va vấp hiện thực, mộng vỡ thành giọt lệ ướt mi. Dù mừng vui quá hay thương tâm quá thì giọt lệ – dấu hiệu của sự sống – như muôn thuở tự khai dòng. Mang bản chất của nước – nơi khởi thủy và cũng là điểm trở về của vạn vật – giọt lệ bé nhỏ ẩn chứa trong mình sức mạnh vô biên. “*Vũ vô kiềm tỏa nắng lưu khách*”/ (mưa không kiềm chế mà lại có thể giữ khách), và giọt lệ từ xưa cũng đã giảng biết bao tơ tình khó dứt. Cổ hiền phương Tây có lời rằng “*không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông*” thì có lẽ giọt nước mắt cũng không thể nhỏ hai lần từ một khóe mi... Trong mỗi chúng ta, ai cũng có một dòng sông và đôi bờ phân dòng thiện ác.

Tâm nguồn từ sông chảy trôi cạn rồi đây, nước mắt theo tình, kẻ lãng du như khách qua đường, lướt khướt như mây ngang trời... mà luân chuyển thanh lọc những sâu thương “*Nước mắt lấy hạt bụi từ trong mắt/ Khóc lấy nỗi đau từ trong tim*”.

Người đời thường thích vui. Lẽ mấy ai làm bạn với nỗi buồn. Vui đến nhanh mà đi vội, chỉ riêng buồn lặng lẽ ở trong tim. Người khóc cho vui đi những muện phiền mà trút sâu cho giọt lệ hoen mi. Hình ảnh giọt lệ đã đi vào thơ ca từ bao đời. Nó làm điểm tựa tinh thần – nơi trở về cho những tâm hồn khổ đau. Và với những khoảng khắc yếu đuối ấy của tâm hồn, thay lời trái tim dễ thường không gì bằng giọt lệ. Vẫn lặng thầm và thủy chung theo người. Hai tiếng thủy chung nghe sao mặn lòng... Một câu hỏi – và mỗi người một suy nghĩ riêng tư – nếu như không còn nước mắt thì con người sẽ ra sao? Chắc chắn mây vẫn cứ bay và rắng chiều vẫn đổ ừng cuối chân trời. Trăng mười ba vẫn huyền hoặc vờn trên cây cỏ và bướm đêm thỉnh thoảng vẫn lạc vào nhà. Nhưng con người, chắc nụ cười sẽ tắt.

Đến từ nước Đức xa xôi, Gunter Grass đã khơi cho chúng ta giọt nước mắt bản năng từ hơi cay của món hành hầm. Đọc “*Cái trống thiếc*” (Gunter grass) mà có cảm giác như thể tự tát vào mặt mình một cái đích đáng, một cái tát thật đau để giữ cho mình một tuổi lệ chưa cạn dòng.

Giọt nước mắt gắn bó với con người ngay từ thuở sơ sinh rồi theo người hóa thân tròn hạt bụi trả lại cho đời sau giọt lệ... ướt đầm cả chiều mưa. Hạt bụi neo đậu dòng đời đọng giọt lệ gõ nhịp tiếng mưa rơi vọng khúc nhạc thỉnh không như lời đối thoại thì thầm giữa giọt sương – lá cỏ rớt đầy cốc tình yêu uống cạn rượu – ái ân. *Hỏi đá xanh rêu... hỏi gió phiêu du.... hỏi những đêm thâu...* chỉ đáp lời là nước mắt trong nỗi nhớ mong manh. Em chợt đến và em vội đi như cơn mưa nhỏ tình cờ ghé ngang qua. Thông điệp nào gửi lại trong giọt lệ nhỏ nhoi?... Đi trọn kiếp người, thân thiết như một phần máu thịt mà cũng vì lẽ *quá thân nhau nên bỗng hóa*

*tâm thường*. Qua đi nỗi đau, giọt nước mắt khi nào bỗng trở thành vô nghĩa. Bụi thời gian phủ vàng, vết loang trên trang thư nhanh chóng bị lãng quên. Nụ cười và nước mắt phải chăng đã hòa làm một?...

Là món quà của Chúa ban cho kẻ kể từ ngày loài người “*bắt đầu bàn tay nâng trái cảm*”/ (Bắt đầu), giọt nước mắt đã mang trong mình cả một vũ trụ bao la. Cùng với tiếng khóc và nụ cười, nước mắt làm nên sợi dây nối vô hình giữa sự sống và cái chết, nối vũ trụ với lòng người chuyển hóa trong một nhất thể tương sinh. Vũ trụ kết ở hồn, tình cảm bởi tại tim. Cảm xúc dâng – phát lộ trong ánh mắt – “*cửa sổ tâm hồn*” – ranh giới giữa Thật và Ảo, nơi tâm hồn và thế giới thiên nhiên vô cùng vô tận giao thoa, tương thông, chuyển hóa: “Một trong tất cả và tất cả trong một”. Do vậy, không phải là ngu ngơ khi W. Whitman tự giới thiệu về mình “*Walt Whitman, một vũ trụ*”. Và mỗi con người đều là một tiểu vũ trụ thăm sâu, phức hợp những cung bậc tình cảm. Ranh giới giữa chúng rất thực mà cũng lắm mơ hồ. Từ nguồn chảy ra là nước – theo Lỗ Tấn, chảy ra từ mắt là lệ. “*Trời buồn làm người đau/ Người buồn nhìn trời sầu/ Trời mưa – người nước mắt/ Lặng thầm gọi tên nhau*” (N.H.T).

“*Hồi cô đơn – người cũng là niềm an lạc – trong đêm thu*” (Thơ Buson, Lưu Đức Trung dịch). “*Mừng vui quá bỗng rung rung giọt lệ*”. Mối em cười thu cả sắc chiều đông trả cho đời giọt lệ làm vui. Và Buồn – Vui, một mối tương duyên như những tia nắng hiếm hoi rượt đuổi nhau cuối ngày.

Triền núi xa mây phủ. Khẽ bên rào tiếng dế khao khát một mùa khô, sợ trong mưa, trắng vàng chết đuối. Đây đó một góc Dư Âm. Cánh chuồn chuồn mỏng tan. Theo mây ngang trời, nỗi nhớ vương hương tóc. Phổ biến se se lạnh đọi cơn mưa về. Hắt hiu gầy đôi chiếc lá chao nghiêng. Thu xa bước rồi một ngày thu đến. Vắng bóng một nụ cười, nắng sẽ buồn. Em. Mưa...

N.H.T



Đại Đức Thích Phước Từ (X) và các đại biểu tham dự đại hội của Hội Khuyến học Quận 1, từ trái qua gồm: Ông Nguyễn Hữu Tân - nguyên Phó Chủ tịch Hội Đông y Quận 1, bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Chủ tịch UBND Quận 1, bà Cao Kim Triều - Chủ tịch Hội Khuyến học Quận 1, bà Đinh Thị Ngọc Châu - Nguyên Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Q.1, bà Hoàng Thị Tố Nga - Phó Bí thư Quận Ủy Q.1

## HỘI KHUYẾN HỌC QUẬN 1

Hội Khuyến học Quận ra đời cách nay 17 năm với chức năng xây dựng phong trào khuyến học tại địa phương, giúp các học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt qua thử thách để hoàn tất chương trình học tập.

Hàng năm, Hội trao 100 suất học bổng cho các học sinh bậc Tiểu học, Trung học, Cao đẳng, Đại học với giá trị mỗi suất từ 700 ngàn đồng đến 2 triệu đồng tùy theo cấp học.

Riêng Đại đức Thích Phước Từ (chùa Linh Sơn Q.1) mỗi năm hỗ trợ 02 suất học bổng (2 triệu đồng/suất) cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

M.P.C

CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CẦN BIẾT VỀ  
*Khí Công Dưỡng Sinh*

PGS.TS.BS. LÊ HÀNH

ĐỆ NHỊ ĐẢNG HUYỀN ĐAI CƯƠNG NHU KARATE  
HUẤN LUYỆN VIÊN KHÍ CÔNG TP. HỒ CHÍ MINH



Khí công là một trong bốn ngành của Y học Trung Quốc: Châm cứu, xoa bóp, thuốc từ cây cỏ và khí công. Lịch sử của Khí Công bắt đầu từ trước thời đại của chữ viết, trong khoảng giữa của thời tiền sử khoảng 500 năm trước Công nguyên. Cội nguồn của khí công ăn sâu trong huyền thoại và triết học phương Đông. Những cách chữa bệnh và chống stress này là những nét văn hóa rất phổ biến ở châu Á và được hệ thống hóa, nghiên cứu, phổ biến mạnh mẽ nhất ở Trung Quốc. Sự áp dụng khí công trong việc chữa bệnh cũng như chống stress đã dần dần chinh phục các nước Tây phương thực dụng vì người ta dần nhận ra rằng, tật bệnh và stress có thể chữa được bằng cách tạo lập sự an tĩnh trong tâm hồn.

## 1. Tại sao khí công dưỡng sinh được rất nhiều người tham gia ?

- Khí công đáp ứng được nhu cầu phòng bệnh và trị bệnh
- Gia tăng sức khỏe, tăng tuổi thọ, tạo lòng hăng say đối với cuộc sống.
- Giúp tinh thần thư giãn, chống được stress giữa xã hội văn minh, phức tạp
- Ít tốn tiền.

## 2. Nguyên lý chính của khí công dưỡng sinh

Để nói chuyện về khí công, trước tiên chúng ta phải hiểu Khí là gì?

*Từ xa xưa người Trung Quốc đã biết rằng có một năng lực nội tại giúp con người khỏe mạnh và tự chữa lành bệnh tật trong cơ thể. Năng lực đó là Khí.*

Theo học thuyết dịch lý Trung Hoa con người là một tiêu vũ trụ, sự sống và sức khỏe có được khi Khí lưu thông dễ dàng trong các kỳ kinh bát mạch của cơ thể *đồng thời hoà nhập được với KHÍ của vũ trụ*. Hệ kinh mạch bị tắc bất kỳ ở nơi đâu là bệnh lý sẽ xuất hiện ở nơi đó. Kinh mạch không bị tắc con người sẽ được khỏe mạnh và trường thọ.

**Nguyên lý chính của khí công là tập luyện để cho “tinh hóa khí” và “khí hóa thần” cùng với sự đả thông vòng Tiểu chu thiên (nhâm đốc) và vòng Đại chu thiên (12 kinh và 8 mạch) bằng phương pháp thở hít có tiết luật và thiết lập tình trạng tâm-ý-khí-hình hợp nhất trong cơ thể.**

*Những nghiên cứu gần đây của Tây y cũng xác nhận rằng: Dòng luân chuyển của Khí được cân bằng và tăng cường bởi những động tác chậm rãi, tập trung ý lực cao độ và mang tính thiền định của khí công.*

*Trong trạng thái thư giãn tối đa của cơ bắp và thần kinh kết hợp với hô hấp tối ưu có tiết luật, các mạch máu nở rộng, lượng*

oxy đưa đến mô tăng cao và cải thiện nguồn nuôi dưỡng cho tế bào.

*Khả năng đào thải chất biến dưỡng của hệ bạch huyết cũng tăng.*

*Hoạt động của hệ miễn dịch được kích hoạt, các tế bào bảo vệ tăng số lượng và chất lượng, lượng kháng thể tăng.*

*Quan trọng nhất là những phản ứng sinh hóa nhằm sửa chữa, tái tạo và bồi bổ cho não bộ và hệ thần kinh đồng thời được kích hoạt.*

*Qua đó những trạng thái mất cân bằng nhỏ nhất sẽ được điều chỉnh, những tổn thương vi thể sẽ được chữa lành, những tổn thất tất yếu của cơ thể trong quá trình hoạt động sẽ được bù đắp.*

*Thần kinh hệ thoát khỏi những căng thẳng của đời sống sẽ yên ả được hồi phục.*

*Đó là những bí mật thâm sâu về tác dụng của **KHÍ** – năng lực tự chữa lành và hồi phục của cơ thể (internal self healing energies) – và cũng là nền tảng của sức khỏe và trường thọ.*

Khí công còn ảnh hưởng mạnh mẽ vào việc phát triển trí tuệ và tâm linh.

**3. Bản chất và mục tiêu của khí công:** là tác động trên hệ thống tự chữa lành của cơ thể

- Dùng khí công để phòng ngừa bệnh tật thì là điều lý tưởng nhất vì khí công có tác dụng rộng lớn đến nhiều hệ trong cơ thể như: Miễn dịch, thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, nội tiết.v.v... tăng sức đề kháng, tạo thể cân bằng giữa cơ thể và môi trường ngoài.

- Khí công chống lão hóa rất hữu hiệu

- Khí công có hiệu quả rõ trên một số bệnh mãn tính, có tính cơ địa mà Tây y không chữa dứt được ví dụ như: rối loạn thần kinh thực, bệnh dị ứng, viêm xoang dị ứng, vậ mạch, viêm mũi họng mãn tính, hen suyễn, viêm dạ dày, viêm đại tràng mãn tính,



mất ngủ, rối loạn thần kinh tim, phong thấp, hỗ trợ và phòng ngừa cho những bệnh nhiễm trùng qua cơ chế tăng cường miễn dịch.

### **3. Điều kiện nào có thể tập luyện được khí công**

- Khí công dưỡng sinh có thể tập ở bất cứ tuổi nào, người khỏe, người già yếu, có bệnh hoặc không có bệnh đều tập được, cụ thể là:

- Có các bài tập khác nhau từ rất đơn giản cho đến phức tạp tùy theo độ tuổi và khả năng thực hiện của từng người.

- Quan niệm khí công dành cho người già là sai. Tập càng sớm càng tốt.

Có thể bắt đầu tập khi có ý thức thở hít và vận động hoàn chỉnh: 6 tuổi

- Từ 6 – 20 tuổi: Chỉ cần tập thở là chính (1 – 1) và tập những động tác đơn lẻ dễ dàng, chủ yếu để giúp thông khí huyết tuần hoàn, tránh ứ trệ vì độ tuổi này nguyên khí còn dồi dào và đang phát triển.

- Từ 20 – đến già: Lão hóa và bệnh tật luôn luôn đe dọa nên phải tập nghiêm túc, bài bản đàng hoàng.

- Thích hợp nhất là tập lúc 30 tuổi trở đi vì theo y khoa, ở 30 tuổi, cơ thể bắt đầu lão hóa, tập khí công sẽ làm chậm lại vòng lão, bệnh và tử.

### **4. Tập luyện khí công khó hay dễ?**

- Tập khí công không khó mà cũng không phải dễ.

- Thành đạt trong khí công cũng có nhiều trình độ (như trong võ thuật): sơ, trung, cao. Cấp thấp thì dễ, cấp càng cao càng khó.

- Tập khí công là tập cả đời, tích lũy về lượng để nhảy vọt về chất. Người có năng khiếu thì tập nhanh, không thì cứ từ từ mà đi đến đích.

- Khí công cũng như một “Đạo”, sự tu luyện cần niềm tin và sự chiêm nghiệm những chuyển biến, những hiệu ứng có được trong cơ thể từ khí công. Khí tồn tại khách quan, vấn đề là ta có

đủ linh mẫn, đủ tinh tấn để thấy và phát triển Khí hay không. Từ “NGỘ” của Phật giáo cũng có thể dùng trong khí công, có nghĩa là sự tích lũy công phu đến một lúc nào đó sẽ làm trí huệ bùng sáng, cảm nhận được Khí. Con đường đi đến giác ngộ của mỗi người có khác nhau.

- Mục đích của khí công là tăng cường Khí và lưu lượng khí lưu thông trong kỳ kinh bát mạch.

- Nguyên tắc cơ bản của khí công là: Thư giãn, buông lỏng cơ bắp tối đa. Thứ hai là giữ đầu óc trống không (bỏ hết tất tinh lực dục khí tập). Thứ ba là thở hít đúng tiết luật. Nếu bạn giữ tư thế ngay thẳng, thư giãn, hít thở sâu và không nghĩ ngợi gì nữa, thì bạn đang thực hành khí công rồi đấy.

- Luyện thành công khí công khi bạn đạt được Tâm – Ý – Khí – Hình hợp nhất

- Khí công dưỡng sinh không đòi hỏi phải nhiều bài nhiều thế mà cốt lõi của nó là phải nắm cho được cái tinh hoa yếu lý và thực hành cho đúng mới thành công. Ví dụ: một người chỉ học một thế của một bài khí công có cả trăm thế nhưng người ấy hiểu và thực hiện được nguyên lý tâm ý khí hình hợp nhất của thế đó thì có thể thành công, còn người tập thuộc nguyên cả bài khí công mà không vận dụng được nguyên lý trên thì cũng chỉ là vận động thể dục thông thường thôi, dù có tập cả trăm năm cũng không ích lợi gì nhiều.

- Cũng cần hiểu thêm là những động tác uyển chuyển, từ rất giản đơn đến phức tạp của khí công không phải tự nhiên mà có. Đó là những vận động theo đúng dịch lý âm dương ngũ hành, theo đúng với sự vận hành của năng lượng vũ trụ, của điện trường trong thiên nhiên. Đó là kết tinh sự cảm nhận của nhiều đời những hành giả khí công về sự nối kết của tiểu vũ trụ-con người-với đại vũ trụ-thế giới mà lập ra. Vì vậy, sự tuân thủ nghiêm túc những chi tiết về hình thể, hô hấp trong bài quyền khí công thì rất phức tạp, nhưng thực sự cần thiết để đạt được đỉnh cao của sự tu tập.

- Tuy nhiên, cố gò bó trong động tác, thực hiện không đúng chuẩn thì thậm chí còn có hại. Nên đối với những người mới tập, người bận rộn quá, lớn tuổi, mang tật bệnh thì nên khởi đầu với những bài khí công đơn giản hơn, nhẹ nhàng hơn nhưng không kém phần tác dụng và hiệu quả. Khí công có nhiều bài bản, phải tùy theo tình trạng sức khỏe, tùy theo tật bệnh mà tập bài nào, động tác nào.

- Trong khí công, hơi thở là cốt tủy vì ta chỉ điều khiển được hệ thần kinh thực vật (nhịp tim, huyết áp...) qua hô hấp. Hô hấp tốt, đem được nhiều oxy vào cơ thể là chìa khóa của sự thành công. Sự đồng vận của hô hấp với động tác trong khí công cực kỳ quan trọng. Thở trước, động tác sau! Nếu khi tập chỉ lo đến “quyền thế” mà quên thở hít, để cơ thể thiếu oxy thì chúng ta đã phạm một sai lầm lớn, bài tập sẽ có tác dụng ngược lại, hại cho sức khỏe!!!

*Việc rèn luyện khí công cần thời gian dài, cần khổ luyện đều đặn, cần khả năng tự hoàn thiện để đạt hiệu quả thực sự.*



## 5. Tập luyện thể nào để có tác dụng?

Muốn có được tác dụng chữa bệnh, thì cần phải có:

- Thời gian tập luyện ít nhất là 3 tháng
- Cần phải kiên trì chuyên cần luyện tập, đều đặn.
- Tập chính xác ngay từ đầu.
- Tập với trí tuệ linh mẫn, biết chiêm nghiệm suy xét chính

mình để tự hoàn thiện

- Hồ hấp quan trọng hơn quyền thể. Cần tập trong môi trường thoáng đảng, nhiều Oxy, nhiều ion âm.

- Dinh dưỡng: Ăn uống phải có chất đạm đường mỡ thích hợp, không kiêng khem quá, ăn nhiều rau tươi. Tránh chất kích thích như rượu, thuốc lá.

- Sống điều độ, không làm việc quá sức, tránh trác táng, phòng dục điều độ như Hoa Đà đã nói:

*“Bế tinh, dưỡng khí, tồn thần*

*Thanh tâm, quả dục, thủ chân, luyện hình”*

“Bế tinh” ở đây không có nghĩa là tuyệt đối không sinh hoạt tình dục mà phải điều độ theo sức, theo tuổi của mình. Khí công là luyện cho TINH hóa KHÍ và KHÍ hóa THẦN, từ đó đạt được sự trường thọ. Tình dục điều độ là điều quan trọng trong tập luyện.

## 7. Kết quả của luyện tập khí công

- Khí công tạo ra sức lực nội tại một cách tích cực.

- Thể dục cũng tốt nhưng không tích cực, chỉ là phần đạo đầu của khí công. Trước khi tập khí công ta phải tập thể dục vừa phải trước để máu huyết lưu thông, từ đó khí mới được vận chuyển dễ dàng đến các kinh mạch, nói nôm na là thể dục dọn đường lưu thông cho khí. Nếu không khí sẽ khó lưu thông do tuần hoàn bị ứ trệ.

- Thể thao, võ nghệ làm tiêu hao sức lực. Các thể thao gia, các võ sĩ lúc còn trẻ tận dụng sức lực để đạt thành tích. Điều này làm hao tổn nguyên khí, những tổn thương nội tại không được chữa lành, khi lớn tuổi mau sinh tật bệnh và thường không trường



thọ.

- Người chơi thể thao, đánh võ cần phải tập khí công để tạo nội lực, để giúp cơ thể bồi đắp lại hiệu quả những tổn thất, giúp thanh lọc những chất thải xảy ra trong quá trình gắng sức. Từ đó cơ thể được cường tráng lâu dài, tăng gia tuổi thọ.

Tóm lại, qua những vấn đề cơ bản về khí công đã trình bày ở trên, chúng ta đã thấy rõ tác dụng lợi ích của nó trong sự phòng bệnh và trị bệnh nên hãy cố gắng tập luyện dù ít dù nhiều, mỗi buổi sáng chỉ cần 15 – 30 phút cũng đủ có ích cho sức khỏe hầu đạt được một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện.

Khí công là phương thuốc vạn năng, tăng cường sức khỏe và năng lực của cơ thể và trí tuệ cho mọi giới. Khí công là cái phao cứu sinh cho sự bình ổn, an lạc của con người trong thế giới ngày càng phức tạp này.

Chúc mọi người thành công.

BS. LÊ HÀNH

# DẤU CHÂN YÊN TỬ

(Sử ca Việt Nam)

♦ Nhạc và lời: **Chúc Linh**

Vừa phải - Tự do

Xã tắc vạn xuân bên sắc ngọc. Non sông muôn  
thử vững âu vàng. Nhật nguyệt sáng soi trang sử Việt. Giang  
sơn tỏa chiếu ánh đạo thiêng. *Vào nhịp* <sup>3</sup> Kia núi sông âm  
Kia tiếng chuông uy



vang hồn đất nước. Hoàng thành Thăng Long, Chùa Sen Hà  
linh chùa Trấn Quốc. Huyền Trân, An Tư vì dân tộc



Nội. Kia Trường Yên, Chương Dương, Vân Đồn, Hàm Tử.  
Việt. Kia Quốc sư: Đinh, Lê, Lý, Trần, Đại ...



Tha Mạc bát quát. Như Nguyệt anh hùng. ... Việt



"Vận nước ý dân ... .. Nam Quốc sơn hà". Dấu chân Yên



Tử Ngài để lại sau lưng cung vàng điện ngọc, quyền uy tối thượng.



Dấu chân Yên Tử Ngài để lại cho quê hương đất trời cao



rộng. Rạng rỡ gấm hoa! Ngài đi từng bước hoa sen đua



nở. Ngàn sao trăng tỏa sáng bước chân sen. Biển Chiều



Tôn Phật Hoàng Trần Nhân Tôn! Biển chiều ... .. Tôn.

## *Cái Tên – Mệnh Phận Vô Thường*



... Buổi mai hôm ấy, cũng sương thu và giá lạnh. Trong tung bồng não nhiệt, đợi xương danh vào lớp. Tự dung Anh Hòa giật mình hỏi tôi:

- Mạ dặn mi tên chi? Hỏi đi tao quên hỏi.

Tôi đưa mắt ngơ ngác, anh bèn chạy gấp về. Khi trở lại hồn hên:

- Gọi chưa? - Mi cũng tên S... Gọi chưa? Còn đặt tên chi nữa?

Anh nói trong dứt khoảng. Còn tôi trông ngực với bao uất



nghe, chực tuôn trào.

Tôi muốn ngã, như con bún mềm dán chặt trong cánh tay anh.

Vừa vuốt tóc tôi, như cổ ngăn dòng thương cảm:

- Tên chi lại không được?

Tôi phân bua nài nỉ:

- Tên anh đẹp như rứa, còn tên em xấu như ri!,... đổi tên khác đi! Em không chịu mô!

Thầy đứng lớp, xưng danh: - PVS! (nhưng dư dấu sắc)

- Dạ, dạ có! (anh mạnh dạn đáp và chĩnh cho đúng khai sinh)

Theo đà anh đẩy, tôi khởi động những bước nặng nề, vô hồn theo hướng thầy xếp chỗ, vắng bên tai lời anh căn dặn trước khi ra về, mà cảm thấy bơ vơ.

Buổi mai hôm ấy, tôi đã khắc sâu vào tâm não từng chuỗi thời gian, được mô tả bằng một hiện tượng luận sắc nét. Bên ngoài vẫn những cơn gió heo may se lạnh, với những chiếc lá mùa thu ngu ngơ rơi rụng lác đác mặt đường. Cây sấu đông bên hiên nhà, cũng bắt đầu bơ vơ trơ nhánh báo hiệu cho những ngày sắp tới: Một mùa đông âm đạm lạnh lùng.

Và chính mùa thu năm ấy, đời tôi đã rẽ lối sang trang, bởi cái tên như một “mệnh phận vô thường”. Tôi đã mang chiếc gông vô hình đó. Trong ngheen lời mỗi lần phải tránh né giới thiệu tên mình cho những ai, cố tình hỏi tới.

Như vết thương trù tượng, nén kín chặt lòng, để gì một sáng chiều mà phai nhạt, nó như cái lòng thòng của định mệnh. Mạ ơi! Mới đó mà đã gần hai năm, tưởng nghĩ không thể nào quên, nhưng đôi lúc nghĩ lại: Có gì để phải nhớ? Dàn đã nhạt mờ như cỏ tích.

Nhưng hôm nay, mạ ơi! Tại Huệ đã hỏi con tên gì? Làm gọi nhớ, đến nỗi đau đã từng sắt se tận đáy lòng:

- Con của mạ, mà mạ cũng thiên vị. Có tổn kém chi mô? Mà

mạ đặt tên con xấu như ri, con ghét mạ, con không chơi với mạ nữa – Bộ mạ không công nhận tên con là xấu nhất thiên hạ, xấu nhất nhà không?

- Tại con chưa hiểu thôi.

- Vì răng mới gọi là hiểu?

Rồi mạ thủng thủng từ tốn kê khai lý lịch:

- Mấy chị toàn gái, ba mạ cầu tự sinh tiếp được là trai, để che giấu cái may mắn của mình, phải cứ kiêng sợ mù bà bắt nên đặt tên là Gái (đi học đôi là Hòa), để đưa tiếp Gái Em là Quang, đủ huề vốn, mong ngưng. Không ngờ thêm con. Hứa thôi. Phải con là út, phải sau cùng!

Tôi chen ngang:

- Thấy chưa tui biết hết mà!

- Chưa mà! Đến ngày tự trường, nghĩ mãi để đặt tên con, tự dung cả ba, mạ buộc phải giữ lại, vì trùng hợp một giấc mơ rất đẹp: Cái hậu tuyệt vời cho con sau này, phải giấu kéo sợ con ý y rồi lừng. Lên chùa Linh Mục xin phép quy y cho cả nhà: Mạ là may phước nhất cũng chỉ là Tâm Lượng, vẫn dưới con là Tâm Ngộ một mức (hoang đàn chi địa như rứa, mà sau lại tu, được ngộ). Ngay tuần đó mạ dẫn con ra chùa Phú Lâu, xin huynh trưởng Trần Vệ (bạn anh Hòa) cho con vào sinh hoạt gia đình Phật tử Oanh Vũ. Đánh dấu thời điểm đất nước phức tạp nghe đâu sắp chia cắt. Khi thấy con ngây thơ hồn nhiên mở hết cả lòng xúng xính trong đồng phục xanh lam Oanh Vũ. Ba muốn từ ngay bây giờ phải thật dài tay vun vén, để sau lại Tâm Ngộ như tên đã quy y.

Dưới đây là đoạn nhật ký, ba đã viết và có ghi chú rõ: “Các con lúc nào rồi đọc cho mạ nhớ, để với tinh thần này; mạ dạy em con”. Và cũng theo mạ nói: “Đây cũng như một di chúc, vì thương và lo cho tôi quá, “thằng con đáng sợ”, mà ông phải làm như rứa, nhờ như ông không trực tiếp được, thì cứ theo tinh thần này mà dạy tôi. Và cứ mỗi lần nhờ ba hoặc anh chị đọc cho bà nghe: Thương ba, và thương tôi làm bà rơi nước mắt”.

### Trích từ nhật ký của ba (Tháng 7 – 1953)

“Cần cho con một đời sống tâm linh, niềm tin vào tôn giáo để vỡ về tâm linh. Một thứ niềm tin ngự trị phải thật đủ mạnh, mới hồn nhiên sống thiện, mới là bản phận, và sẽ chiến đấu cho lẽ phải hết lòng.

Cho nên giáo dục con cái, trước tiên chúng ta xây dựng, dạy và đặt cho các con một nền tảng tâm linh. Luôn tin rằng: Ngoài cái nhìn giữa con người với nhau, còn có những cặp mắt tâm linh khách quan thứ ba; soi rọi, phán xét. Chứ không phải như loại duy ý chí, chuyên tin vào ngũ giác quan và chỉ gắn kết mình vào những gì có lợi trước mắt, tha hồ hiếp đáp kẻ thế cô, gây nên bao điều mờ ám, tội lỗi, miễn không ai thấy là yên lòng, và dù kẻ khác có biết, vẫn không dám làm gì ta được, là được!

Phải mà! Dù con người có tránh né cỡ nào, cũng phải chịu luật nhân quả, phải minh định chuẩn mực, mới ổn bình cho cuộc sống, hầu bắt nhịp thăng hoa.

Thế mà những kẻ tôn vinh lý trí vẫn ca ngợi về sự hiền diện. ngay khi định nghĩa về bình đẳng, vẫn còn dựa vào luật sức mạnh làm cho “đời vốn mâu thuẫn” lại càng mâu thuẫn hơn: Bình đẳng có nghĩa là tất cả các con cá lớn nhỏ đều có quyền tung tăng bơi lội, được hưởng chung một thứ nước trong hồ, nhưng ai có thể cầm cân cá lớn nuốt cá bé?

Luật pháp bất cứ nước nào? Lúc nào vẫn khỏe; đã sẵn sàng để cái cân trước mặt, và những kẻ nắm cân tính sổ người kia, và luôn chính ngay người kia. Cả hai; vẫn tìm khe hở của luật pháp mà lách lòn.

Ngay dân học luật, rồi đây nếu sẽ là những kẻ cầm cân, nẩy mực, phải chăng cũng như lão ngư ông móc câu, giăng lưới chỉ bắt cá bé thôi, lỡ như bắt gặp cá lớn; thì thả ra kéo gậy cần, rách lưới. Kéo theo những tâm trạng; người ngậm ngùi, kẻ hả hê, rồi lại thâm tình chia sẻ; một cách hơn hờ về kinh nghiệm lách lòn của mình.

Nên chỉ vì có tin vào tâm linh hay không? Mà hai hành động về niềm vui đã khác: Một bên kích lệ phóng sanh, còn kia thì tham gia hoặc kích động những trò vui thú tính; mặc nhiên giẫm đạp trên sự thống khổ của kẻ khác, rồi hả hê một cách phi nhân.

Giữa đời này. Đã là sống cùng sống với; biết hành xử sao cho hiệu quả, chớ để phải bết tắc mà rơi vào một hệ quả khôn lường.

Luật Nhân Quả cảnh báo: *“Lưới trời lồng lộng tuy thưa mà khó lọt”*

Thời gian vốn vô tình

Luật cuộc đời lại ưa sòng phẳng

Đã đành! Cái gì không phải của mình, là không của mình.

Nhưng, còn hơn thế nữa

Ngay chính cái hiện có đang là của mình, cũng chưa hẳn là của mình, vì có thể rằng: Cái đang có, là mình đang tạm mượn. Hay mình vay mượn nợ ai từ tiền kiếp, mà chưa dịp trả, hoặc chưa tới hạn đòi. Thế thôi! (vô thường, nên có của là bố thí, cho đi là không bao giờ mất).

Nghiệp báo luân hồi; sắp xếp nơi chốn, nhân tiền ngay kiếp này, hoặc kiếp sau hay kiếp sau nữa. Rất ưa là sòng phẳng và bình đẳng, dù bất cứ ai. Cho nên hãy chờ đấy!”

Bà đưa con vào sinh hoạt gia đình Oanh Vũ, là tìm cho con mình một môi trường thanh sạch. Nơi môi trường đó, với bước chân đầu tiên vào đời, nó sẽ tự biết khép mình trong cái lễ, tạo dựng một nòng cốt, rồi cũng từ cái lễ; tự dung tiết chế bớt đi cái dục nơi mình. Gặp Oanh Vũ còn non nớt, khả năng nào? Để tìm hướng mà hưởng trọn niềm tin? Không khéo những hình ảnh đập vào mắt sẽ hẳn ghi nơi tâm hồn trẻ thơ một dấu ấn, sớm tạo cái bất mãn rồi vô thần lúc nào không hay, để lại cho con mình một hậu quả khôn lường.

Vi rằng: Không phải bất cứ ai đã khoác áo tu, đều hiểu rõ được cái trách nhiệm và vị trí của mình khi khoác áo (chưa kể để

“Bánh trốn xe đời mãi lún sâu trong tội ác  
Mãi gieo trồng toàn hạt thối tha  
Cho dù chưa phát hiện để thường phạt ta  
Nhưng cứ mỗi nhân hư,  
Khi phát lộ ra hành động  
Là một quả thối  
Và ai?  
Chỉ còn biết tham cuồng nông nổi  
Đâu biết đời vốn hư huyễn như một giác Nam Kha  
Gãy cánh dọc đường với bao mặc cảm xót xa  
Vội chán chường nói lên niềm tuyệt vọng  
Nhưng đời! Đâu phải chỉ ngàn ấy niềm vui để sống?  
Vẫn còn nơi bếp lạnh, dù sót lại chỉ một chút than tàn  
Và lòng người mãi miên man như dòng sông  
Thì có đâu phải cạn lòng với biển?”

P.V.S

gì đã khéo léo lách cái ngã mạn, dẫn bớt cái lòng thông? Nơi tham sân si, ái dục). Chưa nói về những ảo tưởng: Mặc được áo nhà tu mà trong lòng chưa hề biết nếm mùi đạo đức, thử hỏi đã đủ tư cách chưa? Khi vào vị trí, mặc nhiên là Cha, là Thầy, rồi hoang tưởng là đạo hạnh, là “kẻ chặn dất”. Chồng thêm hoang tưởng, thì làm sao mà hiểu trách nhiệm? Và chính từ những người ngưỡng mộ tôn vinh dành cho những vị “chặn dất”, đã chọn nhầm người, không đủ phẩm chất đạo đức và nội lực, nên đã vô tình bôi dầy cho cả hai, thêm lớp hoang tưởng rồi dần dà tha hóa.

Bát com nào lại không có trấu, tôn giáo nào lại không bị kẻ lợi dụng bán đạo kiếm ăn. Nếu chưa lãnh hội rõ ràng được một phương thế, để thể hiện một cách tích cực (nhớ đến ngày Đoàn Ngộ nơi sông Mịch La, Khuất Nguyên đã than: “Đời đục cả một

minh ta trong, đời say cả một mình ta tỉnh, ta sống làm gì?”. Nhưng cũng tại bên sông và đã rõ chuyện này, lại có người than ôi: “Ta phải sống! Sống cho đời bớt đi một vết dơ”!

Bà hãy tạm thời kéo con về phía tiêu cực này:

- Thôi! Ai làm nấy chịu, nghiệp báo con ơi! Cứ một lòng một dạ, mạ con mình giữ cho bằng được cái: Chân Thiện Mỹ là đẹp đời.

- Vậy đó chứ! Lưới trời tuy bao la, nhưng khó lọt được con ơi!

Đồng ý chúng ta không thể có quyền tự quyết định: Ai? Thời gian và nơi chốn; để sinh ra ta! Nhưng ta vẫn có quyền thỏa đáng với ta; một thái độ sống, để sống cùng, sống với. Và bất cứ lúc nào, ta vẫn còn được tùy cơ ứng biến ngoi tìm cái sống, tạo một khe hở cho mầm sáng tạo khác nhú lên, hầu thể hiện cái tự vệ, dù có là tiêu cực chăng? Để thể hiện cái hiện sinh được sống còn.

Chân lý vốn là một, đường về chân lý vốn trăm phương vạn nẻo, nhận thức nơi con người đa sắc muôn vẻ nên sự đòi hỏi nhiều tôn giáo chưa hẳn đã là phi lý?

Nhưng riêng tôi: Phật giáo đã cứu tôi ra khỏi một thời bế tắc từ nhiều hiện thực nhiều nhưng trước mắt, kết tụ nơi một công án đề ra: Hai anh em sinh đôi (sinh cùng giờ, cùng tháng, cùng được nuôi dưỡng cùng môi trường và giáo dục, nhưng tính khí vẫn khác nhau và hai thân phận không những khác, mà còn đi ngược nhau)

Trước đây, tôi đã từng:

Đêm ba mươi sao vẫn đốt đuốc chờ

Xuân rồi xuân vẫn chưa thỏa chút ước mơ

Chỉ còn cách duy nhất

Mượn chút luân hồi gỡ rối

Cho bao nỗi đời không còn nhạt mờ nơi cõi tối

Để ngàn năm trước không còn choán lối vạn kỷ sau

Ngay bà với tôi là cùng đạo Phật, nhưng tôi không dừng lại như bà, vì Phật giáo không dừng nơi chỉ là một tôn giáo. Ngoài ra còn là CON ĐƯỜNG SỐNG. Đó mới là điều đáng nói.

Khi Ma Ha Ca Diếp với nhánh hoa vi tiểu (sơ Tổ Thiền tông Phật giáo Ấn) chính đích thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền thừa y bát, đến cả ngàn năm sau tới Đạt Ma Thiền sư (Tổ thứ hai tám Thiền Ấn, vừa là Sơ tổ Thiền tông Trung Hoa), vẫn còn cho là ngoại đạo:

Lặng yên - quán niệm: “Chơn thiền”

Tới cõi giác ngộ - Đạo phần Thiền tông

Cuối đời Phật khẳng định KHÔNG

Bao năm thuyết giảng đã không nói gì!

Tín đồ quả quyết Mâu Ni

Đã truyền Ca Diếp những gì ngài đang...

Đất Trung hoa, Đạt Ma sang

Khi Ngài qua Trung Hoa gặp vua Lương Vũ Đế, vua hỏi:

- Ta đã xây không biết là bao nhiêu chùa chiền, cứu giúp bao nhiêu người đói khổ, như vậy có phải công đức không thầy?

Ngài thẳng thắn trả lời:

- Đó là việc làm của kẻ hữu cầu, không công đức gì hết!

Vua bất mãn vì lời nói không hợp với ý mình, còn thấy tướng của Ngài lại không giống ai, còn thông tay không, bèn hỏi:

- Các pháp sư từ Tây Trúc qua, người nào cũng cả xe kinh sách, nhưng trái lại thầy đây ta chẳng thấy có cuốn nào?

Ngài trả lời :

- Đức Thích ca với bốn chín năm thuyết pháp, Ngài đã khẳng định: - “Ta có nói gì đâu!”, nên giáo lý của ta là: *Bát lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.*

Ngài ra đi.”

(Trích “Trên đời không ai ngu như mi”, từ tập truyện  
“Khung Cửa Học Trò” - PVS)

## *Tạm Mượn Chén Tri Âm*

*Cho dù dưới ánh sáng mặt trời này không có gì là quan trọng chẳng nữa, nhưng ta cũng phải sống thật đẹp như chưa từng bao giờ được sống đẹp – PVS.*

*Đời người là cõi tạm  
Tạm lần nữa cõi đời  
Mượn Trăng mượn Gió... mượn đủ nơi.  
Mượn thêm Em nữa - cho đời trẻ trung*

*Em ơi!  
Được chưa hội đủ để mừng  
Mất đi có lẽ không chừng lại hên.  
Sống để nhớ - để mà quên  
Chấp vào cái Nhớ - rằng Quên: vô thường  
Sống bằng cả một tâm hồn.  
Để đưa khát vọng chốn nơi thỏa nguyện  
Duyên đã tới - Hồn nhiên Xô hay Đón?  
Đừng Biến Tan - khi thể hiện niềm riêng  
Để muôn đời như cánh én liệng báo xuân  
Tình yêu dù mật ngọt  
Cũng chỉ là phù vân - hướng chi duyên nợ*

*Em lại cười:  
Cái Anh này sao cắc có? hay bày trò úp mở*



*Rót trà mời:*

*Xin Em hãy tạm cạn chén Tri Âm  
Hậu chất ngọt nơi cái hương trầm  
Sẽ chặn ngang bờ hư huyền*

*Hãy nhìn những hạt sương trong  
Tách lá cành mong manh  
Rơi vào ngõ hồn Em long lanh - một bức tranh sống.  
Giữa bầu trời trong xanh hy vọng  
Gió giỡn đùa cùng mây trắng lang thang  
Nắng reo vui - chân trời xa óng ánh sợi tơ vàng  
Mưa âm thầm - tưới lên thảo nguyên, đại ngàn xanh ngắt  
Vũ trụ giao hòa - Trăm hoa đua nở.  
Vạn vật mừng reo hơn hờ những khúc riêng ca  
Thế giới giờ đây xích lại - ngồi quanh bên một Chén Trà  
Và Anh đã mời Em  
Tạm Chén Tri Âm - hóa ra hơi sớm.*

*Nhưng cứ uống đi - Biết đâu?  
Những chủng tử tận đáy sâu của hồn Em  
Cựa mình nụ chớm:  
Một Tình Yêu Khát Vọng  
Mãi tâm hồn - không lưu động chút phiền ưu  
Thỏa trang đời - trong góc khuất riêng tư  
Thiên liêng đó  
Làm nên kiệt tác ngàn thu mời đón*

*Sống chưa hẳn đã là còn  
Chết đâu đã hết những tồn tại đâu*

**Phạm Văn Sau**

(Trích trường ca *Muộn Giữa Thu Vàng*)



TÂN BAN TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM Q.8 NHIỆM KỲ IX (2016-2021)

## ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO QUẬN 8 NHIỆM KỲ IX

Sáng ngày 09/9/2016, Đại hội Đại biểu Phật giáo Quận 8 nhiệm kỳ IX (2016-2021) đã được long trọng tổ chức tại chùa Long Hoa (360A, bến Bình Đông P15.Q8) với sự chứng minh của chư tôn đức giáo phẩm và sự tham dự của hơn 500 Phật tử tại địa phương.

**Đại hội có sự chứng minh của chư tôn giáo phẩm:** HT.Thích Trí Quảng - Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh, Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) Thành phố Hồ Chí Minh, HT.Thích Thiện Tấn - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh, HT.Thích

Tịnh Hạnh - Phó Trưởng ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh, HT. Thích Minh Chơn - Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Hoằng Pháp GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh, HT.Thích Như Tín - Phó Trưởng ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh, HT.Thích Huệ Văn - Phó Trưởng ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Chính quyền thành phố:** Ông Nguyễn Ngọc Phong - Phó Chủ tịch UBND TP.HCM, ông Phạm Quang Đồng - Trưởng ban Tôn Giáo TP.HCM.

**Đại diện Đảng và Chính quyền Quận 8:** Bà Đồng Thị Kim Vui - nguyên Bí thư Quận ủy Q.8, ông Trần Quang Thảo, Phó Bí thư TT Quận ủy, ông Bùi Tá Hoàng Vũ - Chủ tịch UBND Quận 8, ông Phạm Ngọc Muôn - Trưởng ban Dân Vận Quận ủy, bà Huỳnh Kim Chi - Chủ tịch UBND TTQ Q.8.

**Chủ tọa đoàn Đại hội gồm có:** TT.Thích Thiện Quý - Chánh thư ký BTS.GHPGVN.Tp.HCM, TT.Thích Quang Thạnh - Phó Thư ký kiêm Chánh Văn phòng BTS.GHPGVN.TP.HCM, ĐĐ.Thích Trung Nguyên - Phó Thư ký kiêm Phó văn phòng BTS.GHPGVN.TP.HCM, TT.Thích Hiền Đức - UV Văn phòng BTS.GHPGVN.Tp.HCM, HT.Thích Thiện Lương - Trưởng ban BTS.GHPGVH.Q8, TT.Thích Thiện Tài - Phó TBTT.BTSGHPGVN.Q8, TT.Thích Huệ Công - Phó TB.BTS.GHPGVN.Q8, ĐĐ.Thích Nguyễn Nhật - Phó TB.BTS.GHPGVN.Q8.

**Ban Thư Ký Đại hội:** TT.Thích Hiền Định - Chánh Thư ký BTS.GHPGVN.Q8, ĐĐ.Thích Từ Tâm - P.Thư ký BTS.GHPGVN.Q8, NS.Thích Nữ Như Nguyệt - Trợ lý Văn phòng BTS.GHPGVN.Q8.

**Ban Kiểm soát Đại hội:** ĐĐ.Thích Phước Hạnh - Trưởng ban Tăng sự BTS.GHPGVN Quận 8, ĐĐ.Thích Phước Thành - Trưởng ban Hoằng pháp BTS.GHPGVN.Q8, ĐĐ.Thích Trí Trường, chùa Lộc Dã.

Từ năm 1983, Phật giáo Quận 8 đã từng bước phát triển và ổn định về mọi mặt, góp phần xây dựng quận 8, đem lại nguồn an lạc và hạnh phúc cho mọi người. Trong nhiệm kỳ VIII vừa qua, Phật giáo quận 8 đã thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước, đồng hành cùng dân tộc theo phương châm “Đạo pháp -

Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Đặc biệt được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Chính quyền các cấp, sự chỉ đạo của Chư Tôn Đức Giáo phẩm giáo hội các cấp, sự đồng tâm hiệp lực của Chư Tôn Đức Tăng Ni các tự viện, cùng sự đóng góp tích cực của quý Phật tử, Phật giáo quận 8 đã gặt hái nhiều thành quả tốt về các mặt: Tăng sự, Giáo dục, Hoằng pháp, Nghi Lễ, Văn hóa, Từ thiện - xã hội.

Đại hội đã thông qua danh sách nhân sự Ban Trị sự GHPGVN Q8 nhiệm kỳ IX (2016-2021) gồm các vị:

**Ban Chứng Minh:** HT.Thích Nhật Hiện, HT.Thích Thiện Lương, HT. Thích Thiện Tấn.

**Ban Cố vấn:** TT.Thích Hiện Đức, TT. Thích Chơn Tịnh.

**Thường trực Ban Trị sự:** Trưởng Ban - TT.Thích Thiện Tài; Phó Trưởng ban Thường trực - TT.Thích Hiện Định; PTB - TT.Thích Huệ Công; PTB - ĐĐ.Thích Nguyên Nhật; Chánh Thư ký BTS - ĐĐ. Thích Từ Tâm; Phó Thư ký, Chánh Văn phòng, ĐĐ.Thích Phước Thành; Phó Thư ký - Ni sư Thích Nữ Như Nguyệt.

**Thành viên Ban Trị sự:** TB.Tăng sự - ĐĐ.Thích Phước Hạnh, TB.Nghi Lễ - ĐĐ Thích Thiên Trí, TB.Hoằng pháp - ĐĐ.Thích Phước Thành, TB.Từ thiên Xã hội - Ni sư Thích nữ Diệu Tường, TB.Kinh tế Tài Chính - Ni sư Thích Nữ Huệ Tuyền, Trưởng ban Văn Hóa - ĐĐ.Thích Thiên Quy, TB.GDTN kiêm HDPT - ĐĐ.Thích Trung Minh, TB.TTTT - ĐĐ.Thích Lệ Quang, TB.Pháp Chế - ĐĐ.Thích Thiện Tài (chùa Phổ Minh), Thủ quỹ - Đại Đức Thích Trí Thanh.

**Ủy viên:** UV. Phân ban Đặc trách Ni giới - Ni sư Thích Nữ Hiền Thủ; **Khu vực 1** (Phường 1, 2, 3) - Đại Đức Thích Chơn Pháp, Chùa Vạn Hải P.3; **Khu vực 2** (Phường 4, 5) - ĐĐ. Thích Thiện Quy, chùa Linh Bửu P.5; **Khu vực 3** (phường 6,7) - ĐĐ.Thích Thiện Phước, chùa Từ Quang, P.7; **Khu vực 4** (phường 9, 10) - ĐĐ.Thích Thiện Tài, chùa Phổ Minh P.9; **Khu vực 5** (phường 11, 12, 13, 14) - ĐĐ.Thích Lệ Trí, chùa Pháp Minh P.14; **Khu vực 6** (phường 15, 16) - Ni Sư Thích nữ Như Nguyệt, chùa Viên Giác P. 16.

THÍCH NỮ HIỀN THỦ



## TRUNG THU CHO TRẺ EM NGHÈO

Đêm Rằm Trung thu (15/8/ Bính Thân), chùa Linh Bửu đã kết hợp với UBND Phường 5, Quận 8 tổ chức chương trình “Đêm Hội Trăng Rằm” cho 200 thiếu nhi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn phường (có sự chung góp của đặc san Hương Thiên).

Chương trình gồm hoạt cảnh Chú Cuội - Chị Hằng, ảo thuật và trao quà tặng, gồm: Lồng đèn, bánh Trung thu, mô hình đồ chơi xếp chữ. Ngoài ra, chùa Linh Bửu còn trao 30 suất học bổng cho học sinh nghèo, hiếu học.

Phát biểu tại buổi lễ, TT. Thích Thiện Tài - Trụ trì chùa Linh Bửu cảm ơn UBND, các ban ngành đoàn thể đã quan tâm đến Tết Trung thu của thiếu nhi tại địa phương, đồng thời khuyến tấn các em cố gắng vượt khó học tập lao động, trở thành con ngoan trò giỏi và chúc tất cả cùng chung hưởng đêm Trung thu an lành.

M.K

## Người Thầy Đáng Kính



TT. THÍCH THIỆN TÀI

Lần đầu tôi đến liên hệ công việc với chùa Linh Bửu (tọa lạc tại 71/9 Bông Sao, phường 5 Quận 8) vào năm 2002. Kiến trúc của ngôi chùa lúc ấy khá khiêm tốn, công trình xây dựng lớn nhất là ngôi chánh điện một tầng còn đến ngày hôm nay. Trụ trì là Đại đức Thích Thiện Tài.

Chúng tôi hồi đó chưa già lắm, xấp xỉ 50 tuổi, đồng trang lứa, tính tình có những điểm hợp nhau nên giữa thanh thiên bạch nhật, danh nghĩa của chúng tôi là thầy trò nhưng trong tình cảm đời thường tôi được thầy xem là bằng hữu.

Suốt 15 năm, chúng tôi gắn bó với nhau trong công việc, trong giải trí thơ văn và những chuyến công tác Phật sự kết hợp với tham quan. Không thể quên những ngày mưa dầm ở Bình Phước trong một đợt cứu trợ, quên sao được chuyến đi Núi Bà Tây Ninh, hơn sáu giờ chiều mà vẫn còn ở trên đỉnh núi, hết giờ chạy của cáp treo, mấy thầy trò đành phải chống gậy, lội bộ xuống núi trong cơn mưa rừng.

Nhiều người khi giao tiếp với Thượng tọa Thích Thiện Tài đều có cùng một nhận xét: Tính tình hòa nhã, mềm mỏng, hiếu khách. Quan niệm sống của thầy là “dĩ hòa vi quý”, luôn đem lại niềm vui cho mọi người, nhẹ nhàng khi giải quyết sự việc và hào phóng khi làm công tác từ thiện xã hội.

Nhớ lúc UBND Quận 8 tạm giao phần đất trống trước chùa phía bên kia đường, thầy đã nảy sinh ý tưởng làm một sân chơi cho thiếu nhi. Kinh phí để xây dựng sân chơi xấp xỉ tròn một trăm triệu đồng. Biết bao nhiêu công sức để xây dựng khu giải trí này, thế mà thầy vẫn vui vẻ bàn giao cho chính quyền địa phương để tiến hành công trình giải phóng mặt bằng xây đường giao thông. Vừa qua,

chùa Linh Bửu đã được công nhận là một trong 100 ngôi chùa đẹp nhất nước.

Những năm sau này không biết từ đâu, cảm hứng văn thơ đến với thầy. Với dòng thơ lục bát ngọt ngào và mượt mà, ngôn từ giản dị, thầy đã sáng tác và xuất bản nhiều tập thơ như *Xả mê từng giác*, *Pháp âm bi nguyện*, *Lời mẹ ru con...* chủ yếu là đem những lời Phật dạy, giáo lý nhà Phật chuyển thành câu lục bát bình dị cho Phật tử tu học. Thầy còn viết văn xuôi và cũng đã xuất bản một số truyện ngắn như: *Bạn đời*, *Trải nghiệm đời tu*, *Tinh mộng*,... Khi sáng tác thì rất đam mê, có lần thầy quên ăn đến ba ngày để hoàn thành một tập thơ.

Hoạt động từ thiện của thầy rộng khắp, từ khu phố, phường, quận, thành phố cho đến các tỉnh bạn. “Khách hàng” của thầy quá nhiều cho nên có những lúc thầy tâm sự là đôi khi phải vay mượn mới đủ kinh phí để đáp ứng nhu cầu. Tuy bận bịu nhiều việc, thầy vẫn giữ chức vụ Chi hội trưởng Chi hội Chữ Thập Đỏ chùa Linh Bửu, thầy vẫn đều đặn tham gia hội họp với phường nhà trong cương vị là phó chủ tịch Hội khuyến học, là Đại biểu HĐND Phường 5...

Kể từ lúc thầy về trú xứ chùa Linh Bửu đến nay (2016) là 27 năm, thầy vẫn là vị thầy tu khổ hạnh, ăn uống khiêm cung và nhẫn nhục trong xứ thế. Thầy dạy hàng đệ tử luôn lấy chữ “Nhẫn” làm đầu trong tu học. Mỗi tối Chủ nhật thầy đều có buổi thuyết giảng Phật pháp cho hàng Phật tử tại gia; tuy vậy, đối với tôi thì bài pháp “thân giáo” của thầy là quan trọng nhất, đáng để chúng tôi học hỏi nhất! Từ ngôi chùa lá cho đến hôm nay là ngôi đại hùng bảo điện Linh Bửu thầy đã tích cực sinh hoạt trong Giáo hội địa phương, vì thế trong nhiệm kỳ mới 2016 - 2021, thầy đã được Giáo hội, chính quyền và đoàn thể tín nhiệm, đề cử vào vị trí Trưởng ban Trị sự GHPGVNQ.8.

Kính chúc Thượng tọa Thích Thiện Tài, một vị thầy đáng kính, luôn thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành.

NGUYỄN DU

*Rồi Cũng Như*



*Rồi cũng như đá sỏi  
Nằm ngơ ngác bên nhau  
Nhìn nhau buồn không nói  
Mặc con sóng dạt dào*

*Rồi cũng như màu nắng  
Rộn ràng buổi ban mai  
Hắt hiu khi chiều xuống  
Tàn phai trong đêm dài*

*Rồi cũng như màu lá  
Chiếc lá úa chiều đông  
Phát phơ trên bờ cỏ  
Đợi về cội hư không*

*Rồi cũng như màu hoa  
Thanh xuân khi hé nụ  
Rồi cũng sẽ phai pha  
Khi hoàng hôn gõ cửa*

*Rồi cũng như màu mắt  
Như vòm trời xanh blue  
Vừa chứa chan khát vọng  
Vừa ngập tràn ước mơ*

*Rồi cũng như hiện hữu  
Những màu đời chói chang  
Thấy đó rồi mất đó  
Hợp - tan lẽ vô thường...*



*Ngày Mùa Đông Không Em*

*Em không cần lời hứa  
nên tình ta bể dâu  
đi - ở  
bao lần nữa  
cho rưng rưng  
mắt sầu.*

*Em ngày xưa tóc bím  
mắt xinh và hiền ngoan  
ta thương bờ môi chín  
ai biết rằng...  
đã đoan.*

*Ngày mùa đông ngập gió  
đàn chim miên di rồi  
Em vai gầy bé nhỏ  
đi...  
bỏ chiều  
hoang vu.*

*Lá cũng bỏ mùa thu  
sương lặng im lờỉ cỏ  
ta thành người lữ thứ  
ôm mùa đông co ro!!!*

## *Khi Về Già*

Minh sẽ tìm mua một căn nhà cấp bốn xinh xắn ở vùng ngoại ô thành phố. Sân phía trước mình treo những giò phong lan đầy chủng loại màu sắc, thiết kế một hòn non bộ nho nhỏ có nước suối róc rách chảy, có những chú cá be bé bơi tung tăng, bài trí vài chậu bon sai, đặt một chiếc xích đu nơi cuối góc sân. Sát ngoài hai bên cổng, mình trồng một cây hoa ngọc lan và một cây sa kê (ngọc lan cho hoa để ướp trà và sa kê cho trái để ăn). Sân phía sau, mình cất một cái chòi nuôi vài con gà, trồng vài cụm rau xanh, vài cây ăn trái: xoài, ổi, bưởi... mỗi loại một gốc (những buổi nắng hanh, mình sẽ mắc võng dưới tán cây tha hồ mà đong đưa và làm thơ).

Thi thoảng, mình sẽ kéo những người bạn già về nhà, mình sẽ đãi họ đậm đà tình nghĩa bằng rượu do chính tay mình nấu từ thứ gạo nếp than thơm lừng và nhấm nháp các món mỗi bình dị dân dã của cây nhà lá vườn xanh sạch, cùng tán gẫu với nhau đủ thứ chuyện trên trời dưới đất của hôm qua và hôm nay, sự thăng trầm thịnh suy của đời người, sự đổi thay biến hóa của cuộc sống, sự bạc bẽo móc meo về thể thái nhân tình...

Khi vui, mình sẽ điện thoại hẹn hò cùng người tri âm tìm một quán sân vườn thơ mộng nào đó vừa uống cà phê, vừa nghe nhạc, có khi là chuyện trò thân mật, có khi chỉ là yên lặng nhìn nhau rồi mỉm cười băng khuâng...

Những lúc buồn, mình sẽ ngồi vào bàn (được đặt ngay cửa sổ) ngóng mắt ra phía ngoài cổng nhìn lá rụng, mây trôi, rồi viết văn, làm thơ (thứ tinh thần đầy phù phiếm với tiền nhuận bút có khi không đủ trả cho châu cà phê cùng bạn bè nơi quán cóc,

nhưng nó lại được chất lọc bằng cảm xúc chân thành từ tim óc của những người vương nợ thi ca).

Nếu hứng chí, vui vẻ, mình sẽ cười “con ngựa sắt” làm một chuyến du lịch ba lô, có thể lên rừng nghe chim kêu vượn hú, nhìn suối uốn lượn quanh quanh, có thể ra biển nhìn trăng sao trên bầu trời buổi tối, ngắm những con sóng bạc đầu va đập vào bờ lúc con nước lên...

Thấy nhớ đến các cháu gọi bằng nội, bằng ngoại, mình sẽ đến nhà con trai, con gái thăm chúng. Mình đưa các cháu đi thảo cầm viên nhìn con khỉ chuyền nhau trên cành, nhìn con voi phe phẩy cái vòi, nhìn con cọp ngủ ngày thất chí. Mình dắt các cháu đi ăn kem, gói cuốn, bò bía, sau đó cho chơi thú nhún, nhà banh, tô màu...

Mình sẽ sống thiện hơn, sống chậm hơn, chiêm nghiệm nhiều hơn, tịnh tâm nhiều hơn, thỉnh thoảng nếu được dư dư ít tiền mình sẽ gửi một chút (gọi là tấm lòng) cùng những tấm lòng thơm thảo khác làm vài chuyến thiện nguyện thăm tặng quà những người dân còn nghèo khổ, khốn khó ở vùng sâu vùng xa.

Nếu thấy lạc lõng cô đơn quá, mình sẽ lau dọn lại bàn thờ, lau lại khung ảnh của ba mẹ, ông bà, thay mới lại bình hoa, chun hương, đốt vài nén nhang xá lạy tổ tiên trên trước để nghe tâm mình bình, trí mình an, để tạ ơn ba mẹ đã luôn phù hộ cho mình qua bao tháng năm tồn tại với trần gian dù có như thế nào thì cuối cùng mình vẫn ôn.

Mình sẽ tùy theo khả năng và sức khỏe mà tự chăm lo lấy bản thân và cuộc sống của riêng mình, cố gắng không làm gì phiền hà đến con cháu, mình cũng không cần phải như xưa cứ âm thầm ôm hết mọi việc lớn nhỏ vào người vì cứ sợ chúng chật vật và không đủ khả năng gánh vác, lo toan.

Mình sẽ sống đây bình lặng và thật an nhiên khi về già. Đơn giản chỉ vậy thôi, Để à...

H.C.Đ

## *Vô Thường*

*Từ ngày biết cõi vô thường  
Trắng, đen là một bức tường không tên  
Nên đành ở vậy mình ên  
Cười vui điên dại vững bền chữ Tâm  
Mặc đời tranh chấp thăng trầm  
Miếng ăn qua bữa âm thầm nghĩ suy  
Hương mình thơm giọt từ bi  
Dám đâu lấp biển so bì, hơn thua  
Chợ đời kẻ bán, người mua  
Ta về nhàn hạ dệt mùa yêu thương*

## *Mưa Trên Lối Cũ*

*Ta về qua lối cũ  
Đầu xưa còn quanh đây  
Ai, như là kỷ niệm?  
Xa xa, đáng hao gầy*

*Ngồi xuống đây cùng ta  
Áng mây chiều phiêu bạt  
Mơ màng nghe gió hát  
Khúc tự tình xa xăm*

*Đâu có là trăm năm  
Cũng con thuyền trôi nổi  
Mưa mù giăng ngập lối  
Nỗi buồn nấp vào đâu?*

*Nỗi buồn dạt xô nhau  
Gần một đời hương lửa  
Hàng cây đâu có khóc  
Sao lá trút như mưa?*

## *Từ Truyện Cổ*

### *“Người Làm Mặt Nạ”*

Một trong những nhu cầu cần thiết cho tuổi thơ là được đọc, được nghe kể truyện cổ. Truyện cổ là một “món ăn tinh thần” không thể thiếu nơi mỗi người - nhất là giai đoạn tuổi nhỏ. Tuy vậy, ít người quan tâm tới tính giáo dục, mức độ ảnh hưởng của các câu chuyện này đến đời sống của trẻ; trong hiện tại, và cả ở tương lai. Chính vì sự liên hệ giữa truyện cổ và người đọc (hay các loại truyện mới viết, để giải trí v.v...) một cách rất trực tiếp và mật thiết, nên rất cần có sự chọn lọc, hướng dẫn, giám sát của các bậc phụ huynh.

Trong kho tàng truyện cổ Việt Nam (và các nước) có rất nhiều câu chuyện hay, sâu sắc, có tính giáo dục cao - rất cần cho trẻ (và cả người lớn) đọc. Có một câu chuyện tôi được nghe kể rất lâu, nhưng mãi theo tôi trong suốt cuộc đời. Tôi thường nhớ lại, chiêm nghiệm, áp dụng trong đời sống của mình: Đó là chuyện “*Người làm mặt nạ*”.

Ngày xưa, tại một kinh thành, có người đàn ông sinh sống bằng nghề chế tạo mặt nạ. Nhà ông bày la liệt những khuôn mặt bằng giấy cứng đủ loại tướng mạo màu sắc lòe loẹt, lúc nào sơn mực cũng bừa bãi khắp phòng.

Lúc ấy ông đang nhận làm một mặt nạ ác quỷ Dracula cho một đoàn kịch lớn. Suốt mấy ngày đêm hì hục tô vẽ, cố gắng làm nổi bật những nét đanh ác, ma quái cho khuôn mặt quỷ. Tinh cờ, một người bạn đến thăm, nói chuyện quanh co một hồi; người bạn ngạc nhiên thấy vẽ mặt chủ nhân có chiều bực bội, hắc ám - liền hỏi:

- Đạo này tôi thấy sắc khí anh hơi sút kém, hay anh có việc gì bức mình?

- Không có gì cả...

Người bạn không tin hỏi lại:

- Có thật không anh?

Cuộc nói chuyện mất hẳn hứng thú, nên một lát sau, người bạn đứng lên xin cáo từ.

Bẵng đi một thời gian khoảng nửa năm, người bạn lại có dịp đến thăm người làm mặt nạ. Vừa trông thấy chủ nhân, người bạn reo lên mừng rỡ:

- Ô! Lúc này trông anh hồng hào tốt tướng hơn trước nhiều. Chắc hẳn anh đã được nhiều điều may mắn, hạnh phúc phải không?

Chủ nhân vẫn tỉnh bơ, đáp:

- Không có gì lạ cả bạn ơi!

Chủ nhân thật không hiểu được vì sao người bạn có nhận xét lạ lùng như vậy? Dần dần, ông mới vỡ lẽ ra rằng: Vì nửa năm trước làm mặt nạ quý, suốt ngày cứ tưởng tượng hình ảnh nhe nanh, trợn mắt, thè lưỡi, các tướng mạo hung ác dữ dằn để làm mặt quý cho thật giống. Vì thế vẻ mặt ông cũng biểu hiện, những nét giận dữ hung tợn, người nhút nhát trông thấy cũng phải sợ! Sau đó nửa năm, ông nhận làm mặt nạ một vị công thần, chính trực, và đức độ. Ông miệt mài tìm những nét thanh cao, khả ái, để thể hiện những đức tính đặc biệt này. Vẽ làm sao để ánh mắt đầy nhân từ và công chính, tô khéo đến mức nào để có đôi môi hiền hòa nhưng cương nghị; nụ cười độ lượng mà vẫn uy nghiêm. Ngày đêm chỉ liên tưởng đến đề tài sáng tạo này, nên tự nhiên bên ngoài toát ra vẻ từ ái, nhu hòa. Khuôn mặt ông cũng hiện nét tươi vui, hạnh phúc. Khiến người gặp cũng hân hoan, thân thiết. Đến lúc khám phá ra điều này, người làm mặt nạ trầm nghĩ: “*Những gì tâm ta nghĩ ngợi, toan tính, đều được biểu lộ ra ngoài dung mạo... Từ nay, ta nhất định không làm mặt nạ loài ác quỷ nữa!*”.

Tâm dẫn đầu các pháp.  
Tâm làm chủ, tạo tác.  
Nếu nói hay hành động,  
Với tâm niệm bất tịnh,  
Khổ não liền theo sau,  
Như xe theo bò vậy.

Tâm dẫn đầu các pháp.  
Tâm làm chủ, tạo tác.  
Nếu nói hay hành động,  
Với tâm niệm thanh tịnh,  
An lạc liền theo sau,  
Như bóng chẳng rời hình.

(KINH PHÁP CÚ)

Khuôn mặt, tướng mạo - và cả các cử chỉ, ngôn ngữ nữa - là tấm gương phản chiếu trung thực nhất tâm địa của con người. Khi tâm ta trong sáng, yên tịnh, thuần thiện; thì sắc tướng cũng sẽ biểu lộ nơi ta đầy đủ đức tính ấy - như một tấm gương phản chiếu. Ngược lại, trong tâm đầy rẫy thủ đoạn, xấu ác, ích kỷ (v.v...) thì làm sao tránh khỏi sự phản chiếu trung thực của tấm gương tướng mạo bên ngoài? Nếu cứ cố ngyạo tạo cái dáng vẻ hiền từ, đạo đức, đạo mạo (v.v...) thì chỉ che mắt người nông cạn trong giây phút mà thôi!

Chính vì thế, một trong những phương cách “*làm đẹp*” khuôn mặt, sắc tướng - không phải là son phấn, áo quần, trang điểm (v.v...) mà là giữ tâm thuần thiện, từ ái, nhu hòa; luôn nghĩ và làm điều tốt đẹp cho mình, cho người. Luôn tỉnh giác “*cột tâm một chỗ*” - thì sẽ có nét đẹp mà tất cả mọi người đều quý mến, tôn trọng. Như một đóa hoa, có hương, mà cũng có sắc. Người xưa thường nói “*Tâm tướng bất ly*” là vậy.

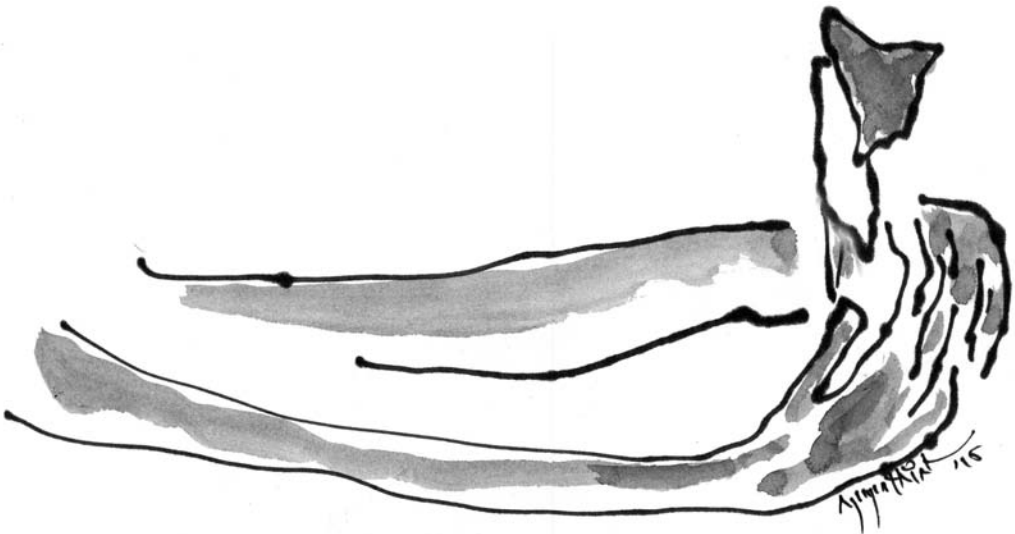
Những truyện cổ - nhiều người chỉ nghĩ là để giải trí, đọc gì cũng được; nhưng thực tế, có tầm ảnh hưởng rất sâu rộng, lâu dài trong đời sống sau này. Muốn giáo dục học sinh, con cháu cho được tốt đẹp, nên người lương thiện, hữu ích - điều trước tiên theo thiên ý, là nên quan tâm tới việc giải trí cho chúng - trong đó có chuyện cổ...

M.V.L



## *Bước Tình Liêu*

1. Yêu tôi là một tiểu thư  
Tiểu – thư – quyền – phép – chối từ được đâu!  
Tôi quý dâng trái tim đau  
- Thưa em, tôi sợ mai sau... tình buồn!  
Tiểu thư chớp mắt đổi hờn  
Tôi nghe trời đất quay cuồng... sắp tan!  
Và tôi rất đổi hoang mang  
- Thưa em... đừng chết! Thưa nàng... tôi yêu!
2. Tôi đi theo cuộc tình liêu  
Dắt em lội suối, vượt đèo, băng trường  
Đi theo tôi – cuộc tình buồn  
Té lên ngã xuống đời thường áo com  
Theo tôi đi – cuộc tình hờn  
Tiểu thư sạm nắng gầy nhom tội tình.



## *Trên Phố Mùa Đông*

*Một mình ra phố chiều nay  
Bước chân ngập ngừng nghe lạ  
Đông về như là hồi hải  
Tóc buồn quán lấy heo may*

*Hương nồng ủ ấm đôi tay  
Tìm anh thân thờ phố vắng  
Tương tư mây chiều bảng lảng  
Lạnh lòng mưa ướt bờ vai*

*Con phố mưa buồn lay phay  
Còn đây dấu chân kỷ niệm  
Em hoài lang thang tìm kiếm  
Nơi đâu góc nhỏ anh ngồi*

*Người về có một lần thôi  
Không dung em nghe thềm khóc  
Như sương mỏng man làn tóc  
Nỗi buồn thấm đẫm trong tim*

*Mùa đông con phố lặng im  
Hàng me buông lời tình tự  
Chờ bước chân người viễn xứ  
Một lần trở lại tìm em...*

## *Ẩn Hương*

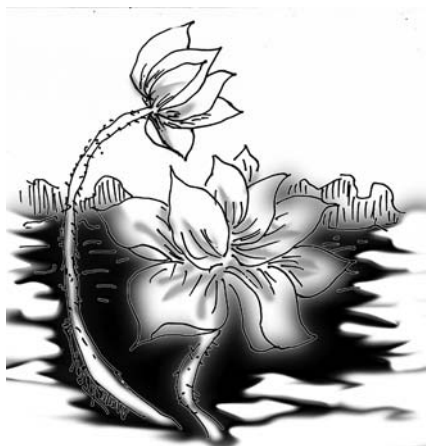
*Tìm người chỉ thấy bóng tôi  
Đi lang thang giữa dòng đời mộng du  
Một mình lạc chốn phù hư  
Bay tà áo mỏng nhẹ như tơ ngà.*

*Tìm nhau suốt cõi Ta bà  
Một tôi chiếc bóng la đà mù sương  
Nhập thiền còn vọng hồi chuông  
Bao kinh kệ cũng vô thường sắc không.*

*Tìm em bụi đỏ nắng hồng  
Ghènh xa sóng vỗ phiêu bồng tuổi mây  
Cuối mùa hoa rụng lá phai  
Nóng sâu nước cuốn tình say đôi bờ.*

*Tìm trong vạn quyển thiên thư  
Không bằng chớp mắt hồ thu em cười  
Chút tình muôn dặm biển khơi  
Tóc xưa còn giữ mấy lời ẩn hương?*

## Ký Ức Những Năm Tháng Không Quên



Những năm đầu sau giải phóng, cuộc sống thật khó khăn. Giáo viên chúng tôi mỗi tháng được cấp 13kg gạo, có lúc phải ăn độn khoai mì, bo bo... Nhu yếu phẩm chia nhau, có khi hai tháng mới có ống kem đánh răng... “*Bản cùng sanh đạo tặc*”. Đạo tặc ấy cứ trộm đồ đạc của tôi, khi thì cái mền, lúc thì cặp vở xe mới mua. Không có thì vợ vét

cả dầu ăn, bột ngọt.. Mỗi lần bị trộm, tôi cứ cười. Tôi nói với bạn cùng phòng: “*Kiếp trước chắc mình nợ họ nên giờ họ lấy đồ trả!*”. Sau đó, một đồng nghiệp giao tôi về ở căn phòng 12m<sup>2</sup>, khi bạn lấy chồng. Từ đó tôi sống rất vui, vì xung quanh đều là giáo viên, đồng nghiệp với mình. Phải sống xa gia đình mà tôi không buồn, bởi hôm nào rảnh thì chúng tôi kéo vô một phòng tán gẫu, cười đùa với nhau. Đồng nghiệp nào bệnh thì được chúng tôi chăm sóc: Cạo gió, nấu cháo cho ăn. Bây giờ về nhà mình, lúc bệnh kiếm không ra người cạo gió, tôi lại nhớ bạn mình quá!

Mùa mưa, buồn không ra ngoài đi chơi được, chúng tôi hê nhau, ai có gì mang tới phòng tôi hoặc phòng bạn nấu chè. Kẻ góp đậu, người mang đường... Chỉ một lát sau, chúng tôi đã

cùng nhau si sụp bên chén chè nóng hổi, vừa thổi vừa ăn. Những đêm có trăng, mới lĩnh lương, chúng tôi rủ nhau ra ngoài ô uống cà phê, lên nghe Khánh Ly hát nhạc Trịnh. Đi bằng xe đạp rất xa. Khuya về, trăng sáng vàng vạc, rủ nhau đi bộ vừa đi vừa hát nghêu ngao. Niềm hạnh phúc đó không thể nào tả được. Giờ có mua lại bằng vàng cũng không thể có! Lòng tôi như chùng xuống khi nghĩ đến điều này. Nhớ bạn bè ngày xưa quá đi!

Sống khổ, thiếu thốn mọi điều mà vẫn vui, có lẽ nhờ chúng tôi biết chia sẻ, đùm bọc nhau như ruột thịt trong nhà. Chủ nhật nào không về Sài Gòn, mỗi đứa hùn một lon gạo mang đi xay bột, đổ bánh xèo ăn tới tối luôn. Đến sinh nhật bạn thì mỗi người làm một món cùng nhau ăn. Vui nhất là cùng nhau tổ chức văn nghệ, uống cà phê, ca hát tới khuya. Hồi đó, tôi gầy nhom, chỉ nặng 35kg, vậy mà có hơi, hát được đến những mấy bài. Lúc ngành Giáo dục tổ chức thi văn nghệ, bạn nào cũng tham gia hò hát thật vui. Noel dạy ở Biên Hòa xứ đạo, bạn bè Sài Gòn cũng lên chơi với bọn mình vì thân quá!

Năm tháng trôi qua... Giờ thì ai cũng về Sài Gòn, chỉ còn vài bạn ở Biên Hòa. Ai cũng là ông, là bà của các cháu, chỉ còn tôi và một bạn là không có gì thay đổi! Mới đó mà gần bốn mươi năm rồi. Chúng tôi đang tuổi hoàng hôn, vài bạn cũng đã ra đi. Muốn gặp lại nhau cũng hiếm hoi, muốn bù khú với nhau hay đi nghe nhạc càng khó hơn. Ai cũng bận, người kiếm tiền trả nợ, kẻ phải ở nhà trông cháu, đứa rảnh thì sức khỏe lại có vấn đề...

Ôi, tôi nhớ các bạn thân thương lắm! Dù năm tháng trôi qua, vật đổi sao dời, tóc xanh giờ điểm bạc, nhưng kỷ niệm của những ngày gian khổ ấy không bao giờ quên, tình cảm tôi dành cho các bạn vẫn như xưa. Tôi không có gì để cho bạn bè ngoài nụ cười thật tươi, tiếng cười giòn giã, ánh mắt vui và đôi khi là tiếng hát...

P.T.K

## *Khi Trở Lại Sài Gòn*

*Ta về tìm kiếm lại  
Những kỷ niệm ngày xưa  
Áo trắng thời xa ngái  
Niềm vui nói sao vừa!*

*Hàng cây già dầu dãi  
Trăm năm nơi phố này  
Mặt người, xe qua lại  
Và đời bao đổi thay*

*Đôi tay ta chai sạn  
Cũng trắng mộng bình thường  
Công việc hoài lận đận  
Nên một thời rách bươm*

*Cuộc đời ta vất vả  
Nhưng tình yêu tràn đầy  
Một hôm đời bỗng lạ  
Em và ta đắm say*

*Nhớ cuộn về như lũ  
Ta đi trong gió chiều  
Nghe thanh âm ngày cũ  
Đầy bóng mình liêu xiêu.*

## *Mù Khơi*

*ta đau cỗi nhớ từng ngày  
ngồi nghe tĩnh lặng rất đày đọa nhau  
thuyền tình lạc bến chênh chao  
giọt tung trắng xóa những khao khát thâm*

*lòng hoang lạnh giá rét căm  
ngóng thương hình bóng xa xăm một thời  
bây giờ tất cả mù khơi  
người đi để lại chơi vơi nỗi buồn*

*tay cầm quá khứ lệ tuôn  
tràn tung tủi hận khóc cuồng loạn điên  
cong mình gánh nỗi niềm riêng  
bàn chân tê cóng giữa triền trăm năm!*

*đêm về dõ giấc ngủ căm  
chiêm bao chỉ thấy mình thăm chính mình!*

## *Tĩnh Mộng*



Bữa nhậu đã tan, Hùng đứng dậy và ra khỏi quán cóc. Trời đã tắt nắng từ lâu, chân trời tây đã lấp lóe chòm sao Trinh Tiết (Xử Nữ)... Thì ra đã vào tháng Chín! Số tiền dành dụm đã gần hết, anh thờ dài ngao ngán. Tình đã đi xa, số tiền dự định làm lễ cưới đã tiêu tan theo men rượu quên sầu nay sắp cạn, cảnh cơ cực sẽ đến nay mai gần kề. Về nhà ư? Một bà mẹ già khó tính mắng chửi suốt ngày đêm khi thấy mặt anh về, chuyện hư đồn khiến Hùng chẳng muốn trở về nhà. Hôm nay đành làm một đứa con bất hiếu chăng? Tiền ở đâu ra khi chẳng còn ai dám mượn một thanh



niên gân như thân tàn ma dại? Nghĩ đến cái chết nhưng anh cũng không nỡ để lại bà mẹ già cô đơn không còn ai nương tựa lúc xế bóng tàn canh. Hùng chột khóc nức nở như một đứa bé lạc mẹ ngồi bên vệ đường vắng vẻ. Thình thoảng có người đi qua nhìn thấy Hùng, họ tỏ vẻ khinh bỉ chê cười. Mặc kệ họ, Hùng vẫn úp mặt vào tay khóc. Trong số bộ hành cũng có một người thương hại liền hỏi:

- Anh ơi! Có việc gì cần giúp chăng?

Hùng nhìn lên thì ra là một thanh niên đồng trang lứa với mình, anh đáp:

- Dạ... Thú thật với anh, tôi muốn chết nhưng chưa thể vì còn mẹ già!

- Ôi... Có gì phải buồn, mình còn trẻ thì thiếu gì cơ hội để lo việc lâu dài! Hình như anh vừa trong quán cóc đằng kia mới ra thì phải?

- Dạ... Tôi có uống một ít nhưng nhớ lại lời mẹ cấm, tôi cảm thấy hối hận!

- Ô... Anh cũng là đứa con có hiếu đấy! Tôi ước gì có được một người mẹ như anh, mẹ tôi đã mất từ khi tôi được mười tuổi. À mà nhà anh ở đâu, tôi đưa về cho.

- Cảm ơn anh. Nhà tôi ở cuối ấp này, gần bờ sông. Tôi tự đi một mình còn được mà!

- Trời chưa khuya, anh đi chơi với tôi một đoạn, chúng ta vừa đi vừa nói chuyện để tỉnh táo và giải buồn nhé. Tôi tên là Duy, còn anh tên gì?

- Tôi tên Hùng!

Hùng đứng dậy và theo Duy, cả hai vừa đi vừa chuyện trò. Cả hai cùng đi bộ khoảng vài trăm mét liền rẽ trái vào xóm. Nhìn từ xa một ngôi nhà gạch đã thấp đèn ỉn hiện mờ mờ sau chòm cây, Duy nói:

- Nhà của mình đó, mời anh vào chơi cho biết, lát nữa về nhà cũng gần!

Vì mới quen nên Hùng cũng cảm thấy ngại nói:

- Đến đây cũng được rồi, mai một Hùng ghé thăm bạn!

Duy có vẻ buồn:

- Tiếc quá, ngày mai nhà mình dời đi rồi. Nơi ở mới xa lắm, không còn dịp nào nữa đâu!

Thình lình có tiếng một cụ già bên trong gọi:

- Duy à! Có bạn ghé thăm phải không? Cháu mời khách vào cho vui, nhà đang thiếu tay ngồi “chén”!

Nghe đến ngồi chén, con ghiền nổi lên, Hùng nói với Duy:

- Được, mình vào cho vui thôi nhé! Mình cũng đã hết tiền rồi!

Bước vào nhà, Hùng đã thấy một cảnh vui hiện ra trước mắt: Một cụ bà và một người đàn ông khoảng hơn năm mươi, nét mặt cả hai đều phúc hậu hiền từ đang nhìn Hùng tươi cười, Hùng nói:

- Cháu chào bà, cháu chào bác!

Duy nói:

- Thưa nội, thưa ba, con mới quen anh Hùng trên đường về, thấy ảnh buồn nên nói chuyện cho vui, sẵn đường mời ghé thăm nhà!

Bà cụ cười nói:

- Hi hi... Thanh niên mà buồn chỉ cho mệt! Chắc bị người yêu cấm sùng phải không, để bà giới thiệu con Nương cháu của bà, là em của thằng Duy, nó đang đi du học, để bà nhắn tin cho nó, rồi nếu ưng ý hai đứa sẽ tiến đến sau, mà cháu họ gì?

- Thưa, cháu họ Lý.

- Nhà này họ Lê, thật cũng tốt, giống ý nhau vì cùng có chữ “mộc”. Hi hi...

Ba của Duy nói theo:

- Hôm nay vui về, cháu ngồi chơi chút nữa về!

Duy đem trà rót vào tách mời:

- Anh Hùng dùng trà này sẽ tỉnh giải rượu tốt lắm, trà này

do nhà chế biến đó!

Hùng cảm ơn và cầm tách uống thử từng ngụm nhỏ. Thật là tuyệt, như lời giới thiệu của Duy, Hùng nghe vừa thơm vừa mát, anh cảm thấy khoẻ cả người.

Bà cụ rút trong túi ra bộ tứ sắc vừa trên bàn sắp xếp lại gọn trong tay, Duy và người cha cũng ngồi vào bàn thành bộ tứ. Ông thò tay vào túi rút ra một xấp tiền Việt và đồ la đưa cho Hùng nói:

- Bác biết là cháu không có tiền, bác tặng cháu dùng để chơi bài. Nếu thắng là của cháu, nếu thua thì coi như trả lại bác chẳng có sao đâu, cháu đừng ngại!

Duy nói:

- Anh Hùng nhận đi, nếu thắng lớn thì trả vốn coi như sính lễ. Hi... hi...

Hùng miễn cưỡng nhận số tiền! Bà cụ vừa chia bài vừa nói:

- Nhà hai đảng gần nhau nên đưa rước dâu hai họ khỏi thuê xe, mình đi bộ che dù quay phim cảnh rất đẹp. Em gái thằng Duy chọn lựa đã lâu nhưng chỗ này chắc là vừa ý!

Hùng đỏ mặt:

- Thưa.... Cháu không dám cả gan đâu, cháu phải thưa lại mẹ để biết!

- Ô.... Giờ này mà còn được thanh niên hiếu thảo như cháu quả là hiếm có, thật quý hóa thay, tụi trẻ đời nay gần như hồng bét!

Cả bốn người cùng xòe bài, sắp xếp, ra quân... Bà cụ cười, thảy ra quân bài và nói:

- Hi.... Cháu Hùng buồn lòng như vết thương đau xát muối nghe “rát” chín chiều quá nè!

Ba của Duy nói:

- Cây muốn tươi tốt phải cần rễ, rễ thật là phương phi tuần tú ai cũng khen “anh Hùng” tốt tướng! Oan bốn nè! Tám “lịnh”.

Duy cũng phụ họa:

- Học tới chốn tới nơi mà tình duyên công danh trắc trở, cảnh nhà nghèo tạm thời trữ đỡ muối đầy “khạp” nè! Ba “lịnh”.

Hùng chữa thẹn:

- Chuyện cháu có khác, đón rác của bà, đôi giận làm vui, giờ cháu xin “khui”... bốn “lịnh”. Tới!

Bà cụ, Duy và người cha khen:

- Hay lắm, nếu ở Huế còn vua thì cháu Hùng đi thi thế nào cũng đỗ, bỏ làm nhất phẩm triều đường. Hi hi...

Cứ thế nguyên cuộc ngồi chén, Hùng “tới” liên tục, không bị “hố”, mỗi bàn từ 17 đến 40 “lịnh”. Tàn cuộc, tính tổng tiền thu được vừa tiền Việt, vừa tiền đô trị giá thẳng lợi hơn tám tỷ đồng!

Hùng nói:

- Thưa bà, thưa bác, cháu chơi bài chủ yếu vui thôi, giờ cháu xin trả lại hết cho nhà, cháu xin phép được về!

- Chưa được, cháu Hùng xem mắt vợ trước đi, phần tiền bạc đó tặng hết cho cháu để lo tương lai!

- Thưa còn bạn Duy nữa, cháu không nhận đâu!

- Đây là lịnh, cháu không được cãi, thằng Duy đã có phần riêng! Giờ khuya rồi, Duy đem tráng miệng lên uống trà rồi nghỉ!

Duy đem một đĩa dưa gang với đường thốt nốt lên bàn. Cả bàn cùng ăn. Uống trà xong Hùng xin cáo từ lần nữa để dịp khác, ba của Duy nói:

- Nhà cũng gần bên, thôi thì cháu lên ván nằm với Duy sáng mai về!

Hùng ngồi lâu cũng nghe tê buốt chân nên cũng nghe lời. Nhà tắt đèn chỉ chừa một ngọn đèn chong để trên bàn, bà cụ nói:

- Ba thằng Duy ra gọi con Nương vào!

Hùng kinh hoảng khi thấy cả nhà bỗng nhiên đổi thái độ cùng cười the thé. Bà cụ nói:

- Đêm nay động phòng luôn, của cải đã chia xong rồi, bắt

Nhất thiết hữu vi pháp  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh  
Như lộ diệt như điện  
Ứng tác như thị quán.

(Kinh Kim Cang)

DỊCH:

Tất cả các pháp hữu vi  
Như bóng, bọt nước có gì khác đâu  
Như sương, như điện lóe mau  
Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng.

đầu ngày mai dọn nhà!

Hùng định đứng lên nhưng toàn thân tê liệt chỉ kêu được ú ở trong họng...

\*

Sáng hôm sau, đoàn giải tỏa thi công ủi toàn bộ khu nghĩa trang, họ đã nhìn thấy Hùng nằm ngủ trên một cái má đá xanh, chung quanh rải đầy vàng mã hình như của chủ mộ đã hốt cốt và cúng tế từ trước. Họ đánh thức Hùng:

- Nhà cửa đâu không về mà ở đây ngủ vậy cha nội?

Hùng không trả lời, đầu nặng như đá tảng, anh bước đi lảo đảo. Nhóm thi công cười ha hả:

- Trời đất ơi, xin chết bờ chết bụi kia kia! Ha ha ha...

Hùng dụi mắt nhìn thấy khu mộ bị ủi gần hết, mộ bia bị vỡ nằm lẩn lóc trên mặt đất. Anh kinh hoàng nhìn thấy trên mảnh bia còn sót có khắc chữ “mộc” liền rú lên và bỏ chạy thật nhanh trong tiếng cười ngạo nghễ của nhóm thi công...

P.T.D

## *Lời Sám Hối*

*Lời sám hối, giữa đêm trắng  
Nguyện cầu tâm lặng ý bằng phẳng trong  
Để con trút cạn nỗi lòng  
Từ trong vô thi lỗi bồng bềnh trôi*

*Bởi vì dung dưỡng cái tôi  
Bởi vì mê muội bóng ngời hư danh  
Bởi vì sân hận quấn quanh  
Bởi vì ngộ ái vương mình nghiệt oan*

*Khiến cho phân số đa đoan  
Khiến cho phiền não ôm choàng lấy thân  
Dâng hương lễ Phật ngày rằm  
Con xin sám hối những lầm lỗi xưa...*

*Biết sai, biết đúng, biết chừa  
Nguyện cầu Bồ tát độ đưa sang bờ.*

## *Đông Về... Nhớ Mẹ*

*Trời trở gió... đông về rồi đó mẹ!  
Áo choàng vai có đủ ấm đêm buông?  
Vàng trắng khuya chênh chéch thả nỗi buồn  
Con thao thức  
Sợ sầu đông... làm mẹ chạnh lòng thương nhớ.*

*Con sẽ về  
Xoa nhẹ đôi vai buồn gầy gộc  
Của mẹ già  
Ngồi vá áo sờn... bằng sợi rét lọt qua tay  
Nghe câu ca dao  
Mẹ ru đông cho gió bắc nghen ngào  
Đừng qua ngõ làm giật mình cơn mộng tưởng.*

*Con sẽ về  
Nhìn dòng nước đông xuôi mình tắm nắng  
Nhìn mẹ cười  
Khi con cá lóc quẫy đuôi  
Lửa đêm đông... mẹ nhóm lạng than rồi  
Củ khoai ... bấp nướng  
Mùi thơm bay ngủ nhờ trên ngọn lá.*

*Mùa đông  
Mùa đông ơi... đừng lay động  
Để mai về bên gối mẹ chiều quê  
Nắng nghiêng nghiêng  
Con nhật máy hạt gầy  
Hong tóc mẹ... mặc gió đông giạt dỗi.*

## *Mang Bình Minh Trở Lại ...*

*(Ghi lại chuyến công tác tại LONG HỒ tỉnh VĨNH LONG)*

Thế là tôi đành phải tạm thời xa những buổi sáng tinh mơ, trời lạnh buốt của xứ cao nguyên nắng gió, những buổi sáng tôi vẫn có thói quen dậy sớm, khoác vào mình một chiếc áo ấm, kéo cao chiếc mũ lên che kín cả hai tai cho đỡ rét, rồi bắt đầu công việc quét lá sân chùa, gom thành đống rồi đốt. Ngôi chùa nhỏ nằm gọn trong một rẫy cà phê, nhãn, bơ, lại thêm một mấy cây bông giấy nở rộ đầy cành, nên mỗi sáng, nhất là sau những đêm trời trở gió, lá rụng ngập đầy cả sân chùa.





Tạm xa con đường nhỏ dắt vào tịnh thất của tôi, luôn luôn ngạt ngào một mùi hương ngọt ngào của những trái điều chín, lũ chim đêm ăn rơi rụng, vương vãi đầy cả lối đi. Tạm xa những đàn bướm vàng, hàng trăm con vẫn bay lượn và sà xuống đậu cả vào bụi cửa tịnh thất mà không hề sợ hãi. Tạm xa những hàng hoa sao nhái màu vàng chanh mong manh mà rục rỡ, luôn luôn uốn mình vui mừng chào đón tôi những khi tôi đi xa về. Tạm xa tiếng chim hót ríu rít suốt đêm ngày của nhiều loại chim vẫn tìm về trú ngụ trên những cành cây trong sân chùa và bây giờ tôi đang về lại Sài Gòn đầy tiếng động, ngựa xe như nước, để cùng các em trong Chi Hội TỪ ÁI thân yêu tham dự chuyến công tác mổ mắt từ thiện tại xã Phú Quới huyện Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Điều đặc biệt là chi hội chúng tôi đã cùng với các bác sĩ Nhân khoa của Bệnh viện Mắt Quốc tế AN SINH để thực hiện chuyến công tác này. Và điều đặc biệt hơn cả là bệnh viện AN SINH đã đem cả máy Phaco để đem kỹ thuật cao phục vụ cho bệnh nhân nghèo, một điều thật tuyệt vời, một điều tôi mong ước từ lâu.

Kể từ những ngày đầu tiên đi theo Đoàn từ thiện của Hội Nhân khoa Thành phố tham dự những chuyến công tác triền miên đến các vùng xa xôi trên khắp mọi miền đất nước, để đem ánh sáng cho đồng bào nghèo bất hạnh, tôi đã ước mơ làm sao có thể đem kỹ thuật cao để phẫu thuật mắt cho đồng bào nghèo của mình. Bởi vì được phẫu thuật bằng Phaco, bệnh nhân không cảm thấy đau, sẽ chóng bình phục và xác suất nhiễm trùng rất thấp, mà đối tượng của chúng tôi phần nhiều là những người nghèo khốn khổ, sống ở vùng sâu, vùng xa, trong môi trường kém vệ sinh mà kiến thức vệ sinh lại ít ỏi.

Và bây giờ điều mơ ước ấy của tôi đang được thực hiện trong chuyến công tác này. Từ Buôn Mê Thuộc về đến Sài Gòn vào buổi chiều, chưa kịp nghỉ ngơi, ba giờ sáng hôm sau đã trở dậy để chuẩn bị cho chuyến đi. Bác sĩ Hòa và em Thông đã hẹn

trước với tôi sẽ đến trụ sở Từ Ái để đón tôi cùng đi và lấy thêm đồ dùng cần thiết cho chuyến đi mà bác sĩ Quyên đã soạn đêm hôm trước.

Bốn giờ sáng, chúng tôi có mặt ở Bệnh viện AN SINH. Tất cả đã khởi động nhộn nhịp, tất bật. Anh em đang chuyển những vật dụng cần thiết cho chuyến đi ra cả sân, chuẩn bị đưa lên xe. Tôi thoáng thấy bác sĩ Khải, bác sĩ Tín đang lăng xăng lo đóc thúc anh em.

Chị Nhã, điều dưỡng của An Sinh, đang kiểm tra lại tất những dụng cụ đem theo, điều gay go nhất là khi đem bộ phận máy Phaco lên xe, vì cửa xe thì hẹp nên đem được máy lên xe thật thiên nan vạn nan. Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng, xe bắt đầu chuyển bánh, đưa chúng tôi về phía miền Tây. Anh chị em Từ Ái và một số thành viên của An Sinh đi trên chiếc xe lớn, còn một số gồm các bác sĩ của An Sinh dùng chiếc 16 chỗ. Bác sĩ Tín cho biết có 4 bác sĩ phụ trách phẫu thuật, trong đó có chị Hải Yên tôi đã được gặp rất lâu lúc tôi còn làm việc ở TT. Laser An Bình.

Ngồi trên xe, nhìn ra hai bên vệ đường, những hình ảnh thân quen của chuyến công tác này làm tôi bồi hồi nhớ lại những chuyến công tác triền miên qua không biết bao nhiêu vùng xa xôi heo lánh mà tôi đã đi theo Đoàn Công tác Từ thiện của hội Nhân khoa thành phố do bác sĩ Nguyễn Cường Nam làm trưởng đoàn. Những chuyến công tác đầy ắp tiếng cười tinh nghịch của các bác sĩ trẻ: Thi, Sơn, Giang, Truyền, Hà, Mai, Thu Ba, Ánh Lan, Thúy Hằng v.v... Chúng tôi làm việc thật cực nhọc mà vẫn hăng hái, vui vẻ vì mình đã đem lại ánh sáng cho những đồng bào nghèo bất hạnh. Chúng tôi đến Trung tâm Y tế huyện Long Hồ sau ba giờ trên xe. Tôi thoáng thấy những bệnh nhân đang ngồi chờ trên các băng đá dọc theo hành lang bệnh viện. Điều làm tôi và một số các bạn trong đoàn ngỡ ngàng là bệnh viện có quá nhiều cây hoàng yến với những chùm hoa vàng rực rỡ làm sáng cả lối sân bệnh viện. Chúng tôi phân công, bắt tay vào làm việc.

Dược sĩ Dung, trưởng nhóm Dược của đoàn chúng tôi, vốn rất bận rộn và lu bu trong những chuyến công tác của đoàn, đã được tôi báo trước rằng chuyến công tác này cô sẽ rất nhàn, bởi vì thuốc đã cho sẵn vào từng gói, cô chỉ việc dặn bệnh nhân cách sử dụng thuốc mà thôi, thay vì phải tìm thuốc cho từng toa thuốc một như thường lệ. Bệnh viện An Sinh đã rất trân trọng bệnh nhân nghèo vì thuốc được cho sẵn vào từng bao và kèm cách sử dụng cẩn thận. (Dĩ nhiên mỗi bệnh nhân đã có một toa thuốc rồi). Thuốc lại được bỏ vào một túi xách rất đẹp của Bệnh viện An Sinh. Cách cho hơn của đem cho mà! Điều mà tôi xúc động nhất và hài lòng nhất là phác đồ thuốc điều trị sau mổ quá tốt. Có lẽ từ khi đi theo những đoàn mổ mắt từ thiện từ trước đến nay, chưa bao giờ tôi hài lòng về một phác đồ thuốc sau mổ như lần này. Đầu tiên là lọ thuốc TOBRADEX đắt giá, quá tốt cho mắt bệnh nhân sau ca mổ. Rồi đến những thứ thuốc kháng sinh, kháng viêm đất tiền. Bệnh nhân mổ từ thiện đã được mổ bằng phương pháp Phaco mà lại được cấp thuốc tốt làm tôi hoàn toàn yên tâm về những ca mổ.

Công tác đang được khởi động một cách hăng say thì... bệnh viện bị cúp điện! Mọi người nhón nháo, lo âu. Chiếc máy phát điện được đem ra sử dụng. Anh chàng Thông, vốn là chuyên viên điện... có dấu, đang cùng Huỳnh Lưu lằng xằng lo nhận hồ sơ mổ, đã phải chạy lên chạy xuống cầu thang nhiều lần, nhưng vẫn chưa sử dụng điện cho các ca mổ được vì công suất của máy yếu.

Khi anh Bình, Giám Đốc TT. Bảo vệ Xã hội vận động được một máy chạy điện loại mạnh, Thông đã được đề cử rời phòng mổ để “chuyên trị” chiếc máy phát điện. Phòng mổ đã khởi động tốt đẹp. Anh chàng Hòa cao khều của Nhóm Dược kỳ này được bác sĩ Tín giao cho nhiệm vụ đánh dấu mắt mổ cho bệnh nhân và chụp hình bệnh nhân trước ca mổ. Khi bác sĩ Tín ra kiểm tra nhìn lên mắt các bệnh nhân bỗng đăm hoảng, la lớn bắt đánh dấu lại. Té

ra thay vì đánh dấu thật lớn vào con mắt sắp được mổ thì chàng Hòa nhà ta sợ... làm xấu dung nhan của bệnh nhân, nhất là bệnh nhân nữ, nên thay vì đánh dấu chữ thập, anh chàng lại bắt chước Mao Diên Thọ, nhẹ nhàng điểm một nốt ruồi “thương phu trích lệ” vào mắt bệnh nhân!

Thấy chuyện điện đóm găng quá, chúng tôi cũng hơi hoảng vì sợ sẽ về lại thành phố rất muộn, và nhất là thấy ê kíp phòng mổ đã phải dùng cơm trưa muộn quá. Xót những bạn trẻ nhiệt tình này, tôi vui vẻ đứng tiếp các bạn trong bữa cơm, bác sĩ Hải Yến đã cười với tôi: “Lần sau khi nào có chuyến đi, tụi em lại ới cô nhé!”.

Rồi những ca mổ cũng được tiếp tục. Con số bệnh nhân được mổ đều đặn rời phòng mổ và được Dung ân cần dặn dò kỹ lưỡng. Khi các bạn đi ăn cơm tối về, số bệnh nhân còn lại trong phòng mổ là 5 người. Chúng tôi lại tiếp tục công ai việc nấy, chờ phát thuốc cho bệnh nhân cuối cùng.

Bác sĩ Quyên với tư cách trưởng đoàn, gặp anh Bình để giải quyết mọi việc tồn đọng trước khi về. Quyên cho biết là anh Bình đã không chịu nhận tiền cơm mà địa phương đã lo cho Đoàn trong ngày công tác, tôi nói đùa với anh: “Sao anh không báo trước, nếu biết trước như thế tôi đã... không ăn chay suốt ngày hôm nay rồi”! Sau bữa cơm tối của ê kíp phòng mổ, chúng tôi lo dọn dẹp ra về.

Tôi nhìn đồng hồ: 21 giờ, và nhắm tính thời gian về đến Sài Gòn chắc sẽ rất khuya nên đã nhắc Quyên điện về Sài Gòn báo cho bác sĩ Mai Chinh biết để chờ cửa chúng tôi. Bác sĩ Tín cùng em Hòa và Thông ở lại để lo cho tái khám hậu phẫu. Sau khi bịn rịn bắt tay nhau từ giã, chúng tôi lên xe, hẹn một chuyến công tác khác. Xe lại chuyển bánh, trả chúng tôi về lại với Sài Gòn khói bụi...

Một cảm giác an vui tràn ngập lòng tôi khi biết rằng những bệnh nhân được đem lại ánh sáng hôm nay là những bệnh nhân may mắn và hạnh phúc, bởi đã được phẫu thuật bằng kỹ thuật cao,

1. Đòi nay làm quan do nhân gì?  
Kiếp trước vàng ròng thép tượng Phật
2. Cưỡi ngựa, ngồi kiệu do nhân gì?  
Kiếp trước làm cầu, bồi đắp lộ.
3. Do nhân duyên gì mặc gấm vóc?  
Đòi trước thí áo giúp Tăng Ni.
4. Có ăn, có mặc do nhân gì?  
Xưa giúp kẻ nghèo cho ăn uống.
5. Ăn mặc thiếu thốn bởi nhân chi?  
Kiếp trước một nửa không xả thí.
6. Lầu cao nhà lớn do nhân gì?  
Xưa lên chùa am cúng thí gạo.
7. Phước lộc đầy đủ cho nhân gì?  
Xưa lập chùa am cất nhà mát
8. Tướng mạo xinh đẹp do nhân gì?  
Đòi trước hoa tươi cúng dường Phật.
9. Thông minh trí tuệ do nhân gì?  
Kiếp trước ăn chay, thường niệm Phật.
10. Người thấy vui mừng do nhân gì?  
Xưa kết duyên lành cùng đại chúng.

(KINH NHÂN QUẢ BA ĐÒI)

bởi những bác sĩ nhãn khoa vừa có tài vừa tràn đầy nhiệt tình và trách nhiệm, được điều trị thuốc tốt và được bác sĩ ở lại trực để khám hậu phẫu. Những điều kiện tất yếu để bảo đảm một ca mổ thành công. Kinh nghiệm những chuyến công tác trước đã cho tôi thấy việc khám hậu phẫu cho bệnh nhân mổ mắt là một việc làm tối cần thiết để bảo đảm an toàn cho đôi mắt bệnh nhân.

Lòng lâng lâng vui sướng, tôi nhắm mắt lại, hát khe khe một bài hát yêu thích: *“Có những niềm riêng lòng không muốn nói ...”*

HẠNH VÂN

## *Sài Gòn Và Nỗi Nhớ*

*Trời Sài Gòn mây se sắt nắng  
Thương bóng ai thơ thẩn giữa vòm cây  
Anh tìm em bóng nhỏ vai gầy  
Giữa Sài Gòn lộng gió*

*Sao quên được những ngày bão tố  
Đôi mắt tìm nhau giữa đờ hội Sài Gòn  
Hàng me non Lê Quý Đôn đổ bóng  
Công viên Tao Đàn lóng ngóng thương sao*

*Sài Gòn của Anh  
Sài Gòn của Em  
Qua ký ức ngày nào  
Chợt vỡ òa cơn mưa chiều ngăn lối*

*Nhớ sao những dòng thân thương viết vội  
Bao nhiêu năm còn đó gốc sao già  
Chiều Gia Long rợp áo trắng sơn ca  
Sài Gòn ai qua mà không nhớ!*

*Ta tìm nhau giữa dòng đời hối hả  
Cánh hoa dầu theo cơn lốc xoay xoay  
Sài Gòn trong Anh  
Sài Gòn trong Em  
Đong nỗi nhớ vơi đầy  
Quên sao được  
Sài Gòn mộng mơ  
Một thời ta mới lớn.*

## *Mẹ Ngồi Vá Những Ngày Xưa*

*Mẹ ngồi vá những ngày xưa  
Tóc sương rụng một sợi thừa xuống vai  
Tháng năm cho những u hoài  
Ngày mai cho một đường dài vô vi*

*Tiến chồng lại tiễn con đi  
Thương cho một thửa xuân thì lãng quên  
Đôi lần quên cả cái tên  
Mẹ ngồi tòm tẻm bắt đền tháng năm*

*Mùa thu tròn ánh trăng rằm  
Mẹ tròn đến cả chỗ nằm u ru tư  
Bỏ đi nghĩa vụ xa như...  
Khói bom ám cả trang thư rất buồn*

*Chiều chiều mẹ nhớ con luôn  
Áo com còn nặng mưa tuôn lạc bầy  
Bình minh mẹ nói đôi tây  
Đêm năm mẹ ngóng đến ngày mới lên*

*Mẹ ngồi vá nhớ vào quên  
Vá sau vào trước vá tên tháng ngày  
Mẹ ngồi vá trắng tóc mây  
Vá mênh mông xuống cho đầy nhớ thương.*

## *Sài Gòn Không Có Mùa Đông.*



Sài Gòn không có mùa đông, chỉ có mùa mưa và thời tiết cũng chưa bao giờ lạnh đủ để một đứa từ miền Trung vốn đã trải qua hơn hai mươi mùa đông mưa dầm dề, mưa lê thê và lạnh thấu xương như mình. Vậy mà, mấy tháng cuối năm của Sài Gòn, khi mùa mưa ở đây dần dần được thay thế bởi không khí mát mẻ, se lạnh theo kiểu người Sài Gòn và khi mùa đông ở Huế bắt đầu, cảm giác nhớ nhà, nhớ quê, nhớ Huế, nhớ mùa đông lạnh ở miền Trung lại ùa về, sống lại và dâng trào.

Mùa đông đầu tiên xa nhà, xa quê, cũng hơn mười lăm năm rồi, là thê thảm, thảm thía nhất: một mình ở phòng trọ, nghe tin tức mưa bão, ngập lụt, lạnh rét ở quê mình mà muốn khóc, muốn về nhà ngay thôi, muốn được mặc vài lớp áo ấm, choàng áo mưa mỗi khi ra khỏi nhà hay nằm co ro không dám thò chân ra khỏi mền vì lạnh. Sài Gòn chuẩn bị đón Giáng sinh, đồ trang trí ngập đường, điện đèn sang rực phố cũng không làm mình nguôi



ngoại nổi nhớ mùa mưa dài lê thê và lạnh cóng ở quê nhà. Giáng sinh Sài Gòn cũng không lạnh; không khí chào đón mùa Noel nhộn nhịp, ồn ào. Giáng sinh ở Huế thì ngược lại: mưa, lạnh, bình an và linh thiêng hơn. Sài Gòn không có mùa đông. Sài Gòn chỉ có hai mùa nắng – mưa và mùa mưa khiến những người xa quê chọn Sài Gòn làm quê hương thứ hai khắc khoải, nhớ nhà.

Mùa đông thứ hai xa nhà, cũng khắc khoải, cũng buồn lắm, nhưng không bi đát hơn năm đầu tiên, có lẽ Sài Gòn đã bắt đầu thu nhận mình như một công dân nhập cư mới đang dần quen với thời tiết, với lối sống ở đây. Khi những cơn mưa chiều cuối mùa của Sài Gòn bắt đầu thưa dần, ít đi cũng là lúc những người xa quê mưu sinh, lập nghiệp nôn nao lên kế hoạch cho một kỳ đoàn tụ: Về nhà ăn Tết! “*Mây mưa vé chưa? Ngày nào về? Ngày nào vô lại Sài Gòn?*” là những câu hỏi thường nghe nhất, thân thương nhất giữa những người xa quê như mình khi những tháng cuối năm đến gần. Mùa Tết ở miền Trung tiết trời cũng còn lạnh lắm, nhưng được về quê sau một năm xa nhà, được gặp lại anh chị em, bà con, bạn bè ở nơi mình sinh ra và lớn lên, được đi dưới mưa phùn lất phất, được cảm nhận cái lạnh quen thuộc còn sót lại của mùa đông là một trải nghiệm tuyệt vời.

Mùa đông thứ ba, thứ tư, thứ năm, rồi thứ mười mấy xa nhà, tình cảm và nhớ nhung dành cho mùa đông mưa lạnh ở quê đã trở nên nhẹ nhàng, dịu dàng hơn. Giờ đây, Sài Gòn là nhà nơi có gia đình nhỏ của mình, có bạn bè, có đồng nghiệp, có công việc đã gắn bó với mình chừng ấy năm. Mùa đông ở quê không còn làm nhức nhối, giầy vò mình như mười mấy năm trước nữa, nhưng nổi nhớ thì vẫn ở đâu đó và thật ra nó đã được sắp xếp vào một góc nhỏ được trân trọng trong cảm nhận cuộc sống của mình. Mùa đông ở quê đã thành kỷ niệm, nhường chỗ cho những kế hoạch, khát vọng cuộc sống ở quê hương thứ hai: Sài Gòn.

Sài Gòn không có mùa đông, ở quê mình mới có.

T.T.H

## ***Thăm Chùa***

*Rằm thiêng hoa trái thăm chùa  
Tình cờ gặp lại em vừa lễ xong  
Biết người còn nhớ hay không  
Mà sao ngọn khói bay vòng mắt xưa.*

## ***Mai Này***

*Thì thôi cánh nhận giang hà  
Tụng pho kinh vọng Ta bà chúng sinh  
Mai này lệ nhỏ điều linh  
Mới hay còn mắt thâm tình cố quy.*

## ***Đôi Bướm***

*Trưa nay nằm ở vườn chùa  
Thấy đôi bướm trắng cứ đùa giỡn bay  
Giận người toan tính chia tay  
Thèm như đôi bướm từng ngày có nhau.*

## Tóc

Tóc là hoa của thời gian  
Đen đen trắng trắng muôn vàn buồn vui

Nổi chìm bao kiếp người ơi  
Trên màu tóc trái nổi đời đắng cay

Trần gian bụi phủ tóc đầy  
Mỏng manh từng sợi xơ gầy nhớ mong

Cuộc đời có có không không  
Ta nghe sợi tóc bạc trong tay mình...



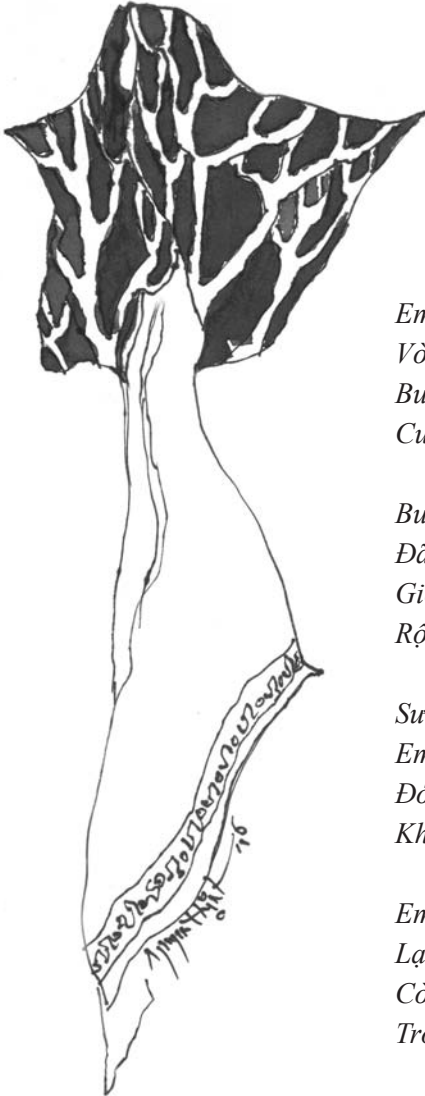
## *Khi Anh Đến*

Em như con chim nhỏ đã cóng lạnh giá băng từ cơn bão lòng. Vết thương đau cứ sâu, tưởng chừng như ngàn năm chẳng thể trôi xa, chẳng thể nhạt nhòa khói sương theo năm tháng, tưởng chừng như con tim đã vùi chôn thâm u. Đông buồn, một màu tím bơ vơ, hồn em lạc lõng lòng không chút nắng. Em cứ thế lạc loài trong bóng dài nhuộm màu dâu bể, râm rỉ mắt em buồn luôn đọng hạt rung rung, và trong mơ như thấy linh hồn mình thềm hạt yêu thương, như đợi chờ ai cánh chim tận cuối trời.

Anh từ đâu chợt đến... như chiếc lều cỏ, sưởi em trong ấm nồng. Anh hiện hữu nổi cô đơn trong em như đọng lại rồi tan loãng, mất hút theo chút lạnh tàn thu. Trời đã vào đông mà em ngỡ như mùa xuân, làn môi em nở như hoa đào, mon mơn như mùa xuân vừa chín, cứ thấy lòng mình rộn rã cháy lên trong ngọn lửa của anh, đốt yêu thương rực cháy trong em vào cõi mộng.

Anh đến... em nghe nổi yêu thương dâng trào, cho em mang giọt nắng mới vào lòng, cho tim em đượm hồng, cho ngày bớt vắng, cho đêm bớt dài, cho đời bớt lạnh những chiều cô quạnh vào đông, cho sầu thôi rơi, cho đau thương trôi dần vào miền ký ức. Cho em bỗng thấy đời còn hương yêu, hạnh phúc còn sắc màu lung linh... rơi rơi....

## *Bước Chân Người Ấy*



*Em hát giữa chiều mơ  
Vòm trời nghiêng xuống thấp  
Bước chân ai thực hư  
Cuối vòm cây ẩn khuất*

*Bước chân chưa rõ nhịp  
Đã rồi rít lòng em  
Gióng già tiếng ve ngân  
Rộn ràng chiều thu rụng*

*Sương buông chùng khựng lại  
Em nép mình trong cây  
Đóa quỳnh khe khẽ thở  
Khép mở mây dài mây*

*Em dường đang đứng dậy  
Lại dường như không đứng  
Còn cách một hàng cây  
Trời bỗng dưng tịch lặng*

## *Tiến Em Về Buôn Hồ*

*Em đi về với Buôn Hồ  
Con đường bụi đỏ mịt mờ cao nguyên  
Đêm nghe mưa dạt ngoài hiên  
Chắc gì em nhớ nắng quen đồng bằng*

*Em về phố núi sương giăng  
Đồi khuya hiu quạnh giọt trăng cuối mùa  
Rượu nồng đã nhạt môi xưa  
Thôi thì cạn chén ta đưa tiễn người*

*Tóc thê em thả ra khơi  
Ta còn ở lại với trời hư không  
Có loài hoa rụng bên sông  
Nước theo đường nước chia dòng bể dâu*

*Còn ta em cứ quên mau  
Nhớ chi cái kẻ đã sâu viễn vông  
Dường như có lệ trong lòng  
Khóc cho ai giữa mùa đông lạnh loài*

*Chiều nghiêng cánh nhận mờ cõi  
Bay trong mưa gió về nơi xa nào  
Ừ tình là giấc chiêm bao  
Sao đêm tà tịch ta gào tên em!*

## *Tưởng Niệm Nietzsche*

“Có hai con đường cho chúng ta: Nếu em muốn hạnh phúc và muốn tâm hồn an nghỉ thì hãy tin, còn nếu em muốn suốt đời là kẻ theo đuổi chân lý thì hãy tìm kiếm...”.

(Trích: Cuộc đời và Triết lý của Nietzsche)

*Không có kẻ chặn chân, chỉ rặt một đàn cừu  
Nên Chúa chết treo mình trên thánh giá.  
Nên Bồ Đề Đạt Ma ngồi im trước đá...  
Không có kẻ chặn chân, chỉ rặt một đàn cừu!*

*Bùi Giáng cười ra phở dạo rong chơi  
Nguyễn Du viết Kiều sâu bao thế kỷ  
Lão Tử cười trâu làm người dung dị  
Không có kẻ chặn chân chỉ rặt một đàn cừu!*

*Mấy trăm năm rồi mưa nắng ra sao?  
Khổng Tử có buồn trong miếu đồ...  
Phật tịch lâu rồi từ trong đốn ngộ  
Sao không thấy kẻ chặn chân, chỉ rặt một đàn cừu?*

## *Mộng Đế Vương*

\*

*Có phải là em?  
Người đàn bà của riêng ta trong tiền kiếp  
Sao em mãi u hoài, da diết?  
Mãi loay hoay tìm ta giữa chốn hồng trần  
Tìm kiếm mỗi ngày, mỗi tháng... mỗi năm  
Và cứ thế  
Năm này sang năm khác,  
Song/ Chưa một lần ta nhận ra nhau.*

\*

*Ta đã lạc mất nhau  
Từ bao nhiêu năm rồi em nhỉ?  
Chắc từ khi  
Chưa có nàng “Tô Thị”<sup>(1)</sup>  
Từ khi chưa có “Thiếu phụ Nam Xương”<sup>(2)</sup>  
Và lúc đó  
Thân ái tình cũng chưa xuất hiện  
Nên tình ta chưa trở thành huyền thoại bao giờ.*

\*

*Có phải là em?/ Đã từng xem ta  
Là bậc Đế Vương<sup>(3)</sup> của nhiều nghìn năm trước  
Khi ta say mê/ Em chẳng hề từ khước chuyện ái ân  
Và những khi ta phán lệnh truyền  
Em là người cầm nắm tay ta  
Nhẹ nhàng nói những lời dịu dàng, từ tốn*



*Phút giây này  
Tìm ta tràn ngập yêu thương!  
Có phải là em?  
Của những lần tay ta thấm ướt  
Giọt châu sa hòa hạnh phúc êm đềm*

\*

*Mấy lần “thương hải tang điền”<sup>(4)</sup>  
Giữa chốn hồng trần gió bụi  
Giữa vạn vật vẫn xoay  
Một ngày cuối xuân êm đềm, thong thả  
Em đây à?/ Thật không?  
Người đàn bà của riêng ta từ nhiều nghìn năm trước  
Người đã từng ngự trị trái tim ta  
Giờ đây/ Tìm ta bồi hồi nhớ lại  
Giọt châu xưa  
Nay đã không còn vương trên mắt em như ngày trước  
Ta cũng chẳng say mê như thuở Đế Vương  
Và ta chẳng bao giờ có quyền phán lệnh  
Khi bàn tay em chưa một lần cầm nắm tay ta.  
Mộng Đế Vương thuở trước đã xa rồi  
Xa luôn cả giọng nói dịu dàng, từ tốn...  
Trong sâu thẳm tâm can  
Ta mơ màng  
Thấy/ Bóng hình em/ Mờ dần/ Mờ dần  
Rồi/ Xa khuất.*

---

(1) Nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam có tựa Hòn Vọng Phu.

(2) Truyện cổ Việt Nam.

(3) Đế chế Vương triều.

(4) Giống như cuộc bể dâu.

# HƯƠNG THIỀN 4/2016 (38)

NHIỀU TÁC GIẢ

---

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM**

**Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House**

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419. Fax: (08) 39142890

Email: [nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn](mailto:nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn)

[nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn](mailto:nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn)

Website và bán hàng trực tuyến: [nxbvanhovannghe.org.vn](http://nxbvanhovannghe.org.vn)

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

*Biên tập:* Vương Hoài Lâm

*Sửa bản in:* Xuân Tiến

*Trình bày:* Phương Nhất Điền

*Bìa:* Mai Phúc Châu

*Liên kết xuất bản:* Hương Thiền Books

304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.Hồ Chí Minh.

E-mail: [phancattuong@gmail.com](mailto:phancattuong@gmail.com)

ĐT: 0932 064 021 - 0913 724 043

---

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu In Sài Gòn

Số đăng ký KHXB: 36-2016/CXBIPH/44-02/VNTPHCM

QĐXB số: 420-QĐ/NXBVHVN ngày 12/10/2016

ISBN: 978-604-68-2626-2

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2016

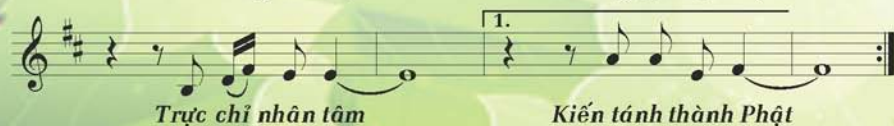
# BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA tổ-sư

◇ Sáng tác: Nguyễn Khải Hoàn

Chậm rãi - Trang trọng



Hơi nhanh - Phấn khởi



01. ĐỨC SƯ ÔNG THƯỢNG BỬU HẠ ĐỨC - HT. THÍCH  
THIỆN PHƯỚC - NT. THÍCH NỮ HUỆ GIÁC - HT. THÍCH GIÁC  
QUANG - TT. THÍCH THIÊN TÀI 20. TRẦN TAM BẢO - TRẦN ĐỨC  
TÂM - TRẦN HẬU - ĐỒNG CHÂU - NGUYỄN ĐỨC TỎ - HIỀN THÙ -  
SONG NGUYỄN - NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH - TRẦN KHÁNH MINH 40.  
THÍCH THIÊN TÂM - DIỆU NGUYỄN - THÍCH THIÊN LỄ - ĐỖ HỮU  
TÀI - NINH GIANG THU CÚC - DZA LỮ KIỀU - LẠC NGUYỄN - HÀ  
THU THÙY - NGUYỄN QUANG ĐẠI 60. HẠC THÀNH HOA - NGUYỄN  
THỊ HOÀNG - NGUYỄN VĂN KỶ - DU TỬ LÊ 80. NGUYỄN THỊ MÂY  
- PHẠM VĂN SAU - PHẠM THIÊN THƯ - GIÁC AN - HOÀNG NHỨT  
- TRẦN TƯ NGOAN 100. NHẬT CHIÊU - TRƯƠNG VĨNH CHẤN -  
NGUYỄN NGỌC THƠ - CHÂU ĐÔNG THƠ - NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG  
- HOÀNG YẾN DY - CAO THỊ HOÀNG - NGUYỄN CÔNG KHANH  
120. ĐỖNH TRÂM CA - DIỆP TỬ - HOÀNG ANH 79 - MANG VIÊN  
LONG - MAI TUYẾT - NGUYỄN ĐĂNG THANH - PHAN THÀNH DANH  
- QUANG THÁM - VÔ TRỤ - VĨNH HẢO - SỸ LIÊM 140. NGUYỄN HẢI  
THẢO - NGUYỄN QUỐC HƯNG - TƯỜNG VY - PHẠM THỊ KIỆP -  
ROSE - HOÀI HUYỀN THANH - PHẠM ĐÔNG HOÀNG - ĐẶNG PHÁT  
- NGUYỄN HỮU TÌNH - QUYÊN VŨ - NGUYỄN THỊ TÌNH CỜ 160.  
VÂN THANH - CHÍ THẢO - MONG MANH - VIÊN MINH - LÊ TÁT SĨ -  
NGUYỄN ĐĂNG TRIỀU - NGUYỄN HIẾU TRUNG - LÊ MINH THÀNH  
180. NGUYỄN HIẾU TÍN - HUỲNH ĐỨC TỬ.



ISBN: 978-604-68-2625-5



25.000 đồng